

TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

Nhà Hậu Hán,
Ca-Điếp-Ma-Đằng (*Kashyapa-maganta*) và
Trúc-Pháp-Lan (*Gobharana*) cùng dịch



Thích Vĩnh Hóa
dịch giảng

Báo Ân Tự
7509 Mooney Drive
Rosemead, CA 91770, USA.
Tel: (626) 280-2327
Fax: (626) 288-2182
Tái bản lần thứ hai,
www.BLI2PL.org

Mục Lục

Kinh tựa	11
<i>Chương 1: Xuất Gia Chứng Quả</i>	25
<i>Chương 2: Đoạn Dục Tuyệt Cầu</i>	41
<i>Chương 3: Cắt Ái Khứ Tham</i>	51
<i>Chương 4: Thiệt Ác Tinh Minh</i>	55
<i>Chương 5: Chuyển Trọng Linh Khinh</i>	65
<i>Chương 7: Ác Hoàn Bản Thân</i>	72
<i>Chương 8: Trần Thóa Tự Ô</i>	77
<i>Chương 9: Phản Bồn Hội Đạo</i>	82
<i>Chương 10: Hỷ Thí Hoạch Phúc</i>	86
<i>Chương 11: Thí Phạn Chuyển Thăng</i>	91
<i>Chương 12: Cử Nan Khuyến Tu</i>	99
<i>Chương 13: Vấn Đạo Túc Mạng</i>	110
<i>Chương 14: Thịnh Vấn Thiệt Đại</i>	113
<i>Chương 15: Thịnh Vấn Lực Minh</i>	116
<i>Chương 16: Xả ái Đắc Đạo</i>	121
<i>Chương 17: Minh Lai Ám Tạ</i>	124
<i>Chương 18: Niệm Đẳng Bồn Không</i>	126
<i>Chương 19: Chân Giả Tinh Quán</i>	130

<i>Chương 20: Suy Ngã Bồn Không</i>	133
<i>Chương 21: Danh Thanh Táng Bồn</i>	135
<i>Chương 22: Tài Sắc Chiêu Khổ</i>	139
<i>Chương 23: Thê Tử Thạm Ngục</i>	142
<i>Chương 24: Sắc Dục Chướng Đạo</i>	146
<i>Chương 25: Dục Hỏa Thiêu Thân</i>	150
<i>Chương 26: Thiên Ma Nhiễu Phật</i>	152
<i>Chương 27: Vô Trước Đắc Đạo</i>	155
<i>Chương 28: ý Mã Mạc Túng</i>	159
<i>Chương 29: Chánh Quán Địch Sắc</i>	162
<i>Chương 30: Dục Hỏa Viễn Ly</i>	166
<i>Chương 31: Tâm Tịch Dục Trừ</i>	169
<i>Chương 32: Ngã Không Bối Diệt</i>	173
<i>Chương 33: Trí Minh Phá Ma</i>	176
<i>Chương 34: Xử Trung Đắc Đạo</i>	181
<i>Chương 35: Cầu Tịnh Minh Tồn</i>	187
<i>Chương 36: Triển Chuyển Hoạch Thắng</i>	190
<i>Chương 37: Niệm Giới Cận Đạo</i>	196
<i>Chương 38: Sanh Tức Hữu Diệt</i>	199
<i>Chương 39: Giáo Hối Vô Sai</i>	203
<i>Chương 40: Hành Đạo Tại Tâm</i>	206

<i>Chương 41: Trục Tâm Xuất Dục.....</i>	<i>208</i>
<i>Chương 42: Đạt Thế Như Huyền</i>	<i>212</i>

Kinh Phật Nói Bốn Mươi Hai Chương Lược Giảng
The Sutra in Forty Two Sections
Spoken By The Buddha

Phật Thuyết Tứ Thập Nhị Chương Kinh

Thích Vĩnh Hóa

lược giảng



Chúng ta có thể bắt đầu nhìn nội dung tổng quát của bộ kinh này qua Thiên Thai tông ngữ chủng huyền nghĩa:

1. (Thích) Danh 釋名: nghĩa là giảng tên kinh. Kinh này thuộc loại Nhân Pháp Lập Đề, tức là dùng tên của người giảng pháp và tên của pháp được nói ra, để lập thành tên đề của bộ kinh; trong đó, "Phật" là người và "Tứ Thập Nhị Chương" là pháp.

2. (Biện) Thể 辨體: nghĩa là phân tích thể tính của kinh. Thể của kinh là Chân Tướng (Chân Không và Diệu Hữu; Trung Đạo).

3. (Minh) Tông 明宗: nghĩa là giảng rõ tông chỉ. Lấy Không làm thể (Không pháp môn), lấy ánh sáng làm tính.

4. (Luận) Dụng 論用: nghĩa là bàn về công dụng của kinh. Giữ giới và đoạn dục.

5. (Phán) Giáo 判教: nghĩa là xét thời giáo lý. Thời Phương Đẳng.

Đề mục

Tên đề của bộ kinh là "Phật Thuyết Tứ Thập Nhị Chương Kinh 佛說四十二章經". Bảy chữ ấy bao gồm cả tên chung (thông danh) lẫn tên riêng (biệt danh). Trong đó, chữ "Kinh" là tên chung. Tất cả kinh điển do Đức Phật thuyết giảng đều có cùng một tên chung là "Kinh (tạng)". Tên riêng là tên gọi đặc biệt của mỗi bộ kinh.

"*Phật*" từ tiếng Phạn Phật-Đà-Da; nghĩa là Đấng Giác Ngộ: không có gì Ngài không biết. Có ba loại giác ngộ:

1. **Tự-giác** (mình giác ngộ). Bậc tự giác thì không giống như phàm phu là kẻ chưa được giác ngộ.

2. **Giác-tha** (giác ngộ người). Nhị thừa có pháp tự giác, nhưng không có pháp giác ngộ người. Ngược lại bậc Bồ Tát có thể tự giác, lại có thể giác tha; làm lợi cho mình vừa có thể làm lợi cho người khác.

3. **Giác hạnh viên mãn**: Bậc Bồ Tát tuy có thể giác ngộ người khác, nhưng vẫn chưa thể đạt được giác hạnh viên mãn. Chỉ có chư Phật mới hoàn toàn giác ngộ vì không còn một chút vô minh nào, dù là vi tế, lại còn có thể làm cho người khác trở nên giác ngộ, và đã thành-tựu viên-mãn hạnh nguyện tự giác giác tha của mình.

Phật là một trong mười danh hiệu của Đức Thế-Tôn. Ở trong kinh này, đức Phật là chỉ Phật Thích Ca Mâu Ni, vị giáo-chủ của cõi Ta Bà này.

Đức Phật sinh tại nước Ca Tỳ La Vệ 迦毗羅衛國 ở Ấn-Độ. Khi thái-tử ra đời, có một hào quang sáng

từ phía Tây chiếu khắp cả thế-giới. Lúc đó, hoàng-đế bên Trung-quốc, Chiêu Vương 昭王, hỏi ý-kiến của thái-sử Tô Do 蘇由, về hiện-tượng mới lạ này. Vị quan dùng Kinh Dịch, bói ra quẻ “Long phi tại thiên” và tâu với hoàng-đế có một thánh-nhân mới sinh ra đời. Hoàng-đế ra lệnh khắc sự-kiện vào đá để lưu lại hậu-thế.

Đức Phật sinh vào gia-tộc của vua Tịnh Phạn 淨飯. Mẹ là hoàng-hậu Ma Da phu-nhân 摩耶夫人. Bảy ngày sau khi sinh thái-tử, hoàng-hậu qua đời. Thái tử được kế mẫu và cũng là em gái Hoàng hậu bà Ma Ha Bà Lan Bà Đề 摩訶波蘭波提 nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành .

Khi thái-tử ra đời, diện mạo rất khôi ngô. Vua cha rất hài lòng, mời các vị tiên tri đến xem tướng Thái tử. Họ tâu với vua là nếu thái-tử sống đời thế-tục thì sẽ thành Chuyển Luân Thánh Vương còn như xuất-gia tu Đạo thì sẽ đắc Vô Thượng Trí-Huệ. Vì thế Tịnh Phạn Vương đặt tên cho Thái tử là Tất Đạt Đa 悉達多, nghĩa là “Nhất thiết nghĩa thành tựu”: thành-tựu tất cả nghĩa.

Đức vua mời những vị thầy Bà La Môn giỏi nhất đến dạy kèm thái-tử. Nội trong vài năm, thái-tử thông-suốt các học-vấn, chiến-lược và võ-thuật.

Vua cha sợ hoàng-tử muốn xuất-gia nên cho rất nhiều cung-nữ khéo và đẹp hầu-hạ. Cung-điện của hoàng-tử rất huy-hoàng tráng lệ. Năm mười bảy tuổi thành hôn với công chúa nước láng giềng , nàng Da Thủ Đà La 耶輸陀羅.

Mặc dầu sống trong xa hoa và đầy lạc thú, thái-tử

thường cảm thấy không vui.

Một lần, thái-tử theo vua cha đi kinh-lý. Ngài thấy nông-phu đang cày ruộng dưới sức nóng gay gắt của mặt trời, tấm lưng trần, mồ-hôi nhễ-nhại. Những con trâu kéo cày lại thường bị quất. Khi đất bị bới lên cơn-trùng trở thành mồi ngon cho chim-chóc. Cảnh tượng trên khiến thái-tử rất xúc-động và phát khởi lòng từ-bi.

Trong vài dịp khác, thái-tử cùng xa-phu đi dạo chơi bên ngoài bốn cửa thành, Ngài lần lượt chứng-kiến những cảnh khổ của sinh, lão, bệnh và tử; sanh lòng buồn rầu chẳng còn hứng thú gì.

Thái-tử thấy cuộc đời không có gì vui nên quyết xuất gia tầm đạo.

Thái-tử từ bỏ ngôi vị, lên ra đi trong đêm, tìm con đường giải thoát, liễu khổ. Vua cha phái năm người bà con theo thái-tử để thuyết-phục ngài trở về cung. Vì họ không khuyên được thái-tử nên họ đều quyết-định xuất-gia tu theo thái-tử để khỏi phải về gặp vua cha mà không hoàn thành sứ mạng.

Tất Đạt Đa thọ giáo với hai vị thầy Bà La Môn nổi tiếng là giỏi nhất ở nước Ấn-Độ. Ngài học rất lẹ và không bao lâu thì qua mặt hai thầy mình, cho đến độ đệ-tử của thầy thường đến thái-tử xin giúp thay vì cầu thầy. Nhưng Tất Đạt Đa vẫn chưa mãn nguyện vì thấy không giải quyết được sự khổ.

Cuối cùng phải thử các hạnh đầu đà vì thời đó mọi người tin rằng chỉ có khổ-hạnh mới đem đến sự giải-thoát. Thái-tử và năm vị tùy tùng cùng đến Tuyết

Son tu khổ-hạnh trong sáu năm. Mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè và một hạt lúa—麻、一麥. Tất Đạt Đa ốm đến độ chỉ còn da bọc xương. Năm vị tùy tùng không chịu khổ nổi nên rời bỏ thái-tử qua vườn Lộc Uyển tu.

Sau cùng Tất Đạt Đa khám phá rằng tu khổ hạnh không hiệu quả nên từ bỏ pháp khổ hạnh này. Xuống núi, đi đến nước Ma Kiệt Đà 摩竭陀國, chọn một gốc cây Bò-Đề, đan cỏ làm thảm để ngồi kiết già và phát nguyện: “nếu không thành Đạo, thề không rời chỗ ngồi mặc dầu hoại thân 若不成道，寧可碎身，決不離座”.

Mồng tám tháng mười hai, khi ngài vừa thấy sao mai mọc liền giác ngộ, bèn thốt ra: lạ thay, tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Chỉ vì còn chấp trước và vọng tưởng nên không thể thành Phật.

Sau khi đức Thế Tôn đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chư thiên thỉnh Ngài thuyết Pháp để dạy chúng sinh liễu khổ và đắc lạc. Vì vậy nên đức Phật bỏ ra 49 năm giáo huấn chúng sinh.

“*Thuyết*”: nghĩa là nói. Đức Phật đã đích thân giảng kinh này.

Thuyết có hai hàm nghĩa:

1. Được nói trong lúc đức Phật đang nhập định, nên người nghe cũng có thể hưởng thiền định lạc.
2. Mục đích của lời thuyết Pháp là để giáo-hóa chúng-sinh.

Thuyết có đủ tứ biện tài và bát thanh.

Bát thanh là tám âm-thanh. Giọng nói của Phật

rất rõ-ràng và thanh-nhã, gồm có tám đức:

1. Cực hảo 極好: rất hay; hơn tất cả âm thanh của người, trời, Bồ tát, v.v.

2. Nhu-nhuễn 柔軟: có thể hàng-phục được tất cả chúng-sinh, đem lại sự vui cho người nghe và làm cho họ từ bỏ tính cương-cứng.

3. Hòa thích 和適: cho người nghe (theo loại), đúng thời-gian và hoàn-cảnh; chính đáng vì biểu hiện cho Trung Đạo; làm cho người nghe dễ hiểu Đạo lý.

4. Tôn huệ 尊慧: nghe mà phát tâm cung kính (đức của Phật còn cao hơn núi) và mở-huệ (huệ của Ngài soi sáng tất cả u-mê).

5. Bất âm 不陰: không có tính chất âm (như yếu điệu, hơi cao); ngược lại đầy oai-nghi (có thể hàng phục thiên ma và ngoại đạo); có dương tính; người nghe sinh lòng muốn qui y và tuân theo.

6. Bất ngộ 不誤: không làm lỗi từ đầu chí cuối; rõ ràng và mạch lạc; Ngài nói sự thật và giúp người nghe đắc chính kiến.

7. Thâm viễn 深遠: thâm-sâu (ý nghĩa) và vang xa (đến khắp mọi nơi); gần gũi hoặc xa, người nghe đều có cảm-tưởng như Đức Phật đang ở trước mình; giúp chúng sinh thông-đạt giáo-lý thâm-sâu.

8. Bất kết 不竭: không hết, vô tận theo ý-nghĩa và thời-gian; giúp chúng-sinh đắc giác-ngộ; vì đại nguyện của Ngài vô tận.

Đức Phật thuyết Pháp là để độ chúng-sinh, nhất là giúp những kẻ căn cơ đã thành-thục. Đức Phật cũng

được gọi là “đại lương y”, tùy bệnh mà cho thuốc 應病與藥.

Có năm loại giáo thời:

1. Thời Hoa-Nghiêm: 21 ngày (viên giáo)
2. Thời A hàm: 12 năm (Hàm giáo)
3. Thời Phương Đẳng: 8 năm (Thông giáo)
4. Thời Bát Nhã: 22 năm (Biệt giáo)
5. Pháp Hoa-Niết Bàn: 8 năm (viên giáo)

“*Chương*”: có nghĩa kết tập. Trong thời kỳ Kết Tập Kinh Tạng, các đệ tử của Ngài đã tuyển chọn từng chương với nhau để làm thành bộ kinh này. Mục tiêu để sáng tỏ giáo lý cho đệ tử (trong các đệ tử Ngài, có 42 vị cần được giải-đáp thắc mắc của họ)!

“*Kinh*”: do danh từ tiếng Phạn tu đa la 修多羅; tên tổng quát lời răn dạy của đức Phật.

Nhiều chữ Phạn không được thông-dịch vì muốn giữ nhiều ý-nghĩa. Kinh có nghĩa như sau:

1. "**Quán 貫**" là "quán xuyên sở thuyết nghĩa 貫穿所說義"; nghĩa là nối kết những nghĩa lý đã được thuyết giảng. Như chuỗi ngọc, các đạo lý trong Kinh được liên kết với nhau.

2. "**Nhiếp 攝**" là "nhiếp trì sở hóa cơ" nghĩa là thân phục, dẫn dắt tất cả chúng sanh có căn cơ và sẵn sàng để đón nhận sự giáo hóa.

3. Xuất "**Sinh 出生**" là sinh trưởng đủ các thiện pháp.

4. "**Thường 常**". "Cổ kim bất biến viêt thường": từ xưa đến nay không hề biến đổi gọi là "thường". Những đạo lý chứa đựng trong Kinh vốn bất biến - trong quá khứ đã không thay đổi, ngay hiện tại cũng không thay đổi, và trong tương lai cũng sẽ không thay

đôi, cho nên gọi là thường.

5. "**Pháp 法**". "Tam thế đồng tuân viết Pháp", nghĩa là những gì mà tam thế đều đồng tuân theo thì gọi là "Pháp". "Tam-thế" là ba đời: Quá khứ, hiện tại và vị lai. Tất cả chúng sanh trong ba đời đều tôn thờ và noi theo giáo pháp trong Kinh mà tu hành.

6. "**Dũng tuyên 湧泉**". Vì các đạo lý mùi vị hàm chứa trong Kinh chẳng khác nào những mạch nước ngầm tuôn ra từ lòng đất.

7. "**Thẳng mực 繩墨**". Kinh tựa như sợi dây có chấm mực mà thợ mộc thường dùng để vẽ đường thẳng. Tỷ dụ biểu thị Kinh là tiêu chuẩn mẫu mực của pháp, giúp chúng sinh hiểu chân lý nhân quả mà không tạo nghiệp.

8. "**Kính 徑**" - con đường tu hành đem chúng ta từ phàm phu đến thánh quả.

9. "**Hiển thị 顯示**": bày tỏ những giáo lý, giúp chúng sinh đoạn phiền-não và chứng Bồ-Đề.

10. "**Môn 門**": ngưỡng cửa để đến quả Phật.

11. "**Chính 正**": dạy về chính và đáng, không tà, không thiên hoặc xiêu vẹo.

Dịch Giả

Nhà Hậu Hán, Ca-Diếp-Ma-Đằng (Kashyapa-maganta) và Trúc-Pháp-Lan (Gobharana) cùng dịch

Phật Thuyết Tứ Thập Nhị Chương Kinh được truyền đến nước Trung Hoa trước nhất. Vua Minh Đế nhà Hậu Hán gọi phái đoàn gồm 18 người qua Ấn-Độ thỉnh kinh. Họ thỉnh hai Tôn giả Ca-Diếp-Ma-Đằng và Trúc-Pháp-Lan và dùng ngựa trắng để

chuyên chở kinh điển từ nước Ân Độ sang Trung Hoa. Sau đó, vua Hán-Minh-Đế đã cho cất Chùa Ngự Trắng (Bạch Mã Tự) ngay tại kinh đô Lạc Dương 洛陽 để phụ-trách việc thông-dịch.

Trong thời Đông Hán (cũng gọi là Hậu Hán), lúc năm thứ ba của triều đại Vĩnh Bình (永平”, A.D. 62), Minh Đế 明帝 nằm mơ thấy một người bằng vàng có hào quang trên đầu bay vào cung. Hoàng đế hỏi triều thần. Ông thái-sử tên là Phó Nghị 傅毅, tâu rằng: "Hạ thần nghe nói về phía tây nước Ân Độ, có một vị thần được mọi người tôn xưng là Phật. Nay người vàng mà Bệ hạ mộng thấy ấy nhất định là Phật rồi!" Tiếp đến, có một vị Học-giả tên Vương Tuân 王尊 cũng tâu với vua rằng: "Nhà Chu 周 có truyền lại một bộ sách tên Dị Ký 異記, trong đó ghi chép toàn những sự kiện kỳ lạ, đặc biệt." Sách có tiên đoán 1,000 năm sau giáo pháp sẽ được truyền qua Trung quốc.

Về sau, vào đời Chu, Mục Vương 穆王 (1001-946 B.C.), có một động đất lớn làm rung chuyển cả trời đất. Một cầu vồng với 12 tia hiện ra trong ban ngày, làm khung cho mặt trời. Hiện tượng này xảy ra cùng lúc đức Phật nhập Niết Bàn. Vị thái-sử lúc đó cũng đã xác nhận như vậy.

Bốn năm sau, vào đời nhà Hán, Phật pháp được truyền bá đến Trung Hoa, nhiều đạo sĩ sanh lòng ganh ghét và tâu với vua rằng: "Phật giáo là thứ giả. Đó là tôn giáo của ngoại bang chứ không phải của Trung Hoa." Họ xin tổ chức một cuộc so tài.

Các đạo sĩ yêu cầu nhà vua cho mang tất cả kinh

điển Phật giáo và kinh điển của Đạo giáo đến xếp chung vào một chỗ rồi châm lửa đốt. Hễ kinh điển của bên nào bị cháy thì bên ấy thứ giả!

Nhiều Đạo sĩ cùng nhau khuân vác các kinh điển, linh văn của Đạo giáo xếp vào một chỗ; khẩn vái với Thái Thượng Lão Quân: "Kính bạch Đại Đức Thiên Tôn! Xin Ngài hãy thị hiện oai linh, xui khiến cho kinh sách của Đạo giáo chúng ta đều không bén lửa, còn kinh điển của Phật giáo thì bị cháy rụi hết thảy!" Họ tụ họp ở cửa Đông của Bạch Mã Tự. Họ đến và thể-hiện thần-thông thị-oai.

Người thì có thể cỡi mây lướt gió; kẻ lại có thể bay lên trời hoặc chui xuống đất. Có Đạo sĩ còn biết cả thuật ẩn. Có đạo sĩ còn biết dựa vào phép độn, tức là phương pháp "kỳ môn độn giáp" chạy thoát thân.

Phật tử thì tụ họp ở cửa Tây.

Kinh điển của Phật giáo chẳng những đã không cháy mà lại còn phát hào quang! Bây giờ, xá lợi của Đức Phật phóng hào quang năm màu, kinh điển cũng tỏa hào quang rực rỡ.

Còn kinh điển Đạo giáo thì cháy rụi hết!

Lúc đó hai vị sa môn người Ấn-Độ thị-hiện 18 loại thần-thông của A La Hán: họ đi trong không, nằm trong không, bán thân phát lửa hoặc nước. Ngược lại, những đạo sĩ đều mất hết thần-thông. Rất nhiều đạo sĩ lập tức đào ngũ và xin theo Phật giáo.

Vì thế những người đương thời và luôn cả Hoàng Đế thấy đều dốc lòng tin theo đạo Phật.

Tiếp theo, chúng ta có thể nói sơ-lược về nội dung

của kinh này.

Bộ kinh này bao gồm cả giáo-lý Tiểu Thừa và Đại Thừa. Thật ra, giáo lý của Tam Thừa (Thịnh Văn, Bích Chi Phật và Bồ Tát Thừa) đều có.

Chương 1-3: Tam thừa cộng giáo lý, hạnh và quả vị; cầu liễu sinh tử làm căn bản.

Chương 4-8: xuất thế thiện và ác nhân quả.

Chương 9-38: Đại Thừa thù thắng hạnh, bao gồm lục ba la mật và vạn hạnh.

Chương 39-41: sáng tỏ giáo huấn (có thể tin), giáo lý (nên hiểu) và hạnh (nên tu hành).

Chương 42: Phật huệ soi sáng tất cả thế-gian và xuất-thế gian pháp.

Nếu có ai thắc mắc tại sao 42 chương? Do vì Kinh này có liên quan đến 42 quả vị trong hành trình tu hành cho đến khi thành Phật: Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng Giác và Diệu Giác.

Kinh tựa

Kinh Văn:

Hán Văn: **Thế Tôn thành Đạo dĩ, tác thị tư duy: "Ly dục tịch tịnh, thị tối vi thắng!" Trụ đại Thiên định, hàng chư ma đạo. Ư Lộc-dã uyển trung, chuyển Tứ-Đế-Pháp-Luân, độ Kiều-Trần-Như đấng ngũ nhân, nhi chứng Đạo quả. Phục hữu Tỳ-khuru sở thuyết chư nghi, cầu Phật tiến chỉ. Thế-**

Tôn giáo sắc, nhất nhất khai ngộ, hiệp chưởng kính nặc, nhi thuận Tôn-sắc.

Dịch Nghĩa: **Sau khi Đức Thế-Tôn thành Đạo, Ngài nghĩ rằng: "Xa lìa dục vọng, được sự tịch tịnh, là thù-thắng nhất!" Rồi Ngài trụ trong Đại Thiên-định mà hàng phục ma đạo.**

Tại vườn Lộc-dã, Ngài chuyển Pháp-luân, nói Pháp Tứ Đế, độ nhóm Kiều-Trần-Như cả thầy năm người: họ đều chứng Đạo quả.

Lại có thầy Tỳ-khưu bày tỏ các chỗ còn nghi ngờ, cầu Phật dạy tiến chỉ. Đức Thế-Tôn răn dạy, khiến từng người đều được khai ngộ. Họ cung kính chấp tay vâng lời, theo sự răn bảo của Đức Thế-Tôn.

Lược giảng:

Phân tựa kinh hội đủ sáu yếu tố thành tựu 六種證信:

1. Pháp 法體: Tứ Diệu Đế
2. Chúng 能聞: Kiều Trần Như đấng
3. Thời gian 機感: sau khi đắc Đạo và quán thấy căn cơ của đệ tử đã thành thực
4. Giáo chủ 教主: đức Thế Tôn
5. Nơi chốn 處穰: vườn Lộc Uyển
6. Tín 信: “như vậy tôi nghe”.

Sau khi Đức Thế-Tôn thành Đạo... "Thế-Tôn" dịch từ tiếng Phạn Phạn Bạc Già Phạm 薄伽梵, một

trong mười danh hiệu của chư Phật. Ở đây, Đức Thế Tôn chính là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, vị giáo chủ của cõi Ta Bà chúng ta.

“*Thế*” hàm chứa sự thay đổi 遷流, về phương diện thời-gian cũng như không-gian.

Theo thời-gian, “*thế*” chỉ tam thời: quá khứ, hiện tại và vị lai. Theo không-gian, “*thế*” chỉ khí thế giới 器世間 (vật vô tri), tình thế giới 情世間 (vật hữu tình: chúng sinh), và thế giới giác ngộ 覺世間 (đăng giác ngộ). Khí thế giới gồm các vật vô tri như núi, sông, cây cối, v.v. Tình thế giới bao gồm chúng sinh do tứ sinh (sinh bằng trứng 卵, thai 胎, thấp 濕 và hóa 化) với tình cảm 有情感 như súc sinh, loài người, quỷ thần v.v. Thế giới giác ngộ là của các vị A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát và chư Phật.

“*Tôn*”: được tôn kính khắp mười phương. Đức độ của Ngài cũng như tính nét, trí huệ và lòng từ bi thật là vô song.

“*Thành Đạo*” có nghĩa là đức Phật đã tu tới nơi tới chốn rồi. Ngài đã từng tu các thế gian pháp mà không đắc giải-thoát. Sau nhờ ngồi thiền dưới cây bồ-đề mà giác ngộ, chứng quả vị Phật.

Ngài phát giác gì? Ngài biết rằng tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Họ đều có thể thành Phật nếu biết cách bỏ các chấp-trước. Thật là tuyệt vời như vậy! Nếu chúng ta có thể tẩy sạch các ô uế thì chúng ta cũng có thể thành Phật luôn. Chúng ta không cần phải vừa ý với bất cứ gì thấp hơn!

Thật ra đây không phải là lần đầu tiên Ngài đắc

Đạo. Ngài đã thành Phật vô lượng kiếp trước. Trong kinh Pháp Hoa, phẩm “Nhu Lai thọ mệnh”, trong thời của Phật Ca Diếp 迦葉佛, lúc đó mạng sống trung bình là 20,000 năm, Ngài đã trụ ở trời Tu Dạ nội viện đợi lúc hạ sinh làm Phật. Ngài đợi đến thời đại bây giờ mới có dịp hạ sinh thành Phật.

Ngài nghĩ... Chư Phật không nghĩ như chúng ta. Phàm phu nghĩ với thức thứ sáu, với tâm tán loạn. Ngược lại đức Phật dùng “hậu đắc trí 後得智” mà nghĩ, tâm trụ thiên định.

"Xa lìa dục vọng, được sự tịch tịnh, là thù thắng nhất!"

“*Xa lìa dục vọng*”: cuộc sống dường như chỉ là để thỏa mãn dục-vọng. Chúng sinh ở cõi Dục giới của chúng ta chạy theo năm thứ dục vọng:

1. Danh: ở xứ Mỹ, người người đều có quan niệm rằng nếu được nổi tiếng dù chỉ 15 phút thôi thì cũng hả dạ. Nói một cách khác, ai mà không muốn danh?

2. Thực (phẩm; đồ ăn): hiện nay thế giới đang khổ sở với bệnh mập. Chúng ta bị đồ ăn cám dỗ.

3. Ngủ: cần thiết để giúp cơ thể ngừng lại mà sửa chữa. Hơn nữa cái ngủ còn đem lại sự khoái lạc vì giúp chúng ta tạm thoát sự căng thẳng tinh thần trong cuộc sống.

4. Tình dục: là một khoái lạc tột đỉnh của cuộc sống.

5. Tài (sản): rất quan trọng vì chúng ta dùng của

cải để so sánh. Và lại, tài vật cho chúng ta cảm thấy sự an-toàn, dầu chỉ là giả tạm.

Phàm phu thường đam mê và say đắm trong ngũ dục. Ngược lại, bậc giác ngộ biết một việc mà chúng ta làm không được: họ có thể “Xa lìa dục vọng”. Nếu vẫn còn tham dục thì tâm vẫn còn động: chúng ta vẫn còn bị ngoại cảnh kích thích.

Ngược lại, nếu có thể “khán phá (nhìn thấu), phóng hạ (buông xuống hoặc buông thả)” thì không còn bị chấp-trước chế-ngự và “*được sự tịch tịnh*”.

“Tịch” ở trong và “tịnh” ở ngoài. Ở trong tâm bất động; ở ngoài cảnh không thể khuấy rầy chúng ta. Đây gọi là thiền định.

Nhập định rất nhiều lạc thú. Đó là cảnh giới của thiền lạc. Phật giáo dùng chữ lạc để phân-biệt nó với hạnh-phúc của người thế-gian.

Người đời thích đeo-đuổi dục vọng. Khi tham dục được thỏa-mãn, thì thấy sung-sướng và hạnh-phúc. Nhưng cái sướng này có chất cặn không tốt. Ví-dụ, hưởng dục lạc quá độ làm chúng ta mệt mỏi và sớm già. Ngược lại, thiền lạc giúp chúng ta sung sức và tăng trưởng mạng sống.

Đức Phật thấu triệt việc này: Ngài tu để tăng trưởng định lực. Quý vị biết không? Lạc thú của tu hành thật “thù-thắng nhất!” Không có gì thú vị hơn! Định lực càng cao thì lạc thú càng thêm. Sự thật là dục lạc so với thiền lạc thì còn rất là thô. Nếu không tin thì quý vị tu luyện thì biết.

Rồi Ngài trụ trong Đại Thiền-định mà hàng phục ma đạo.

Đức Phật luôn luôn nhập định. Trái lại, chúng ta giỏi lắm thì xuất nhập thường xuyên. Tại vì sao?

Nhập định cần rất nhiều phước vì hưởng được thiên lạc. Cũng không khác gì sự vui thú khi mua một chiếc xe sport đắt tiền. Khi phước hết thì phải xuất định. Tương tự, khi chúng ta hết tiền thì phải bán chiếc xe vậy.

Khác loài người, đức Phật vì có vô tận phước nên luôn luôn ở trong định. Định của Ngài khác thường: gọi là “Đại Thiên-định”.

Đức Phật có thể nhập đủ loại định. Chẳng hạn, Ngài có thể nhập “vô thượng Thủ Lăng Nghiêm” định, vua của tất cả định. Loại định này có thể “hàng phục ma đạo”, được coi là vô địch.

“Hàng phục”: thay vì phá hoặc giết. Tàn phá địch thủ có thể tạo sự oán hờn. Giết thì chỉ tăng trưởng sự căm thù: họ sẽ tìm trở lại để trả thù. Hàng phục chỉ làm cho họ biết điều và theo qui củ. Họ không bị hãm hại và tâm lại bị khuấy phục bởi đức.

“Ma đạo”.

“Ma” là danh từ tiếng Phạn “Ma La 魔羅”, có hàm nghĩa:

1. Cản trở 障礙: nhất là việc tu hành người khác.
2. Giết hại 殺害: tụi nó muốn hãm hại chúng ta.
3. Tà ác 邪惡: thích làm bậy và cực gian ác.
4. Xâm đoạt 侵奪: thích xâm lấn và cướp bóc.

Tụi nó rất thích phá phách, lại có rất nhiều thần-thông. Tệ hại nhất là chúng nó muốn giết hại chúng ta. Vì thế phải biết nể sợ ma.

“Ngoại đạo” là nhóm tu khác Phật giáo. Được gọi là ngoại đạo vì họ tìm giải đáp ngoài cái tâm. Họ không hiểu chân lý và rất mê chuộng thần-thông. Họ ganh tỵ với đạo Phật và thường thích tới đâu và giành đệ tử.

Tại vườn Lộc-dã, Ngài chuyển Pháp-luân, nói Pháp Tứ Đế.

“*Vườn Lộc-dã*”: ở nơi nước Ba La Nại 波羅奈國. Lúc trước nhiều con nai được thả ở đây. Chúng nó sinh sôi nảy nở rất nhiều. Nơi này hẻo lánh và vắng lặng nên rất lý-tưởng cho sự tu hành và dụng công. Vì thế thời đó có rất nhiều ngoại đạo đến nơi ấy tu. Ngay cả năm vị thuộc tòng của đức Phật cũng đến đó mà tu. Đức Phật giảng Pháp cho loài người lần đầu tiên tại đây.

Ngài chuyển Pháp-luân.

“*Pháp luân*” tượng trưng cho Phật Pháp. Có nhiều nghĩa:

1. Vòng tròn ở ngoài, nan hoa ở trong: phải lý và hạnh song tu.
2. Hình tròn: không đầu không đuôi, vẹn toàn từ đầu chí cuối.
3. Một hệ-thống Bồ Tát và chư Phật đang hóa độ khắp Pháp giới.

“*Chuyển Pháp-luân*” nghĩa là đức Phật giảng Pháp.

Nói Pháp Tứ Đế.

Bốn sự thật không thể cải biến được: khổ, tập,

diệt và Đạo.

Khổ là thế-gian quả 世間之果; đặc biệt chỉ tam thế, lục đạo, sắc (thân), tâm và ngũ uẩn.

Tập là nhân của thế-gian 世間之因; chỉ kiến hoặc, tư hoặc và phiền não, hữu lậu thiện ác bất động đẳng nghiệp.

Diệt là quả xuất thế 出世之果; “nhân diệt có quả diệt”: vì nhân bị diệt nên quả cũng diệt; đắc được tịch tịnh và vô vi an lạc.

Đạo là nhân xuất thế 出世之因; tóm lại là giới, định và huệ tam vô lậu học; nói rộng ra là thập ba la mật và vạn hạnh.

Đức Phật chuyển Pháp Luân ba lần:

1. “Thị chuyển 示轉” dạy cho thấy là chúng ta đang chịu đựng đủ mọi thứ khổ và đang bị khổ áp bức. Tất cả đều do mình tự tạo, phát sinh từ bản tính vô minh từ vô thi. Biết như thế thì phải biết là có cách giải thoát (Đạo) để đắc Niết Bàn lạc. Khi Ngài Kiều Trần Như Ajnata-kaundinya nghe đến đây, tức khắc chứng Sơ quả A La hán.

2. “Khuyến chuyển 勸轉”: chúng ta nên xác nhận cái khổ, đoạn phiền-não, đắc Niết Bàn và tu Đạo. Hai vị tiền tùy tùng của đức Phật (Mã-Thắng 阿濕婆, Tiểu Hiền 跋提) nghe đến đây thì chứng Sơ quả A La hán.

3. “Chứng chuyển 證轉”: Ta đã chứng tất cả Tứ Chân Lý. Nghe đến đây, hai vị tiền tùy tùng còn lại của đức Phật (Ma-Ha-Nam 拘利, Thập-Lực-Ca-Điếp 迦葉) đồng chứng Sơ quả A La hán.

Khổ gồm tám loại:

1. Sinh
2. Lão
3. Bệnh
4. Tử
5. Gặp kẻ ghét (Oán tắng hội khổ)
6. Xa người thương (Ái biệt ly khổ)
7. Không được như ý (Cầu bất đắc khổ)
8. Ngũ uẩn khốc cháy (Ngũ ấm xí thanh khổ):
năm ấm hưng thịnh, thiêu đốt tâm thần.

Bốn loại đầu tiên thuộc thân, ba tiếp thuộc tâm, cái cuối cùng thuộc cả hai. Bảy loại đầu do tiền nghiệp tạo ra nên nay phải lãnh nghiệp, thứ tám là đang tạo nghiệp và kết quả khổ trong tương lai: nhân và quả đeo đuổi nhau không ngừng.

Khổ cũng có thể chia thành năm loại:

1. Về phương diện thân: bệnh, già cả, chết, đói, khát, mệt, xấu, liệt v.v.
2. Về phương diện tâm: tham, sân, si, ngạo, ganh, thù, lo, bị, sợ v.v.
3. Về phương diện ngoại cảnh: hoạn họa của tứ đại (thủy: lụt, phong: gió lốc, hỏa: núi lửa, thổ: bùn trượt mudslide), ác thú (rắn độc, hùm cạp) v.v.
4. Về phương diện nhân sự: chiến tranh, trộm cướp, uy hiếp, mắng nhiếc, suy tình v.v.
5. Sau khi chết, có thể bị đọa tam ác thú.

**Độ nhóm Kiều-Trần-Như cả thủy năm người:
họ đều chứng Đạo quả.**

“Độ”: đem từ bờ phiền-não này thông qua biển khổ đến bờ Niết Bàn kia.

“*Kiều-Trần-Như*”: là người đầu tiên đắc giải-

thoát. Một tiền thân của Phật Thích Ca là người tu pháp nhẫn. Kiều-Trần-Như lúc đó là vua Ca Lợi 歌利王. Nhà vua hung bạo và vô căn vô cứ mà từng xẻo vị chân tu này. Thay vì nổi nóng, vị tu sĩ phát nguyện là trong tương lai sau khi thành Phật, sẽ độ vua Ca Lợi trước hết. Nay nhân duyên thành thực nên khi Phật Thích Ca thuyết Pháp thì Ngài Trần Như đắc giải thoát. Vì thế Ngài là một vị đệ tử cao niên của đức Phật.

“nhóm... cả thầy năm người”:

Lúc bấy giờ, cả năm Tôn giả: Mã-Thắng (Ashvajit), Tiểu Hiền (Subhadra), Ma-Ha-Nam (Mahanama-kulika), Kiều-Trần-Như (Ajnata-kaundinya) và Thập-Lực-Ca-Diếp (Dashabala-kashyapa) đều đang tu hành tại vườn Lộc dã. Năm người này trước kia đều ở chung với Phật và đều là bà con thân thích của Ngài. Ba Tôn giả Mã-Thắng, Tiểu-Hiền và Ma-Ha-Nam là bà con bên nội của Phật; còn hai ông Tôn giả Kiều-Trần-Như và Thập-Lực-Ca-Diếp là bà con bên ngoại và đều là cậu của Phật. Năm người này vốn do phụ thân của Phật phái đến để hầu hạ Phật. Nhưng về sau, Tôn giả Kiều-Trần-Như và Thập-Lực-Ca-Diếp vì không chịu nổi sự khổ hạnh nên bỏ đi trước. Kế đến, ba Tôn giả Mã-Thắng, Tiểu-Hiền và Ma-Ha-Nam do thấy Phật thọ nhận bát cháo cúng dường của thiên nữ, ngỡ rằng Phật không thể nào tu khổ hạnh được nữa, nên cũng bỏ đi. Và, tất cả đều đi đến vườn Lộc-dã mà tu.

Sau khi Đức Phật thành Đạo và thuyết xong Kinh Hoa Nghiêm, Ngài quán sát những chúng sanh cần phải giáo hóa. Thấy nhóm năm người của Tôn giả

Kiều-Trần-Như có thể cứu độ trước nhất, Ngài liền đến vườn Lộc-Uyển để chuyển Pháp-luân Tứ Đế.

Họ tiếp tục tu và không bao lâu đều đắc Tứ quả: “*họ đều chứng Đạo quả*”.

Lại có thầy Tỳ-khuru bày tỏ các chỗ còn nghi ngờ, cầu Phật dạy tiến chỉ.

Đức Phật cho phép năm vị đó xuất-gia (“Tỳ-khuru”). Họ là thành-viên đầu tiên của Tăng đoàn.

“Tỳ-khuru” là tiếng Phạn chỉ vị Tăng, hàm ba nghĩa:

1. Phá-ác: chuyên môn đi phá cái ác.

2. Bồ-ma: chuyên môn làm ma sợ. Khi giới-tử lên giới đàn để thọ giới Tỳ-khuru, vị Hòa thượng A Xà Lê hỏi: "Người có phải là bậc đại-trượng phu không?" Giới tử đồng đáp: "Vâng, con là một đại-trượng phu!" Câu trả lời ấy khiến cho hết thầy thiên ma ngoại đạo đều sợ hãi; cho nên Tỳ-khuru được gọi là người làm cho chúng ma khiếp sợ.

3. Khất-sĩ: ăn xin để tu.

Thượng khất Pháp u chư Phật,

Hạ khất thực u chúng sanh.

(Trên, xin Pháp của chư Phật,

Dưới, xin cơm của chúng sanh.)

Có năm loại có chữ không phiên-dịch:

1. Nhiều nghĩa: đa hàm bất phiên 多含不翻.

Ví dụ: tỳ kheo

2. Tôn trọng bất phiên : từ ngữ dùng vì sự tôn trọng thì không nên dịch. Ví dụ: Bạc Già Phạm 薄伽

梵

3. Thử phương vô bất phiên: nơi này không có thì không nên dịch

4. Thuận cổ bất phiên: tùy thuận theo lẽ lỗi xưa thì không nên dịch. Ví như A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề: tụng như thế tạo rất nhiều công-đức.

5. Bí mật bất phiên: chứa đựng các ý nghĩa bí mật thì không nên dịch; như các thần chú.

Sau đó, tăng đoàn thâm nhập thêm thành viên, có thêm cả 1,200 vị tỳ-kheo luôn luôn tùy tùng đức Phật. Có nhiều vị tỳ-kheo đến nương-tựa đức Phật mà tu. Lợi ở chỗ có thể “*bày tỏ các chỗ còn nghi ngờ*” với thiện tri thức.

Chuyện này rất thông-thường vì Phật ban lời giáo-huấn tùy thời và tùy cơ. Ví dụ, một đệ-tử tôi hỏi: “hai tháng trước, thầy bảo tôi cần nhẫn nhục, không nên giúp con gái của tôi. Bây giờ lại bảo tôi tìm cách giải quyết vấn-đề tụi nó. Tại sao lại đổi lời khuyên như thế?” Tôi nói: “lúc trước, không có định lực mà cứ khăng khăng đòi “đấu” với nó. Nên tôi khuyên khoan đã. Bây giờ đã có một tí định lực (thật ra đã hơn sức tụi nó rồi) thì có thể bắt đầu giúp một tí.”

Sự ích lợi lớn lao của thân cận thiện tri thức là có cơ hội trình bày những nghi vấn.

Câu Phật dạy tiến chỉ.

“*Tiến chỉ* 進止”.

Tiến 進 nghĩa là:

5. Tiến tới
6. Vào: thông qua ngưỡng cửa (pháp môn)
7. Tinh tấn tu: để tiến bộ.

Chỉ 止 nghĩa là:

1. Chặn: ác
2. Tránh: lỗi lầm
3. Trụ: nơi an toàn.

Nói cách khác, tu hành cần biết khéo-léo. Phải biết lúc nên tiến lúc nên thôi. Biết uyển-chuyển: có lúc phải cố ý lâm trận của địch thù, có lúc thì phải biết đợi cho cơn bão thổi qua mới xúc tiến.

Đức Thế-Tôn răn dạy, khiến từng người đều được khai ngộ.

“*Đức Thế-Tôn răn dạy*”: Ngài biên đúng toa thuốc để trị đúng loại bệnh. Ngài khuyến khích đệ-tử nỗ-lực tu hành.

Quá trình tu hành như thế: trước tiên là vị thiện tri thức truyền pháp môn (dạy) và sau đó chúng ta cần phải tinh tấn tu theo (răn). Đừng quên xin lời chỉ huấn của vị thầy.

“*Khiến từng người đều được khai ngộ*”: cho đến lúc mỗi vị đều hiểu một cách tường tận cần phải làm gì. Lợi lạc của đệ-tử Phật là được Ngài chỉ dẫn cách giác ngộ nhanh chóng nhất.

Họ cung kính chấp tay vâng lời.

Họ tỏ lòng tôn kính đức Phật và tri ơn những sự giúp đỡ và lời giáo huấn. Cách tốt nhất là y giáo phụng hành.

Theo sự răn bảo của Đức Thế-Tôn.

Nhiều vị tỳ-kheo đã hiểu: lời chỉ-huấn của đức Thế-Tôn như kim chỉ nam, cứ theo phương-hướng đó mà xúc tiến là đường thẳng và ngắn nhất.

Chương 1: Xuất Gia Chứng Quả

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn:** "Từ thân xuất gia, thức tâm đạt bốn, giải Vô-vi Pháp, danh viết Sa-Môn. Thường hành nhị bách ngũ thập giới, tiến chỉ thanh tịnh, vi tứ chân đạo hạnh, thành A-la-hán."

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy:** "Từ giả người thân để xuất gia, nhận thức tâm đạt căn bản, hiểu pháp Vô-vi, được gọi là Sa-Môn. Họ thường hành trì 250 giới, tiến chỉ thanh tịnh, tu Tứ Chân Đạo hạnh, chứng A-la-hán."

Lược giảng:

Đây là chương đầu tiên trong bốn mươi hai chương. Chương này nói rằng bậc Sa-Môn có thể chứng đắc quả A-la-hán.

Kinh Phật thường có ba phần: tựa, chính tông (giáo lý của kinh) và lưu thông. Ngài Đạo An 道安 là người cao tăng đầu tiên dùng sự phân chia này.

Nhưng bộ Kinh này chỉ có phần tựa và chính tông, không có phần lưu thông.

Chương một bàn về các quả vị của bậc sa-môn.

Đức Phật dạy: "Từ giả người thân để xuất gia.

“*Người thân*” tượng trưng cho những gì trói buộc chúng ta lại (như vợ, con, tiền, bạn gái, xe, chó v.v.). “*Từ giả*” là ly gia cắt ái: tách ra khỏi tất cả sự ràng buộc của gia-đình. Đó là ý nghĩa hẹp của việc xuất-gia:

1. Xuất thế sự gia: nơi tình cảm làm chúng ta quyến luyến.
2. Xuất tam thế gia: nơi lực luân hồi xoay cuốn chúng ta
3. Xuất phiền-não gia: nơi mà chúng sinh chấp nhận phiền não là thông thường.

Nói rộng hơn, xuất và nhập:

1. Xuất thế-gian gia, nhập Chân lý gia (pháp môn không). Nhà thế-gian bị hạn-chế bởi thời-gian (mạng sống có hạn) và không-gian (hạn chế bởi thân). Ngược lại, thế giới Chân lý hoàn-toàn không có hạn chế. Như vậy, chúng ta xuất từ hạn chế nhập vào vô tận.

2. Rời ngũ uẩn gia, vào Pháp thân gia. Ngũ uẩn là: sắc, thọ, tưởng, hành và thức, năm lớp ảo giác sinh trưởng từ thân chúng ta. Nó khiến chúng ta luân hồi trong biển sinh tử, đổi từ thân này qua thân khác. Trái lại, Pháp thân gia thường trực và không có các hư ảo. Vậy chúng ta chọn đi từ vô thường đến thường trực.

3. Xuất phiền-não (thế-gian) gia, nhập (xuất-thế) huệ gia. Chúng sinh có vẻ quen chịu phiền-não thường-xuyên trong đời sống. Họ liên miên từ phật lòng và bất hạnh cho đến thỏa-ý và khoái lạc. Cái bấp bênh của cuộc sống là do tình cảm tạo. Chúng ta

có thể rời cuộc sống gia-đình để chuyên-tâm theo đuổi pháp xuất thế mà đoạn phiền-não và mở trí-huệ Bát Nhã.

4. Rời tử gia, vào vô-sinh gia. Từ ngày sinh, chúng ta tiến dần đến cái chết. Tại vì hễ có sinh thì phải có diệt. Cách duy-nhất để thoát ra khỏi vòng luân-quần này là tu pháp xuất-thế, liễu sinh tử. Ví dụ pháp môn Tịnh độ là một trong những pháp môn xuất-thế.

Theo truyền-thống, nếu như cha mẹ không cho phép thì không được xuất-gia. Đó là vì chúng nợ song thân ơn sinh dưỡng cái thân này. Theo bản kinh, xuất-gia là “từ thân 辭親”, tượng trưng cho sự cắt ái.

Kinh nghiệm cho thấy rằng, xuất-gia rất thuận-tiện cho việc tu-hành vì:

1. Chúng ta xả bỏ những tình cảm sâu đậm: có thể làm chúng ta mất sáng suốt.

2. Chúng ta rời bỏ sự y-lại nơi người thân.

Có ý thì có bị y lại. Muốn đắc giải-thoát thì phải biết giảm sự y-lại và tự túc: vì không ai có thể thay mặt cho mình mà giải-thoát.

Hơn nữa, tu để **nhận thức tâm đạt căn bản**.

“Nhất thiết duy tâm tạo”: tất cả do tâm tạo ra.

“*Nhận thức tâm*” nghĩa là hiểu không có pháp nào ngoài tâm. Tất cả đều do tâm tạo.

“*Đạt căn bản*”: nếu tâm là nguồn-gốc của mọi sự thì chúng ta cần phải truy ra gốc của nó. Tâm vốn là không. Nay tâm thì quá đầy. Vì vậy cần tu để biến tâm đem về chỗ không. Trong quá-trình đó sẽ thấy được tâm chỉ là hư ảo.

Nói trắng ra, người tu hành phanh phui ra những

máy-móc bí-mật trong tâm. Họ khám-phá được nhờ tu-luyện thay vì chỉ nghiên-cứu sách vở hoặc đàm-thoại và đấu trí.

“Tâm” hay thường được dùng cùng nghĩa với “tánh” trong kinh sách Phật giáo.

Có hai loại tâm:

1. Tánh (tâm) biến-kế-chấp: luôn luôn tính toán và bám chụp. Đây là hồng-tâm của quảng-cáo gia. Họ muốn giới-thiệu chúng ta những sản-phẩm của họ để khiến tâm chúng ta tính toán những lợi-ích và thú-vui của phẩm-vật. Một khi đã khởi thì chúng ta tự-động sẽ chấp và “đòi”.

2. Tánh (tâm) y-tha-khởi: tâm sinh ra dựa trên ngoại cảnh. Ví dụ khi thấy sợi dây cuộn tròn từ xa, chúng ta tưởng lầm đó là con rắn.

Hai tâm này vốn là không và giả.

Hiểu pháp Vô-vi.

Giác ngộ là hoàn-toàn thành-tự tự-tính.

“Pháp hữu-vi” là bất cứ gì cần nương-tựa cái khác mới có thể tồn-tại. Chẳng hạn như bánh mì phải tùy thuộc bột mì, nước, lao-công, lò v.v. Thiếu bất cứ yếu-tố (“duyên”) nào thì không thể có bánh mì.

“*Pháp Vô-vi*” không lệ-thuộc vào bất cứ gì để tồn-tại. Nó là tương-phản của pháp hữu-vi.

“*Hiểu pháp Vô-vi*” nghĩa là thể-hội được nhất nguyên (non-duality), Chân Như, Chân Không hoặc Phật tính. Ý-thức được rằng Chân Như và vạn pháp “bất nhất bất dị 不一不異” (không phải là một cũng không phải khác biệt). Đây là chứng sự thành-tự vẹn-toàn của chân tính 證圓成實性.

Kẻ hiểu kỳ có thể khám-phá Vô-vi bằng cách dừng ý-lại vào tâm suy-nghĩ và phân-biệt. Các triết-lý gia và khoa-học gia của thế-giới thường bị bế-tắc vì họ cần ý-lại vào tâm phân-biệt đó.

Được gọi là Sa-Môn.

Biết tường tận tâm tánh và thấu hiểu Pháp Vô-vi, mới xứng đáng được mang danh hiệu “*Sa-Môn*”.

Trước khi có Phật-giáo tại Ấn-Độ, người xuất-gia được gọi là sa-môn.

"Sa-Môn" là tiếng Phạn, và có nghĩa là "cần tức 勤息" (siêng năng, chăm dút); đó là:

Cần tu Giới, Định, Huệ,

Tức diệt tham, sân, si.

(Siêng tu Giới, Định, Huệ,

Dứt sạch tham, sân, si.)

Có bốn hạng sa-môn:

1. Oai nghi sa-môn 威儀沙門: họ giữ giới-luật và oai-nghi rất kỹ-lưỡng, làm cho tín-đồ sinh lòng kính mến.

2. Hình phục sa-môn 形服沙門: mặc dầu đáp y-phục người xuất-gia họ không đủ tiêu-chuẩn của người xuất-gia.

3. Danh văn sa-môn 名聞沙門: danh tiếng vang khắp nơi.

4. Thật hạnh sa-môn 實行沙門: tu hành rất thành-tâm và thường hiển-hiện ra phong-cách và thể-tính của người xuất-gia.

Họ thường hành trì 250 giới.

Họ thường giữ (“hành trì”) giới. Người xuất-gia bắt đầu bằng cách học giới. Theo truyền-thống, sau khi thọ đại giới, họ dành năm năm đầu nghiên-cứu giới-luật. Như vậy mới biết làm sao “hành trì 250 giới”. “250” là tổng-số giới của người tỳ-kheo. Các tỳ-kheo-ni có tất cả 348 giới.

“*Thường*” có nghĩa là không vi-phạm một mảy-may giới-luật. Có bất cứ vi-phạm thì giới-thẻ sẽ bị sơ-khuyết, nên cần phải sớm sám-hối để hồi-phục lại nguyên-tính. Người xuất-gia cần phải biết thành-thật: chúng ta còn tập-sự nên không khỏi làm lỗi. Sau khi biết đã làm bậy thì nên chóng sám-hối mà cố gắng tiếp.

Tôi nghĩ giới là giới của sự-thật. Nó giúp chúng ta tu trong sự thành-thật. Phần lớn đều nghĩ khác: cho rằng giới quá ràng buộc, thiếu tự-do. Chính vì thích tự-do nên sẽ bị đọa. Giới giúp chúng ta nhìn thẳng vào các thói hư mà sửa đổi.

Tiến chỉ thanh tịnh.

“*Tiến chỉ*”: tiến-tới (“tiến”) hoặc ngừng lại (“chỉ”). Tinh-thần người tu-sĩ là muốn thường tiến bộ. Kẹt lắ thì ngừng lại chứ không muốn thối-lui. Cùng trong tinh-thần đó mà chúng tôi dụng công hành thiền: nhất định tăng-trưởng thiền-định đều-đều chứ không để thụt-lùi.

Giữ giới tức là “chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành (không làm điều ác, chỉ làm điều lành)”. Giới-luật giúp chúng ta không bị ô-úế, đó là “*thanh-tịnh*”. Muốn thanh-tịnh thì cần gạn lọc ra các cấu úế.

Cuộc sống người xuất-gia chú-trọng sự thanh-tĩnh. Vì thanh-tĩnh tức có Đạo-đức. Chúng tôi coi đức là quan-trọng nhất.

Tu Tứ Chân Đạo hạnh, chứng A-la-hán.

"*Tu Tứ Chân Đạo hạnh*" "Bốn đạo-hạnh chân chánh" chính là Pháp Tứ Đế: Khổ, Tập, Diệt và Đạo. Các vị Sa-Môn đều siêng năng tu học Pháp Tứ-Đế. Tứ Diệu Đế là một pháp tu để đắc thánh quả: "*chứng A-la-hán*".

"A-la-hán" là tiếng Phạn, và có ba nghĩa:

1. Sát-tặc 殺賊 (kẻ giết giặc). Bậc A-la-Hán không phải giết những tên giặc ở ngoài, mà giết bọn giặc phiền não ở bên trong! Tâm tham là một tên giặc, tâm sân là một tên giặc, và tâm si cũng là một tên giặc - đó là những tên giặc cần phải bị tiêu diệt.

2. Ứng-cúng 應供. "Ứng cúng" nghĩa là xứng đáng để thọ nhận sự cúng dường của trời và người. Bậc A-la-hán đã chứng thánh quả nên phải làm phước điền!

3. Vô-sanh 不生. Tức là "liễu sanh tử," có nghĩa là sự sanh tử đã kết thúc, không còn cái khổ của sanh tử nữa. Tuy nhiên, bậc A-la-hán chỉ dứt được Phần-đoạn Sanh tử, còn Biến-dịch Sanh tử thì các ngài vẫn chưa dứt được.

Tỳ-khưu là nhân mà A-la-hán là quả. Làm Tỳ-khưu tức là gieo cái nhân thành A-la-hán, và thành A-la-hán là kết quả của việc đã làm Tỳ-khưu. Do đó, khi là Tỳ-khưu ở nhân địa, thầy Tỳ-khưu trồng nhân là

Phá-ác thì sẽ được quả là Sát-tặc, nhân là Khất-sĩ thì quả là Ứng-cúng, và nhân là Bồ-ma thì quả là Vô-sanh.

Tứ quả là vô học quả 無學之果. Sơ quả, nhị quả và tam quả được gọi là hữu học quả.

Kinh Văn:

Hán Văn: "**A-la-hán giả, năng phi hành biến hóa, khoáng kiếp thọ mạng, trú động thiên địa.**"

Dịch Nghĩa: "**Các bậc A-la-hán đều có thể phi hành, biến hóa, thọ mạng dài khoáng kiếp và trụ đâu làm động trời đất.**"

Lược giảng:

Các bậc A-la-hán đều có thể phi hành, biến hóa.

Các bậc A-la-hán có thể không có thần-thông hoặc rất nhiều thần-thông. Thần-thông gồm lục thông (“phi hành hoặc bay” là một trong sáu) và 18 “biến hóa” (như biến nước từ thân trên, hóa lửa từ thân dưới).

Thọ mạng dài khoáng kiếp.

"Khoáng kiếp": trường-viễn-kiếp, hoặc vô-lượng-kiếp; nghĩa là thời gian lâu xa, không thể nào tính đếm được. Các bậc Tứ-quả A-la-hán muốn sống bao nhiêu lâu cũng được, không trở ngại gì cả. Khi thân

thể này hư hoại thì các ngài có thể đổi lấy một thân thể khác. Vì các ngài có thể thay đổi thân thể một cách rất dễ dàng, cho nên nói rằng các ngài "*thọ mạng dài khoáng kiếp*."

Và trụ đầu làm động trời đất.

Các bậc A-la-hán trú ngụ ở nơi nào cũng đều có Trời, Rồng, cùng Tám bộ chúng tới hộ pháp. Vì họ Đạo cao đức trọng nên họ đến đâu là trời đất đều rung động cả. Hễ nơi nào có một bậc A-la-hán an trụ, thì nơi đó rất bình yên, và mọi việc có liên quan đến ngài đều được may mắn, thuận lợi.

Tứ quả La Hán không còn sinh (ngã thân dĩ tận 我身已盡): chứng Khổ Đế; tịnh hạnh đã lập (phạm hạnh dĩ lập 梵行已立): chứng Diệt Đế; cái gì cần làm đã làm (sở tố dĩ辦 所做已辦): chứng Đạo Đế; không còn phải đổi thân (bất thọ hậu hữu 不受後有): chứng Tập Đế.

Họ đã đắc giải-thoát (khởi khổ). Họ đã vượt qua biển khổ đến bờ Niết Bàn.

Kinh Văn:

Hán Văn: "**Thứ vi A-na-hàm. A-na-hàm giả, thọ chung linh thần thượng thập cửu thiên, chứng A-la-hán.**"

Dịch Nghĩa: "**Kế tiếp là A-na-hàm. Khi bậc A-na-hàm mạng chung, linh-thần sẽ thăng trên cõi trời thứ mười chín, và chứng A-la-hán.**"

Lược giảng:

Kế tiếp là A-na-hàm.

Tam-quả A-na-hàm (Anagamin 斯陀含), đã đoạn trừ tư-hoặc của cõi Dục-giới. Họ được gọi là “bất hoàn 不還”: không cần trở về nữa.

Khi bậc A-na-hàm mạng chung, linh-thần sẽ thăng.

“*Linh thần 靈神*” này, nếu làm quý, tức là thuộc âm thì gọi là thân trung-âm; còn nếu thuộc dương, thì gọi là linh-thần, linh-hồn, hoặc linh-tánh. Linh thần của vị A-na-hàm là thức thứ tám: A lại gia thức 阿賴耶識, sẽ “*thăng*”.

Trên cõi trời thứ mười chín, và chứng A-la-hán.

Vì bậc A-na-hàm chưa chấm dứt được sanh tử, do đó, khi thọ mạng của ngài chấm dứt, linh thần của ngài sẽ thăng lên trên cõi trời thứ hai mươi: Vô Phiền thiên 無煩天. Đây là tầng trời cao nhất của Ngũ bất hoàn thiên 五不還天/ 五淨居天, Ngũ Tịnh cư thiên của Sắc giới. Họ trụ đó cho đến khi “*chứng A-la-hán*”: đắc Tứ quả. Họ không cần trở lại cõi người nữa (để chứng Tứ quả).

19 tầng trời trước là: 6 Dục giới thiên, 3 sơ thiên thiên, 3 nhị thiên thiên, 3 tam thiên thiên và 4 tứ thiên thiên đầu.

Trí huệ của Tứ quả so với của Tam quả thật không thể so lượng.

Kinh Văn:

Hán Văn: "**Thứ vi Tu-đà-hàm. Tu-đà-hàm giả, nhất thượng nhất hoàn, tức đắc A-la-hán. Thứ vi Tu-đà-hoàn. Tu-đà-hoàn giả, thất tử thất sanh, tiện chứng A-la-hán. Ái dục đoạn giả, như tứ chi đoạn, bất phục dụng chi.**"

Dịch Nghĩa: "**Kế tiếp là Tu-đà-hàm. Bậc Tu-đà-hàm còn một lần thăng và một lần trở lại nữa là đắc quả A-la-hán. Kế tiếp là Tu-đà-hoàn. Bậc Tu-đà-hoàn còn bảy lần sanh và bảy lần tử nữa mới chứng A-la-hán. Đoạn trừ ái dục như đoạn tứ chi, không còn dùng lại nữa.**"

Lược giảng:

Kế tiếp Tu-đà-hàm.

Bậc Thánh nhân thuộc hàng Nhị-quả gọi là Tu-đà-hàm. "*Tu-đà-hàm*" (Sakridagamin 斯陀含) là tiếng Phạn và có nghĩa là "nhất lai 一來" (một lần trở lại).

Bậc Tu-đà-hàm còn một lần thăng và một lần trở lại nữa là đắc quả A-la-hán.

Thế nào gọi là "nhất lai"? Bậc Tu-đà-hàm còn đến cõi trời (一上欲天) một lần, và đến cõi người

một lần nữa mà thôi. Do đó mà cũng gọi là "nhất thượng, nhất hoàn" - một lần lên cõi trời và một lần trở lại chốn nhân gian để “*đắc quả A-la-hán*”: Tứ quả.

Bậc Tu-đà-hàm đã đoạn trừ được sáu phẩm tư-hoặc của cõi Dục-giới.

"Tu" là tư tưởng, ý nghĩ; và cũng là sự phân biệt. Nếu chỉ đơn thuần một cái "tu" mà thôi, không có chữ "hoặc" kèm theo, thì tư tưởng ấy cũng có thanh tịnh, trong sạch. Biết dùng trí huệ để phân biệt, thì không gọi là tư-hoặc.

"Tu-hoặc" tức là mê muội rồi, không còn tỉnh táo, sáng suốt nữa. Khi đối diện với ngoại cảnh mà vì không hiểu chân lý nên sinh tâm phân biệt.

Cõi Dục-giới có chín phẩm Tư-hoặc. Bậc Nhị-quả chỉ mới đoạn được sáu phẩm tư-hoặc đầu. Tam-quả đoạn được xong ba phẩm tư-hoặc còn lại. Đoạn trừ được sáu phẩm tư-hoặc đầu của Dục-giới thì đắc Nhị-quả A-la-hán.

Nhị quả và Tam quả gọi là “hữu học vị 有學位”. Sơ quả gọi là “Kiến Đạo vị 見道位”.

Kế tiếp là Tu-đà-hoàn.

“*Tu-đà-hoàn*” là Thánh nhân chứng được Sơ-quả, quả vị đầu tiên của hàng A-la-hán. Tu-đà-hoàn (Srotaapanna 須陀洹) là tiếng Phạn và có nghĩa là Nhập-lưu (vào dòng), Dự-lưu (tham dự vào dòng), hoặc Nghịch-lưu (ngược dòng).

"Nhập-lưu" tức là "nhập Thánh nhân Pháp-tánh

lưu" - gia nhập dòng Pháp-tánh của Thánh nhân.

"Dự" tức là tham dự, tham gia, và cũng ngụ ý "đạt được." "Dự-lưu" có nghĩa là được tham dự dòng Thánh, được gia nhập hàng ngũ của các bậc Thánh nhân.

"Nghịch-lưu" nghĩa là "nghịch phàm phu Lục-trần-lưu" - đi ngược lại dòng Lục-trần của phàm phu. Lục-trần là hình sắc, âm thanh, mùi hương, mùi vị, cảm xúc và pháp, không còn bị đọa tam ác đồ.

Bậc Tu-đà-hoàn còn bảy lần sanh và bảy lần tử nữa mới chứng A-la-hán.

Chúng được Sơ-quả tức là đã đoạn trừ được kiến-hoặc. Chúng ta đều có kiến-hoặc và tư-hoặc - đều bị mê hoặc bởi cái thấy (kiến) cũng như bởi ý nghĩ (tư). Chính hai thứ "hoặc" (u mê) này làm con người trở nên mê muội. Vì thế, nếu muốn khai huệ thì phải đoạn trừ hai thứ "hoặc" này.

"Kiến-hoặc" có nghĩa là "đôi cảnh khởi tham ái" - hễ trông thấy sự vật thì sanh lòng ham muốn và yêu thích. "Tư-hoặc" có nghĩa là "mê lý khởi phân biệt" - bị mê mờ, không hiểu đạo lý, nên nảy sanh lòng phân biệt.

Có tám mươi tám phẩm kiến-hoặc. Nếu đoạn dứt được tám mươi tám phẩm kiến-hoặc này, thì sẽ chứng được quả vị đầu tiên của hàng A-la-hán và trở thành bậc Tu-đà-hoàn. Bậc Tu-đà-hoàn là Thánh nhân Sơ-quả.

"Bậc Tu-đà-hoàn còn bảy lần sanh và bảy lần tử

nữa mới chứng được quả A-la-hán." Bạc Thánh nhân đã chứng được Sơ-quả còn phải trải qua bảy lần sanh ra và bảy lần chết đi - bảy phiên sanh tử nữa. Sau khi đã trải qua bảy phiên sanh tử ấy, sẽ đắc Tứ-quả A-la-hán và chấm dứt sanh tử.

Bảy phiên sanh tử được phân ra như sau:

-Tại phẩm thượng-thượng của Dục-giới, bậc Tư-đà-hoàn nhậm vận đoạn trừ tham, sân, si, mạn; và ngài phải trải qua hai phiên sanh tử mới đoạn trừ xong.

-Tại phẩm thượng-trung của Dục-giới, ngài trải qua một phiên sanh tử;

-Tại phẩm thượng-hạ của Dục-giới, ngài trải qua một phiên sanh tử;

-Tại phẩm trung-thượng của Dục-giới, ngài trải qua một phiên sanh tử;

-Tại các phẩm trung-trung và trung-hạ của Dục-giới, ngài trải qua một phiên sanh tử;

-Tại các phẩm hạ-thượng, hạ-trung và hạ-hạ của Dục-giới, ngài trải qua một phiên sanh tử.

Có nhiều ngoại lệ. Những người có căn-cơ đặc biệt mà tu hành thì họ có thể từ Sơ-quả trực tiếp chứng được Tứ-quả A-la-hán. Trường hợp thân-mẫu ngài Cru-Ma-La-Thập là từ Sơ-quả mà chứng đắc Tam-quả A-la-hán. Cho nên, thứ tự chứng quả vị không phải là cố định.

Bạc Sơ quả dùng bát nhẫn 忍 và bát trí 智- 16 vô-lậu tâm để đoạn kiến hoặc của Dục giới.

Đoạn trừ ái dục như đoạn tứ chi, không còn dùng lại nữa.

Nếu đứt được tham dục, thì sẽ thành tựu được Đạo quả! Đoạn trừ lòng tham ái và tham dục thì cũng giống như chặt đứt cả hai tay và hai chân vậy - một khi tứ chi đã lìa khỏi cơ thể thì chẳng thể nào còn dùng lại được nữa. Như Kinh Lăng Nghiêm nói: khi củi đã đốt thì không thể cháy được lại nữa!

Có một người xuất-gia. Mặc dầu sau khi thọ Đại giới, cùng như thói cũ, mỗi tháng về nhà thăm vợ con một lần. Khi bà xã hỏi tại sao thì nói: “tôi rất chuộng cuộc sống tu hành. Nhưng còn thương gia-đình. Trước giờ gia-đình như cột neo, là nguồn vui rất lớn trong đời.”

Bà vợ bèn đào một hố sâu trước nhà, rải rất nhiều đá bén và che lại. Tháng sau, như thường lệ ông tăng về nhà và sụp hố. Kêu cứu thì không ai lại, cuối cùng tự bò lên.

Vô nhà than với vợ: “Bà có biết là có hố sâu trước nhà không? Nó làm tôi suýt chết!”

Vợ trả lời: “Biết là về thăm nhà nguy-hiểm như vậy, tại sao lại cứ về?”

Ông sư lãnh-hội ý vợ, lập-tức cáo-từ, trở về chùa và không bao giờ về thăm nhà nữa.

Ông ta tu hành tinh-tấn và chứng A-la-Hán quả.

Quý vị người xuất-gia! Chúng ta đã phát nguyện ly gia cắt ái. Đừng nên nhờ vả người nhà. Nếu thân

nhân muốn giúp đỡ, có thể được với điều kiện là tâm họ muốn cúng dường Tam Bảo chứ không phải vì giúp người thân.

Chương 2: Đoạn Dục Tuyệt Cầu

(Trừ Dục Vọng, Dứt Mong Cầu)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn:** "Xuất gia Sa-môn giả, đoạn dục khử ái, thức tự tâm nguyên, đạt Phật thâm lý, ngộ Vô-vi pháp. Nội vô sở đắc, ngoại vô sở cầu, tâm bất hệ Đạo, diệc bất kết nghiệp. Vô niệm vô tác, phi tu phi chứng, bất lịch chư vị, nhi tự sùng tối. Danh chi vi Đạo."

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy:** "Những người xuất gia làm Sa-môn đoạn dục, khử ái, nhận thức nguồn tự tâm, thông đạt Phật lý thâm sâu và ngộ pháp Vô-vi. Nội vô sở đắc, ngoại vô sở cầu, tâm không buộc Đạo, cũng chẳng kết nghiệp. Vô niệm vô tác, chẳng tu chẳng chứng, không trải qua các vị mà tự nhiên lại cao tột bậc. Đó gọi là Đạo!"

Lược giảng:

Chương thứ hai nói về trí-huệ của các thánh nhân (La hán và cao hơn). Thánh quả có thứ lớp nhưng họ chứng cùng chân lý. Tại sao? Khác biệt ở chiều sâu.

Đức Phật dạy: "Những người xuất gia làm Sa-môn đoạn dục.

Tu hành là biết bỏ bớt hành lý.

Dục là tâm tìm cầu sung-sướng, khoái-lạc.

Tham dục cản trở việc tu hành. Ví dụ: trong lúc ngồi tham thiền, vọng tưởng khởi lên vì tham dục và chấp-trước.

Những người muốn thoát khỏi ngôi nhà Tam-giới và trở thành bậc Sa-môn, cần phải làm gì? Cần phải bỏ lòng tham dục! Trong chương trước có nói rằng: "Đoạn trừ ái dục thì cũng như chặt đứt tứ chi, không còn dùng lại nữa."

Người đời thích đeo đuổi tình dục. Trái lại, người xuất-gia thì nên giảm dục "thiếu dục". Có thể bắt đầu bằng cách bớt muốn những gì mình thiệt sự không cần. Lúc tôi còn làm sa-di, tôi giúp một vị tỳ-kheo sửa chữa trong chùa. Vì thiếu dụng cụ nên chúng tôi lái xe của ông ra tiệm hardware store mua. Ông thầy tự dùng tiền riêng mà mua. Khi về lại chùa, thầy tri sự kêu chúng tôi vào và mắng một trận. Ngài nói: người xuất-gia khác người tại-gia: chúng ta không thể tự-do mua đồ.

Chúng ta cần phải biết thỏa-mãn với những gì đang có. Chúng ta cũng không nên nói xa nói gần để cư-sĩ "tự nguyện" mua cúng-dường. Cho đến ngày nay, tôi vẫn còn biết ơn thầy tri sự và luôn luôn cố gắng làm theo lời thầy dạy: tự túc và không dám nhờ ai. Đó là bước đầu của thiếu dục.

Có ba loại dục:

1. Thiện dục 善欲: thích việc lành.
2. Ác dục 惡欲: mưu toan làm ác.
3. Vô ký dục 無記欲: không thiện không ác như

trong giấc mơ.

Họ khử ái.

“*Khử ái*”: trừ khử tình yêu.

Tại sao đức Phật tách đục ra khỏi ái? Đục là một loại ái thô. Đục sinh-trưởng từ ái. Xin quý-vị chú-ý đến thứ-tự. Trước tiên phải biết thiếu đục rồi mới có hy-vọng vào trung-tâm: ái.

Ái là gì? Là sự liên-hệ giữa chúng sinh. Nhất là nó chỉ về tình đục và lòng thương. Cả hai đều rất bầy nhầy. Tình đục làm cho chúng ta yếu sức và tình thương làm cho chúng ta hồ-đồ.

Phải làm gì với ái? Tùy người.

Thế nhân thì coi yêu thương là nhân tính. Thương và được yêu là quyền lợi của loài người. Đối với nhiều người, có tình yêu mới đem lại hạnh-phúc. Thiếu tình thương là thiếu hạnh-phúc. Vả lại, thỏa mãn tình-đục là một trong những khoái-lạc cao nhất.

Đối với người xuất-gia, họ hiểu rằng ái tình cột chúng sinh lại với nhau và làm cho luân-hồi liên-tục không ngừng. Phương pháp giải-thoát cái vòng luẩn-quẩn này là cắt ái. Vì vậy, người xuất-gia chọn “khử ái”.

Họ chọn xả lòng yêu cho chồng, con, cha mẹ, anh chị, người tình, láng giềng v.v. Họ chọn làm như vậy vì họ được dạy rằng tình yêu chỉ cản-trở việc tu-hành.

Quý vị biết không? Ngay sau khi xuất-gia, họ còn phải tiếp-tục xả bỏ đủ thứ tình cho đến lúc đắc giải-

thoát. Nói cách khác, họ chọn xả bỏ tình yêu nhỏ và ích kỷ để đổi lấy tình thương to lớn và rộng lượng.

Nhận thức nguồn tự tâm.

Một khi bớt bị ái tình chi phối, người tu sẽ bắt đầu nhận thức cái guồng máy của tâm: thấu rõ được bản-thể của tự tâm. “Nguồn tự tâm 心源” tức là tự tính. Việc này nói thì giản-dị nhưng làm không phải là dễ đâu!

Trước khi xuất-gia chúng tôi thường mưu-toan và tính-toán để làm tư lợi. Sau khi xuất-gia, những tập-khí đó thật không dễ bỏ!

Vì thế chương-trình huấn-luyện tăng-đoàn chúng tôi nhấn-mạnh công-tác và nghiên-cứu giáo-lý trước khi tu thiền và tịnh độ. Như trường-hợp một người cư-sĩ của chùa. Cô ta rất giỏi và có thành-tâm. Lúc trước thì đến một chùa khác làm công-quả cả mười năm liên-tiếp. Sau đến chùa chúng tôi để xin tu học pháp môn tịnh độ và trị bệnh. Tôi truyền cho cô phương pháp luyện thiền. Sau hai tháng tu luyện thì hết bệnh. Cô ta giỏi và có nhiều phước như vậy! Quý vị biết cô ta nghĩ gì về thiền không? Cô ta thú-thật với tôi rằng ngồi thiền rất khó. Cô hơi nhàm vì không có chuyện gì làm khi phải ngồi không như vậy!

Vì đó là tính-cách của chương-trình huấn-luyện. Phải kiên-nhẫn chịu-đựng cái nhàm cho đến khi hiểu được tại sao nhàm. Tập biết kiên-nhẫn mà ngồi đó để quan-sát guồng-máy của tâm.

Đó cũng được gọi là back-tracking: theo dõi

ngược về gốc. Chúng ta quan-sát tâm chúng ta huy-động ra sao. Nếu không bỏ cuộc thì sẽ truy về “nguồn tự tâm”.

Quý vị nào hơi thiếu kiên-nhẫn và muốn biết tâm nguồn ở chôn nào ... thì phải chịu khó đợi. Nếu tôi vạch nó ra thì nó vẫn là nguồn của tâm tôi chứ không phải nguồn của tâm quý-vị!

Vẫn nhất-quyết biết nó ngay bây giờ hả? Đợi không được nữa rồi?

OK, thiệt ra bất-mí cùng không có gì tai-hại cho lắm! Tâm xuất thân từ Chân Không.

Bây giờ biết rồi thì phải thật sự tu-luyện để mà thấy thật tướng của nó. Quý vị cứ tin tôi đi: rất nên làm. Tại sao tôi biết? Tôi thiệt không biết nhiều. Tôi rất tin quý tổ-sư và ân-sư. Họ đều nói như thế cả.

Thông đạt Phật lý thâm sâu và ngộ pháp Vô-vi.

Giáo-lý Phật-giáo rất “*thâm-sâu*”. Công-phu càng cao thì càng có thể thâm-nhập (“*thông đạt*”) huyền nghĩa.

Có người hỏi Hòa Thượng Tuyên Hóa: “Tại sao đức Phật chỉ dạy Tứ Diệu Đế, mà không dạy Ngũ (Diệu Đế)?” Ngài trả lời: “Vì Tứ Diệu Đế hàm chứa tất cả giáo-lý Đại Thừa mà Đức Thế-Tôn soạn đường để giảng trong thời Pháp Hoa và Niết Bàn”.

Bậc Bồ-Tát có khả-năng hiển-lộ ra những lý-thuyết Đại Thừa được chôn dấu trong giáo-lý Tiểu Thừa. Vì thế, người hiểu Đạo không còn phân-biệt các Thừa. Tất cả Thừa đều là Nhất Thừa.

Các thánh nhân “ngộ pháp Vô-vi”: tâm họ thông-suốt và thân họ cũng y theo đó mà làm. Trong chương một, đức Phật dùng chữ “hiếu (pháp Vô-vi)”. Ở đây, Ngài lại dùng chữ “ngộ”. Khác biệt chỗ nào vậy? “Hiếu” là với tâm suy-nghĩ (lục thức); “ngộ” là với chân tâm. Nếu muốn biết sự khác biệt của hai thì xin quý-vị tham-cứu Kinh Lăng-Nghiêm.

“Vô-vi” là gì? Nghĩa là không tạo tác 無造作: (tâm) cũng không tạo ra và (khẩu và thân) cũng không làm (và cũng không không làm). Nó tương-phản với “hữu-vi”: tạo và làm do nhân-duyên.

Duyên là gì? Đó là phụ nhân để tạo ra sự việc. Ví dụ: nếu (chính) nhân của cây là hạt giống, thì cây chỉ thành hình nhờ phụ nhân như nước, phân bón, công lao, mặt trời v.v. Vì vậy cây là một pháp hữu-vi. Nó không thể thành-tự nếu không đủ phụ duyên.

Chúng tôi bảo-tồn chữ “tác” (làm) từ nguyên văn chữ Hoa vì nó biểu-tượng một khía cạnh khác của hữu-vi. Nó xuất thân từ tâm: tâm chúng ta tác. Nếu tiếp-tục nghiên-cứu Phật lý chung, trong tương-lai chúng ta sẽ nói nhiều hơn về cái “tác” này.

Đặc điểm pháp hữu-vi là có sinh diệt 生滅 và biến hóa 變化. Ngược lại, pháp vô-vi thì tuyệt đối 絕對 và thường trụ 常住.

Nói nôm na, những gì mà giác-quan chúng ta nhận thức được đều là pháp hữu-vi. Chỉ có Phật tính mới là pháp vô-vi.

Nói một cách rồ ráo, thoát lồng nhị nguyên bằng cách ngộ pháp vô-vi.

Nội vô sở đắc, ngoại vô sở cầu.

Nghĩa là:

“Trong không có gì có thể đạt, ngoài không có gì đáng truy cầu”.

Đây là cảnh giới của bậc A la Hán (Tứ quả) và cao hơn. Họ ngộ được cái ngã vốn là không. “*Nội*”: ở trong không còn ngã thì có ai còn có thể “*đắc*”? “*Ngoại*” thì khám-phá rằng tất cả (pháp hữu-vi) đều giả. Mọi sự sẽ thay đổi và biến hóa. Đây mới là có trí-huệ chân thật: họ có thể kiến phá (nhìn thấu) và phóng hạ (buông thả).

Không dễ làm đâu! Khi tôi giảng về cái không của ngã, một người đệ-tử làm nghề kỹ-sư nói một cách khôi-hài: “tôi có thể tin được là cái ngã này không, và bà xã tôi cũng là không, với điều-kiện là bà ta vẫn tiếp-tục nấu ăn cho tôi”. Đó chứng-minh rằng vợ thì có thể thành không, nhưng đồ bà ta nấu thì nhất định không thể không được! Vẫn còn “ngoại cầu”.

Tiếp theo, đức Phật sợ người tu hành có trình-độ hiểu-lâm, nên Ngài thêm:

Tâm không buộc Đạo.

Bậc La Hán còn thấy có Niết bàn để chứng đắc < phá ngã chấp nhưng còn pháp chấp >. Bồ Tát phá được pháp chấp nên thấy được thật không có gì để tu đạt. Đây là sự khác biệt giữa A la Hán và Bồ Tát.

Cũng chẳng kết nghiệp.

“*Nghiệp*” là chữ Phạn, nghĩa là tạo tác 造作: làm và tạo ra. Có ba loại nghiệp: tâm nghiệp, khẩu nghiệp và thân nghiệp.

Người có trí-huệ không “*kết nghiệp*” vì trí còn sáng-suốt nên:

1. Không tạo ác nghiệp.
2. Không bị nghiệp báo làm tối tâm.

Vô niệm vô tác.

"Họ không nghĩ, không làm." Lúc này, không còn bất cứ vọng niệm nào cả, mà chỉ có chánh niệm thôi. Ngay cả một vọng niệm cũng không còn, nên gọi là "không nghĩ", vì một hành vi giả dối dù nhỏ nhất cũng chẳng có, nên gọi là "không làm." Đây mới gọi là trí-huệ Bát Nhã.

Chẳng tu chẳng chứng.

Bấy giờ, những việc cần làm đều đã làm xong, tu hành đã đến nơi đến chốn; cho nên, không còn gì để tu học nữa: "*chẳng tu*." Hơn nữa, khi đã chứng đắc quả-vị, nên thấy không còn gì đáng chứng đắc nữa; vì thế gọi là "*chẳng chứng*."

Lão Tử nói:

“Đạo đã giả, bất khả dĩ tu du ly dã, khả ly phi Đạo”

(Đạo: không thể rời ngay chỉ trong chốc lát

Rời được thì không phải là Đạo).

Một khi đã ngộ thì không còn phân-biệt giữa Đạo và phi (không phải) Đạo, tu và không tu. Đã hết tất cả sự phân-biệt.

Không trải qua các vị mà tự nhiên lại cao tột bậc.

Đây chỉ đốn ngộ.

“*Các vị*” là những địa vị có thể chứng-đắc được trong quá-trình tu-hành: tứ thiên, tứ định, tứ quả, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa v.v.

Phái Nguyên Thủy đạt Không nhờ diệt nhân (Tứ Diệu Đế). Vì vậy, họ cần “*trải qua các vị*” để đạt cái Không. Nhưng cái Không này chưa phải là Chân Không. Những vị đã chứng Trung Đạo thì không còn thấy phải qua các quả-vị nữa: không còn trí-huệ gì cao hơn nữa “*cao tột bậc*”. Họ sẽ “*tự nhiên*” tiến-tới quả Phật.

“Tự nhiên cao tột bậc” được dịch từ 而自崇最. Một cách phiên-dịch khác là “tự nhiên đắc quả tối cao”: nên chúng-sinh rất tôn-kính họ.

Đó gọi là Đạo!

Một vị Sa-môn đắc Đạo là như thế! Trong tương-lai, quý-vị có thể tham-cứu chương này lại để hiểu quá-trình tu-hành.

Lúc còn tại-gia, tôi có hỏi một người đệ-tử xuất-gia của Ngài Tuyên-Hóa là một vị tỷ-kheo Thầy làm

gì? Ông ta mỉa mai trả lời: “Tôi chỉ biết ăn, tôi uống và ngủ.”

Lý do tôi lỡ buột miệng hỏi là vì ông ta có thái-độ rất tự-mãn. Hơn nữa quần chúng xung quanh ông lại rất cung-kính như đối với ông vua.

Bây giờ nhớ lại, nếu có cơ-hội tương-tự như vậy, tôi sẽ nói: “người tỳ-kheo nên diệt cái ngã”. Đây là lý-do chúng tôi xuất-gia.

Chương 3: **Cắt Ái Khứ Tham** (Cắt Đứt Ái Dục, Xả Bỏ Lòng Tham)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn:** "Thế trừ tu phát, nhi vi Sa-môn, thọ Đạo Pháp giả, khứ thế tư tài, khát cầu thủ túc, nhật trung nhất thực, thọ hạ nhất túc, thậm vạt tái hỷ! Sử nhân ngu tế giả, ái dữ dục dã."

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy:** "Cạo bỏ râu tóc làm Sa-môn, thọ nhận Đạo Pháp, họ từ bỏ của cải thế gian, khát thực chỉ nhận đủ dùng, giữa ngày ăn một bữa, nghỉ một đêm dưới cây, và thậm trọng không tái cầu. Chính ái dục làm người bị ngu và che vậ!"

Lược giảng:

Chương thứ ba ca ngợi hạnh Đầu-đà thù thắng. Nếu có thể thực hành hạnh Đầu-đà thì có thể chứng được Đạo-quả. Chủ ý là tránh lười biếng (vì chương trước nói: vô tác vô đắc).

Đức Phật dạy: "Cạo bỏ râu tóc.

Tức là từ bỏ sự chấp-trước về hình-tướng bề ngoài. Đúng là giúp tiết-kiệm tiền chi-phí cắt và uốn tóc. Thật ra, có công-dụng bớt những phiền-não sinh ra từ râu tóc.

Đời xưa, người ta tin rằng râu tóc là do Trời ban hoặc do cha mẹ cho. Vì vậy không nên rụng. Thật ra, râu tóc chỉ làm chúng ta tự mãn thêm thôi.

Làm Sa-môn, thọ nhận Đạo Pháp.

“*Làm Sa-môn*” tức là rèn gọt tướng và oai-nghi xuất-thế. Khi “*thọ nhận Đạo Pháp*”, họ đổi cải nếp sống. Lúc đó thì mong muốn liễu sinh tử. Họ thọ học “37 giác ngộ chi” để thành Đạo.

Đạo Phật là Đạo bần cùng, nên **họ từ bỏ của cải thế gian**. Của cải chỉ làm tham tích trữ. Sa môn không còn truy cầu sự thoải-mái hoặc xa-hoa. Người xuất-gia tránh hãnh diện vì có chùa lớn, nhiều tiền hoặc lái xe sang.

Khất thực chỉ nhận đủ dùng.

Xin ăn thì chỉ nhận vừa đủ no. Ngay cả bình bát cũng được chế có hạn lượng. Theo truyền-thống, khi khất thực sa-môn có thể ngừng khi vừa đủ ăn. Họ thường ngừng lại xin cơm bẩy căn nhà liên-tiếp. Nếu không có ai cúng-dường thì trở về với bát không.

Giữa ngày ăn một bữa.

Đức Phật khẳng định rằng người xuất-gia không được ăn sau Ngọ. Họ thường chỉ dùng một bữa trưa, không ăn sáng hoặc tối. Sau này, một số đệ-tử than rằng như vậy thì ốm quá nên Đức Phật có cho phép ăn sáng.

Trong Kinh Tỳ La Tam Muội 毗羅三昧經, một vị vua hỏi đức Phật tại sao Ngài ăn buổi trưa. Phật đáp: chư thiên ăn sáng, tam thế chư Phật ăn Ngọ, súc vật ăn chiều và ngạ quỷ ăn tối. Vì vậy, sa-môn nên ăn Ngọ để trồng chủng-tử thành Phật.

Luật tạng nêu ra những tai-hại của sự ăn quá lố:

1. Đại tiện nhiều 大便數
2. Tiểu tiện nhiều 小便數
3. Buồn ngủ 多睡
4. Mập, khó tu dưỡng 身重不堪修養
5. Nhiều vấn-đề tiêu hóa 多患不消化

Ban đêm, sa môn **nghỉ một đêm dưới cây**. Đây là một trong 12 hạnh đầu đà. Sa môn thường sống ngoài trời, tá túc dưới bóng cây. Ít khi lưu lại hơn hai đêm tại một cây để tránh phan duyên hoặc tạo chấp-trước.

Đời xưa, người xuất-gia là:

“Nhất bát thiên gia phạn, cô tăng vạn lý du”

(Một bát dùng để xin ăn với một ngàn nhà, đơn độc ngao du mười ngàn lý).

Và thận trọng không tái cầu.

Sa môn cố-gắng “tri túc và thiếu dục”. Họ biết “*thận trọng*” chỉ có vừa đủ để qua ngày, tránh tự nuông chiều và tích trữ vì không muốn nuôi tâm tham-lam. Vì vậy người xuất-gia thường không tự nấu ăn, không trữ đồ ăn. Những đồ ăn thừa thì bố-thí cho kẻ khác hoặc cho súc-vật.

Tại sao? Vì **chính ái dục làm người bị ngu và che vậy!**

Trong: “*ngu*”, ngoài thì bị “*che*”.

Không khác gì cái gương cũ. Muốn làm nó sáng và rõ như trước thì cần phải chùi rửa.

Rất nhiều người thắc-mắc về chuyện ăn thịt. Đức Phật chế người xuất-gia có thể ăn năm loại “tịnh nhục”:

1. Không thấy bị giết vì mình
2. Không nghe bị giết vì mình
3. Không nghi bị giết vì mình
4. Chết tự-nhiên
5. Bị thú khác giết.

Thời nay, một số sa môn còn nguy-biến để ăn cá thịt bằng cách nêu ra năm loại tịnh thịt trên. Đó chỉ là đức Phật dùng phương-tiện để giúp những kẻ thiếu phương-tiện như người ở vùng căn cõi nên không thể trồng trọt.

Đối với những người chủ-trương ăn mặn, thật ra họ đáng thương lắm: đi tu rồi mà vẫn còn tham ăn ngon. Làm sao mà tu được?

Chương 4: Thiện Ác Tinh Minh

(Thiện, Ác Phân Minh)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn:** "Chúng sanh dĩ thập sự vi thiện, diệc dĩ thập sự vi ác. Hà đẳng vi thập? Thân tam, khẩu tứ, ý tam. Thân tam giả: Sát, đạo, dâm. Khẩu tứ giả: Lương thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ý ngữ. Ý tam giả: Tật, nhuế (khuể), si. Như thị thập sự, bất thuận Thánh Đạo, danh Thập Ác Hạnh. Thị ác nhược chỉ, danh Thập Thiện Hạnh nhĩ."

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy:** "Chúng sanh lấy mười việc làm thiện, cũng lấy mười việc làm ác. Những gì là mười? Thân có ba, miệng có bốn, ý có ba. Thân có ba là sát, đạo, dâm. Miệng có bốn là lương thiệt, ác ngữ, vọng ngữ và ý ngữ. Ý có ba là đồ kỵ, sân hận và ngu si. Mười việc này không thuận với Thánh Đạo, gọi là Thập Ác Hạnh. Nếu dứt được những việc ấy thì gọi là Thập Thiện Hạnh vậy."

Lược giảng:

Thiện và ác tính bất định. Cặp này chỉ có nghĩa vì dựa nhau, giống như hai bên của bàn tay. Chúng ta cần cẩn-thận và không nên nghĩ rằng tạo nghiệp không có gì tai-hại vì chương trước giảng nghĩa rằng

người tu hành “*chẳng kết nghiệp*”. Nghiệp có thể là nhân để thành Đạo hoặc làm chúng ta lọt luân-hồi.

Đức Phật dạy: "Chúng sanh lấy mười việc làm thiện, cũng lấy mười việc làm ác.

Các việc này trồng nhân cho luân-hồi.

“*Chúng-sanh*” có nhiều nghĩa:

1. Chúng pháp sanh 眾法生: sanh từ các pháp. Chúng ta là sự tổng-hợp của tiền nhân. Những nhân đã trồng trong quá khứ nay hợp lại tạo ra cái thân để chúng ta lãnh quả báo dầu xấu hoặc tốt.

2. Chúng loại sanh 眾類生: sanh từ các loài. Chúng ta xoay vòng trong lục (phàm phu) Đạo, đi từ địa ngục cho đến cõi trời.

3. Thọ chúng đa sanh tử 受眾多生死: phải trải qua nhiều lần sanh tử; được gọi là chúng sanh vì không thể thoát được vòng sanh tử.

Những gì là mười? Thân có ba, miệng có bốn, ý có ba.

Mười việc ấy là gì? Gồm có ba việc phát khởi từ thân, bốn việc phát khởi từ miệng và ba việc phát khởi từ ý.

Thân có ba là sát, đạo, dâm.

Ba việc về thân là sát sanh, trộm cắp và dâm dục.

"Sát" là giết chết, kết thúc tánh mạng của chúng

sanh.

"Đạo" là không cho mà lấy, còn gọi là ăn cắp.

"Dâm" tức là tà dâm:

1. Với người không phải là trong hôn thú.
2. Với cách sai: a. Thời-giờ sai (như trong lúc ban ngày, trong lúc bệnh) b. Chỗ sai (như ngoài phòng ngủ) c. Đạo sai (trật đường) d. Tần số sai (quá nhiều).

Miệng có bốn là lưỡng thiệt, ác ngữ, vọng ngữ và ỷ ngữ.

Bốn việc về miệng là nói hai lưỡi, nói lời ác, nói dối và nói thêu dệt.

"*Lưỡng thiệt*" hoặc "nói lưỡi hai chiều" có nghĩa là người nói hai lời trái ngược nhau, với mục-đích là tạo sự xung-đột giữa hai bên.

"*Ác ngữ*" tức là mắng chửi, nguyên rủa, hoặc nói xấu, bôi nhọ người khác.

"*Vọng ngữ*" tức là nói láo, nói không đúng sự thật. Tâm và khẩu trái nhau. Miệng nói những lời mà tâm biết là không thật.

"*Ỡ ngữ*" tức là nói những lời vô nghĩa như lời lẽ khinh bạc, đầy dẫy tà tri tà kiến, không đúng đắn, tầm bậy.

Ý có ba là đồ kỵ, sân hận và ngu si.

Ba việc về ý là đồ kỵ, sân hận và ngu si.

"Đồ kỵ" tức là ganh ghét. Kẻ có tâm đồ kỵ,

thường không muốn cho người khác được sự tốt lành, hề thấy chuyện tốt đẹp xảy đến cho người thì sanh lòng ganh tỵ.

"*Sân hận*" là nuôi thù hận hoặc đan kết cơn phẫn nộ.

"*Ngu si*" là si mê, ngu muội; không phân biệt được sự lý một cách rõ ràng; ví như coi khỗ là sướng.

Bảy khẩu và thân nghiệp thuộc về tạo nghiệp. Ba tâm nghiệp thuộc về phiền-não.

Mười việc này không thuận với Thánh Đạo, gọi là Thập Ác Hạnh.

Mười việc vừa nêu trên, không thuận với Thánh Đạo, chẳng dẫn tới thiện đạo, gọi là "Thập Ác Hạnh" hay "Mười Điều Ác." Các thánh nhân không tán-thành việc ác vì được tạo từ mê-muội. Chắc chắn sẽ đem lại khỗ-sở trong tương-lai và xiết hãm chúng sanh tại vòng luân-hồi.

Nếu dứt được những việc ấy thì gọi là Thập Thiện Hạnh vậy.

Nếu ngăn chặn được mười việc ác kể trên, thì gọi là "Thập Thiện Hạnh" hay "Mười Điều Thiện". Như thế, thiện là sự vắng mặt của cái ác, làm ngược lại nghĩa lý tức là làm ác.

Trên phương-diện sự:

1. Hạ phẩm thiện: nhân cho A tu La giới.

2. Trung phẩm thiện: nhân cho cõi người.
 3. Thượng phẩm thiện: nhân cho cõi trời.
- Trên phương-diện lý:
1. Không Đế thiện: nhân cho Nhị Thừa.
 2. Tục Đế thiện: nhân cho Bồ Tát Thừa.
 3. Trung Đế thiện: nhân cho Phật quả.

Hoa Tạng (thế-giới) báo	Quả báo
1. Bất Sát	
<ol style="list-style-type: none"> 1. Sẽ bố thí cho tất cả chúng sanh mà không sợ 2. Thường có bi niệm đối với tất cả 3. Vĩnh viễn đoạn tất cả tập khí sân 4. Không bệnh hoạn 5. Sống thọ 6. Thường được phi nhân bảo vệ. 7. Không có ác mộng 8. Sẽ diệt hận thù và được giải-thoát về sân-hận 9. Không đọa ác thú đáng sợ 	<p>Đạt đức Phật Như ý, tự tại và thọ mạng</p>

10. Sinh lên trời sau khi chết.	
2. Bất Đạo	
<ol style="list-style-type: none"> 1. Sẽ tích tụ được của. 2. Nhiều người thương và thường niệm 3. Người không khinh 4. Được mời phương khen 5. Không lo bị thương 6. Tiếng tốt vang khắp 7. Vô úy trong đại chúng 8. Giàu có, mặt hồng hào, an toàn & lạc 9. Luôn luôn niệm bồ thí 10. Sinh cõi thiên sau khi chết 	Đắc thanh-tĩnh đại trí-huệ.
3. Bất tà dâm	
<ol style="list-style-type: none"> 1. Lục căn điều hợp. 2. Không bị náo loạn 	Đắc đức Phật hảo tướng của khuất âm.

<p>3. Thế-gian khen ngợi</p> <p>4. Kẻ khác không thể xâm đoạt vợ</p>	
<p>4. Bất vọng ngữ</p>	
<p>1. Miệng luôn thanh tịnh và thơm</p> <p>2. Thế-gian tin và phục</p> <p>3. Lời nói thường chân chính</p> <p>4. Thường an ủi chúng sinh với ái ngữ</p> <p>5. Tâm đắc thắng lạc</p> <p>6. Vô lỗi và thường hi</p> <p>7. Nhân thiên kính mến</p> <p>8. Thắng huệ</p>	<p>Đặc chân ngữ của Như Lai</p>
<p>5. Bất lưỡng thiệt</p>	
<p>1. Thân không bị hãm hại</p> <p>2. Retinues cannot be broken</p> <p>3. Thường được tín thuận</p>	<p>Tà ma không thể hại, Bồ Đề quyền thuộc</p>

<p>4. Được tu Đạo</p> <p>5. Được gặp Thiện tri thức</p>	
<p>6. Bất ác ngữ</p>	
<p>1. Ngôn ngữ chân chính</p> <p>2. Lợi ngữ</p> <p>3. Ngôn ngữ thuận chân lý</p> <p>4. Ngôn ngữ diệu đẹp</p> <p>5. Ngôn ngữ được chấp nhận</p> <p>6. Ngôn ngữ đáng tin</p> <p>7. Ngôn ngữ không bị phi báng</p> <p>8. Ngôn ngữ được sùng ái</p>	<p>Đắc Như Lai phạm âm</p>
<p>7. Bất ỷ ngữ</p>	
<p>1. Thánh nhân kính ái</p> <p>2. Trả lời thành thật</p> <p>3. Vô song đức</p>	<p>Chư Phật thọ ký, vô đường quên</p>

8. Bất tham ganh	
<ol style="list-style-type: none"> 1. Tam nghiệp tự-tại, lục căn đầy đủ. 2. Tự tại với tài sản; oán gia và cướp không thể cưỡng đoạt 3. Tự tại với công phước 4. Tự tại với địa vị 5. Như ý còn thừa 	Tam thể hiện nhân tôn kính
9. Bất sân hận	
<ol style="list-style-type: none"> 1. Tâm bất phẫn hại 2. Vô hận 3. Không muốn tranh tụng 4. Tính trực, hiền hòa 5. Đắc thánh nhân từ tâm 6. Thường niệm lợi chúng sinh 7. Tướng đoan trang 8. Sớm sinh cõi Phạm 	Chúng thấy ái mộ

10. Bất tà kiến

<ol style="list-style-type: none">1. Sẽ đắc chân thiện lạc2. Thâm tin nhân quả3. Qui y Tam Bảo4. Tâm trực, chánh kiến5. Thường sinh nhân thiên6. Phước huệ tăng trưởng7. Vĩnh ly ác thú8. Thân kiến bất khởi9. Trụ không bị che kiến10. Không gặp khó khăn	Đắc thần thông tự tại
---	-----------------------

Chương 5: Chuyển Trọng Linh Khinh (Chuyển Nặng Thành Nhẹ)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn:** "Nhân hữu chúng quá, nhi bất tự hối, đốn tức kỳ tâm, tội lai phó thân, như thủy quy hải, tiệm thành thâm quảng. Nhược nhân hữu quá, tự giải tri phi, cải ác hành thiện, tội tự tiêu diệt, như bệnh đắc hãn, tiệm hữu thuyên quyên nhĩ!"

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy:** "Người có nhiều lỗi mà không tự hối, lại khiến hối tâm chột dút. Tội lại ngập thân, như nước đổ về biển, dần thành sâu rộng. Nếu người có lỗi, tự hiểu biết sai, đổi ác làm thiện, thì tội sẽ tự nhiên tiêu diệt, như bệnh mà toát mồ hôi, bệnh dần dần thuyên giảm vậy!"

Lược giảng:

Chương thứ năm bàn về sám-hối bên Phật pháp, khuyên rằng nếu trót phạm sai lầm thì sám hối để trở thành con người mới hoàn thiện hơn. Có lỗi không sửa, lỗi tồn tại mãi. Nếu biết sửa lỗi, tội sẽ tiêu tan.

Sám hối là công nhận lỗi lầm và sửa đổi.

Đức Phật dạy: "Người có nhiều lỗi mà không tự hối.

"*Nhiều*" nghĩa là ba hoặc hơn.

Thỉnh thoảng chúng ta không biết bị sai phạm. Đa phần, khi ý thức được lỗi lầm, phản ứng tự nhiên là lập tức che đậy, cố ý che dấu để khỏi bị phát giác!

Sám-hối nghĩa là:

1. Thú nhận lỗi lầm (tốt nhất là với kẻ khác)
2. Cải đổi hành động.

Thú lỗi là công nhận chúng ta có “lậu” hoặc sơ-khuyết. Lợi ở chỗ đem đèn chiếu sáng vấn-đề: có kẻ khác xem-xét kỹ thì giúp chúng ta hiểu nhiều khía cạnh khác mà tự mình không thể thấy được.

Nhận thức ra được vấn-đề thì nên lập chỗ hồng. Cái hay của phát lộ sám hối ở tiếp theo thì phải sửa đổi, giải-quyết cho đến khi tất cả mọi người trong cuộc đều thỏa-mãn.

Lại khiến hối tâm chột dút.

Vì nghĩ là không cần-thiết. Đức Phật nêu ra một phản-ứng rất thông-thường: chúng ta “tự-nhiên” hoặc “tự-động” che dấu hoặc chối.

Tội lại ngập thân, như nước đổ về biển, dần thành sâu rộng.

Đức Phật dùng ví-dụ để mô tả cái hậu-quả của không chịu sám-hối các nghiệp. Ngăn dút tâm hối cải của mình là tự cho phép tiếp-tục tạo nghiệp. Dần mòn, tội lỗi dồn đến thân như những dòng nước nhỏ chảy xuôi về biển cả - lỗi nhỏ sẽ thành lỗi lớn, tội nhẹ biến thành tội nặng, nghiệp nhẹ cũng thành nghiệp

nặng; cho nên gọi là "*dần thành sâu rộng*."

Nghiệp nhẹ: nếu không cố-ý. Nghiệp không từ ngoài đến (Kinh Hoa Nghiêm: không từ phương Đông, cũng không từ Nam, Tây hoặc Bắc, cũng không từ tứ trung phương, mà từ tư-tướng diên-đào và tích-tập trong tâm 菩薩知諸業，不從東方來，不從南西北四維上下來，而共積集止住於心，但從顛倒生，無有住處").

Nếu người có lỗi, tự hiểu biết sai, đổi ác làm thiện, thì tội sẽ tự nhiên tiêu diệt,

Giả sử có phạm tội tày trời, nếu biết sám hối, phục thiện, thì tội liền tiêu tan. Tội lỗi dẫu nghiêm trọng, to lớn bằng trời, nhưng nếu biết sám hối thì tội sẽ tiêu tan. Cần phải sám hối (gọi là có một tí trí-huệ), rồi sửa đổi những hạnh ác thành hạnh lành và chăm chỉ làm thiện. Được như thế, "*thì tội sẽ tự nhiên tiêu diệt*."

Đại Thừa có rất nhiều pháp sám-hối để xóa nghiệp, để giúp chúng ta hồi-phục nguyên thể.

Như bệnh mà toát mồ hôi, bệnh dần dần thuyên giảm vậy!

Tương tự như khi đau ốm nóng sốt mà cả người được ra mồ hôi, bệnh từ từ nhẹ bớt và quý vị được bình phục vậy!

Pháp này thiệt tuyệt-diệu, dầu hơi khó tin! Cùng hơi khó hành vì ít ai chịu thú-tội, nhất là những tội nặng!

Khổng-Tử nói: tôi phát nguyện:

1. Tu học, từ lúc 15 tuổi 吾十有五，而志於學,
2. Tự lập, lúc 30 三十而立.,
3. Trục hết hoặc lúc 40 四十而不惑,
4. Biết thiên mệnh lúc 50 五十而知天命,
5. Tai biết thuận (không bị phiền-não vì lời người) lúc 60 六十而耳順,
6. Tòng tâm mà không phạm luật 七十而從心所欲，不逾矩.

Quý-vị thấy không? Ngay một vị thánh nhân như Khổng Tử mà phải tu rất lâu mới có thể không còn làm lỗi (tu từ 15 tuổi cho đến 70). Người Tây Phương có câu: “làm người thì làm lỗi”. Chúng ta cần biết khiêm-tốn hơn, tín dụng các pháp sám-hối và rửa lọc các lỗi-làm để thành thanh-tịnh hơn.

Pháp sám-hối là một trong mười hạnh vô-tận mà Ngài Phổ-Hiền Bồ Tát dạy người muốn tu hạnh Bồ Tát. Pháp ấy cho phép chúng ta xóa vết dơ và có cơ-hội cố-gắng bắt đầu lại.

Chương 6: Nhẫn Ác Vô Sân (Nhịn Kẻ Ác Và Không Oán Hận)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn:** "Ác nhân văn thiện, cố lai nhiều loạn giả, như tự cấm tức, đương vô sân trách, bỉ lai ác giả, nhi tự ác chi."

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy:** "Khi kẻ ác nghe các ông làm việc thiện và cố ý đến nhiều loạn, các ông hãy tự ngăn dứt chứ không nên giận trách. Kẻ mang điều ác đến sẽ phải tự nhận lấy điều ác."

Lược giảng:

Đây là chương thứ sáu. Đức Phật cảnh-giác chúng ta: không nên nuôi-dưỡng khuynh-hướng phản-đối (negative reaction). Rất cùng, thiện có thể thắng ác, còn ác thì không thể nào thắng được thiện. Trong chương trước, Đức Phật khuyên dứt ác hành thiện, và sửa đổi các thói hư tật xấu để trở thành con người hoàn thiện hơn. Nhưng sợ có người lo ngại nếu làm việc thiện sẽ bị kẻ ác đến quấy nhiễu; cho nên Đức Phật đã thuyết giảng chương kinh này.

Đức Phật dạy: "Khi kẻ ác nghe các ông làm việc thiện và cố ý đến nhiều loạn."

Một khi chúng ta phát tâm làm lành, thử-thách tức-tập tới! "*Nhiều loạn*" là gây phiền phức, tạo sự rắc rối.

Học trò tôi thường hỏi tôi: tại sao con làm thiện như Thầy dạy mà vẫn “bị phạt (get in trouble)”. Tôi trả lời: tội nó đến quấy nhiễu ông để giúp ông trở nên tốt hơn nữa và có thể làm thiện nhiều hơn nữa.

Tính cách của sự thử-thách là giao-động tâm “nhiều 擾” và rối-loạn “loạn 亂” quý-vị.

Các ông hãy tự ngăn dứt chứ không nên giận trách.

Dầu có “oan” đến đâu, cần phải “tự ngăn dứt 禁忌”: kèm chế chính mình 禁, phải giữ bình tĩnh 息 cũng không nên hốt hoảng. Nhất là dứt những việc không tốt lành đã trót làm (một khi ý-thức được).

"*Chứ không nên giận trách.*" Quý vị không nên oán hận, trách mắng và đừng trả đũa. “Giận” là vì không vừa lòng. Một phản-ứng thông-thường khác là “trách” người. Có ai để ý thấy rằng mỗi khi mình nổi nóng, luôn luôn là vì lỗi người khác?

Kẻ mang điều ác đến sẽ phải tự nhận lấy điều ác.

Những kẻ đem lâu la quỷ sứ đến để quấy nhiễu quý-vị. Nếu chúng ta không nghinh chiến, thì chính họ phải tự đương đầu với loài quỷ sứ, thích làm bậy. Cuối cùng, họ chỉ tự hại chính bản thân họ mà thôi.

Như có tấm gương soi và trong gương hiện ra một khuôn mặt cực xấu; thì nó tự làm nó sợ chứ gương không cần làm gì cả!

Cố gắng tập hạnh kiên nhẫn và biết không nổi cáu. Càng khó chịu chừng nào thì cần càng phải biết nhẫn-nhục hơn và nhất là không được nổi giận. Đó là nhẫn ba la mật.

Một phương-pháp khác mà tôi dạy cho học-trò là nhường 讓, một đức hạnh mà người Hoa rất chuộng. Đó là như thân cây có thể uốn cong vòng mà không gãy, mặc dầu gió lốc thổi rất khốc liệt. Nên biết tập chịu đối thủ và để họ tạm thời thắng.

Nhẫn và nhượng khác nhau chỗ nào? Nhẫn được nhưng thường phần uất, oán giận (resent). Biết nhường là biết chịu lỗ, chịu thua và không được resent. Khi trả xong nghiệp thì vấn-đề tự bỏ đi. Đấu hoặc resent chỉ khuyến-khích chủ nợ la-cà lâu hơn thôi!

Chương 7: Ác Hoàn Bản Thân
(Ở Ác Gặp Ác)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn:** "Hữu nhân văn ngô thủ Đạo, hành đại nhân từ, cố trí mạ Phật. Phật mặc bất đối. Mạ chỉ, vấn viết: Ờ Tử dĩ lễ tông nhân, kỳ nhân bất nạp, lễ quy tử hò?" Đối viết: "Quy hỷ."

Phật ngôn: "Kim tử mạ ngã, ngã kim bất nạp; tử tự trì họa quy tử thân hỷ. Du hưởng ứng thanh, ảnh chi tùy hình, chung vô miễn ly, thận vật vi ác!"

Dịch Nghĩa: Đức Phật dạy: Có người nghe tiếng Phật giữ Đạo và hành hạnh đại nhân từ, bèn cố ý đến mắng Phật. Phật làm thinh, chẳng đáp.

Khi người kia mắng xong, Phật hỏi: "Ông lấy lễ đãi người, người kia không nhận; lễ ấy có về lại ông chăng?"

Đáp rằng: "Về lại!"

Phật bảo: "Nay ông mắng Ta nhưng Ta không nhận, ông tự thu họa về thân ông vậy. Như vang ứng theo tiếng, bóng hiện theo hình, cuối cùng chẳng ai tránh được. Hãy thận trọng, chớ làm ác!"

Lược giảng:

Đây là chương thứ bảy. Chương trước nói rằng mang điều ác đến cho người khác tức là tự chuốc họa vào thân, bây giờ Đức Phật cho thí dụ để chứng minh điều ấy.

Đức Phật dạy: Có người nghe tiếng Phật giữ Đạo và hành hạnh đại nhân từ, bèn cố ý đến mắng Phật.

Xin quý-vị chú-ý: đức Phật dẫu đã thành Đạo, Ngài vẫn “*giữ Đạo*”: giữ giới. Và thực “*hành hạnh đại nhân từ*”: Ngài sống trong Đạo lý và đem vui lại cho chúng sinh.

Danh tiếng của Phật vang. Bên ngoài Đạo mắt nhiều đê-tử vì họ qua qui-y với Tam Bảo. Vì vậy, có rất nhiều người đố-ky Phật.

“*Bèn cố ý đến mắng Phật*”: Đây là một phen thử-thách coi Phật có thật sự “*giữ Đạo và hành hạnh đại nhân từ*”, nhất là đối với người đang “*mắng*” mình.

Phật làm thinh, chẳng đáp.

Đức Phật chỉ im lặng, không nói năng gì cả. Vậy là tránh đổ dầu vào lửa. Ngài “*như như bất động*”, đó là có định lực!

Khi người kia mắng xong, Phật hỏi: "Ông lấy lễ đãi người, người kia không nhận; lễ ấy có về lại ông chăng?"

Đáp rằng: "Về lại!"

Đợi tới khi người ấy mắng xong (tất cả thử-thách đều bị thời-gian hạn-chế), Phật nêu rõ là theo lịch sự mà đối đãi người thì không mất cái lịch sự đầu người ta không nhận.

Phật bảo: "Nay ông mắng Ta nhưng Ta không nhận, ông tự thâm họa về thân ông vậy."

Tương-tự như vậy, vì Phật không nhận sự trách mắng của ông, cái mắng phải trở về người gởi (return to sender).

Như vang ứng theo tiếng, bóng hiện theo hình.

Cái dội lại có thể quan-sát được không khác chi bóng và tiếng vang.

Cuối cùng chẳng ai tránh được. Hãy thận trọng, chớ làm ác!

Vô phương tránh hậu quả của việc hủy báng Phật. Không chỉ cái ác trở lại người gởi (theo vật-lý: lực=phản ứng) mà thật ra ác nhân đã lãnh đủ toàn lực của hậu quả rồi. Đó là không mang rác người về nhà. Vì thế, hãy thận trọng, chớ làm điều ác!

Đời xưa, có một người đàn bà Ấn-Độ hay đối-xử rất tốt với mẹ chồng khi ông ta có mặt. Vì thế nên ông ta rất tin tưởng bà. Bà ta có một thói hư: thích được đàn ông chiều cố. Ngặt vì mẹ chồng ở chung nhà nên rất bị gò bó, khó được tự do.

Bà vợ nghĩ kế, xúi chồng: nay mẹ đã lớn tuổi, đi đứng khó-khăn, tốt nhất là nên gởi cụ lên trời để dứt khổ sở và sớm hưởng thiên lạc. Chồng nghe có lý nên hỏi cần phải làm sao.

Bà vợ hư hỏng khoe rằng bên Ấn-Độ giáo có pháp hồ lửa để giúp người thăng thiên.

Vợ chồng bèn đào một hố lửa thật sâu rộng, khói đen nghi ngút và đem bà cụ tới miệng hố khấn vái. Bà dâu bất ngờ từ sau lưng đẩy mẹ chồng xuống hố lửa.

Chắc vì bà già chưa tới số, nên rơi xuống hố vào chỗ không có lửa. Khi bà cụ leo ra khỏi hố, thì trời đã tối thắm nên không tìm được đường về nhà. Bà ta bèn leo lên cây qua đêm.

Có hai tên trộm đem vàng bạc mới cướp bóc ở làng tới nghỉ dưới cây. Bà ta tăng hăng nên bọn cướp kinh hoàng, bỏ vàng bạc mà chạy.

Sáng sau, bà già trèo xuống cây và khám-phá ra đồ báu. Bà lấy một mớ và đi về nhà. Tối nhà thì trời đã chạng vạng.

Con trai rất mừng thấy mẹ xuất-hiện. Dâu lại hoảng-hốt vì tưởng là mẹ chồng thành qui và tới đòi mạng.

Bà già không nói gì cả, chỉ mở gói đem vàng bạc ra. Bà dâu nổi lòng tham, đĩnh-ninh rằng bà già lên trời và trở lại để giúp con, nên lập-tức kể công, khoe mình chính mới là người chủ-chốt.

Bà cụ chột hiệu và thần-nhiên bảo dâu: “Con cũng nên dùng cái pháp hồ lửa. Thật ra, vàng bạc còn nhiều lắm mà mẹ khiêng về không xuể”.

Con dâu độc ác tán-thành và ngày hôm sau tự nhảy vào hố lửa mà chết.

Ác nhân chắc chắn sẽ tự hãm hại.

Nhà Nho có câu :

Thiên tác nghiệt do khả vi, tự tác nghiệt bất khả hoán.

(Trời làm sai còn có thể lánh, tự làm sai không thể tránh). Nhân loại ở dưới sự cai quản của trời. Ông trời có sai thì chúng ta còn có thể né họa. Trái lại, nếu chúng ta cố-ý làm bậy thì phải gánh hậu quả.

Chương 8: Trần Thóa Tự Ô

(Gieo Gió Gặt Bão)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn:** "Ác nhân hại hiền giả, du ngưỡng thiên nhi thóa, thóa bất chí thiên hoàn tòng kỷ đọa; nghịch phong dương trần, trần bất chí bỉ hoàn bộn kỷ thân; hiền bất khả hủy, họa tất diệt kỷ."

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy:** "Kẻ ác hại người hiền, như người ngược lên trời phun nước miếng, nước miếng không tới trời lại rơi nhằm mình; hoặc như người ngược gió tung bụi, bụi chẳng đến nơi khác mà trở lại làm dơ mình - người hiền không hại được, mà họa tất tự diệt."

Lược giảng:

Chương thứ tám răn bảo ác nhân không nên cố ý hãm hại người thánh hiền.

Đức Phật dạy: "Kẻ ác hại người hiền, như người ngược lên trời phun nước miếng."

"*Kẻ ác*" tức là người làm thập ác. Họ hay đố-ky hiền-thánh vì được nhiều người sùng mộ, nên thường tìm đủ cách "*hại*" các vị có đức độ này.

Ác nhân không đủ trí-huệ để hãm hại thánh nhân.

Thật ra, họ chả có một tí trí-huệ vì nếu có thì đã không ganh tị hoặc hãm hại người!

Đức Phật dùng hai ví-dụ để khéo-léo chứng-minh sự vô-ích của hành-động ấy: thánh nhân giống như trời và gió.

Như người ngược lên trời phun nước miếng, nước miếng không tới trời lại rơi nhằm mình.

Kẻ ác độc muốn hãm hại bậc hiền nhân chẳng khác gì ngửa mặt lên trời mà phun nước miếng vậy. Hiền thánh như khung-trời: cái ô-ué không thể vói tới được. Trái lại, nước miếng chỉ tự rơi trên thân.

Việt-Nam có câu tục ngữ: “ngậm máu phun người” thì chỉ tự làm bẩn miệng trước khi có thể làm dơ người.

Hoặc như người ngược gió tung bụi, bụi chẳng đến nơi khác mà trở lại làm dơ mình.

"*Ngược gió*" tức là ngược chiều gió, trái với hướng gió thổi. Nếu ngược hướng gió thổi mà ném bụi, thì "*bụi chẳng đến nơi khác, không bay tới phía trước mà trở lại làm dơ mình.*" Nắm bụi kia tất bị gió thổi tạt ngược về và dính thân người ném.

Người hiền không hại được.

Có thể thử xem nhưng chỉ vô ích mà thôi.

Quý-vị biết không? Không có ác lực nào mạnh

hơn thiện lực.

Cuối cùng, thiện sẽ thắng thế.

Mà họa tất tự diệt.

Chúng ta không nên hủy báng hoặc ám hại bậc hiền nhân. Tất cả ác nghiệp như vậy đều có sự trả lại. Hành động càng đòi bại chừng nào thì sự giết co càng thảm khốc chừng ấy. Nếu có thể hại hiền thánh thì chắc là hiền thánh giả vậy.

Ai cũng phải tự lãnh hậu quả hành động của mình: tự tác tự thọ 自作自受. Cố ý hại thánh nhân thì trong tương lai sẽ phải gánh chịu quả báo!

Người Tây Phương chắc khó chấp-nhận việc này. Nếu biết rõ ràng họ có ác ý và quyết tâm gia-hại chúng ta và người thương, thì làm sao mà có thể làm bằng quang được?

Kẻ chủ-trương tấn-công trước (preemptive strike) sẽ ra tay để đánh bại đối-thủ trước.

Người Phật tử thì không nghĩ như vậy. Có quyền phòng-vệ nhưng không có quyền tấn-công hoặc chinh-phục.

Tại sao hiền nhân không bị hãm hại? Vì công-phu và trí-huệ họ cao hơn kẻ ác, nên có thể hồi-phục một cách khá dễ-dàng nếu bị tổn-thương. Hơn nữa vì không ra tay trước mà tạo nghiệp, họ tránh được sự dội giết.

Nhưng đối với phàm phu như chúng ta, trí-huệ và công-phu còn kém cõi thì sao?

Chúng ta cần đặt nhiều lòng tin hơn về thiện. Ra tay trước là tạo nghiệp thì chắc-chắn sẽ phải gánh hậu quả không vừa ý.

Thay vì vậy, chúng ta nên đặt lòng tin vào chân-lý và trí-huệ.

Tôi đã hân-hạnh gặp nhiều vị tỳ-kheo ni Việt-Nam. Họ rất là đáng-phục. Họ không có nhiều học-thức và cũng không phải thông-minh xuất-chúng. Nhưng lòng tin của họ chắc như bàn thạch!

Một vị Ni-sư đã hơn 70 tuổi. Bà xuất-gia bên Việt-Nam trong thời 1960. Hồi đó, những chùa cô ở rất sơ-sài trong vùng thôn dã nên không có những tiện-nghi của thời nay như ống nước, điện và cầu tiêu.

Lại còn có rất nhiều rắn độc. Có nhiều người xuất-gia đã bị rắn cắn mà chết.

Cô ta phụ-trách dâng hương ở bàn thờ. Đêm khuya dậy sớm ra ngoài trời tối đi đến Phật điện dâng hương. Một ngày, linh-tính cho biết là trong cái chum lớn đựng hương cây có rắn, nhưng phải thò tay vào trong lấy hương.

Tôi hỏi ngay: “Ni sư lấy cây gậy mà thọt vào lu thử phải không?”

Cô trả lời: “Không. Tôi cũng không hề nghĩ ra kế đó.”

Cô ta ... bèn nhắm mắt và khẩn cầu Quán Thế Âm Bồ Tát: “con rất sợ rắn! Xin Bồ tát bảo vệ cho con vì con muốn tiếp-tục tu ở đây và cúng-hương”. Rồi cô ta thò tay vào lu lấy hương.

Lúc kéo tay ra thì hỏi ôi, có hai con rắn to và đen thui quấn xung quanh tay. Cô kể: lạ lắm, cực kỳ sợ rắn, nhưng lúc đó lại rất bình tĩnh lấy tay kia gỡ hai con rắn mà quăng ra ngoài. Không con rắn nào cố ý cắn cô cả!

Vì nhiều trường-hợp như thế nên lòng tin của ni-sư càng ngày càng tăng-trưởng.

Nếu quý-vị là thiện và không cố-ý gia-hại người khác, thì có thể tin rằng lúc cần-thiết, chư Phật và Bồ-tát sẽ phò-hộ.

Quý-vị có biết tại sao hiền nhân đắc được khả-năng không bị ác nhân hãm hại không? Theo tôi nghĩ, là nhờ:

1. Thật tin rằng hiền nhân không thể bị hại
2. Cho đến khi đắc thánh quả, họ biết tự kềm chế và không phản công kẻ ác, nên trông nhân để được quả báo này.

Chương 9: Phản Bồn Hội Đạo

(Về Nguồn Gặp Đạo)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Bác văn, ái Đạo, Đạo tất nan hội. Thủ chí phụng Đạo, kỳ Đạo thậm đại."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Học rộng, mến Đạo, thì Đạo ắt khó hội. Giữ chí, thờ Đạo, thì Đạo kia rất lớn."**

Lược giảng:

Chương thứ chín bàn về “văn tư tu”. Tức là nghe rồi thì phải suy gẫm, suy gẫm kỹ rồi thì tu tập theo. Học rồi thì cần hành mới đáng kể!

Đức Phật dạy: "Học rộng, mến Đạo, thì Đạo ắt khó hội."

“*Học rộng*” từ bác văn 博聞; nghĩa là đa văn như Ngài A Nan, đệ nhất đa văn. Bác văn vừa có chiều rộng và chiều sâu: bác 博; văn 聞 chỉ học thức (đời xưa không có chữ hoặc sách, dạy bằng truyền khẩu nên “nghe” tượng trưng cho cái học).

“*Mến Đạo*” tức là thật sự hâm-mộ. Nhận biết rằng Đạo thật là cao quý, nhưng cứ hướng ra ngoài tâm để tìm Đạo. Tuy rằng họ có lòng mộ Đạo, nhưng cứ truy chiếu ở bên ngoài nên “*Đạo ắt khó hội*”.

“Hội 會” có hai ý-nghĩa:

1. Gặp: tiếc-xúc với. Nếu chấp tướng và tìm trật chỗ thì sẽ không thấy được Đạo.

2. Hiểu: có gặp được Đạo đi nữa thì cũng không thể lĩnh-hội được chiều sâu của Đạo. Thế thì chẳng khác gì nhai mà không nuốt.

Có câu:

Cầu chư kỹ, bất cầu chư nhân;

Cầu nội, bất cầu ngoại.

(Cầu ở mình, chớ cầu ở người;

Tìm ở trong, chớ tìm ở ngoài.)

Giữ chí, thờ Đạo, thì Đạo kia rất lớn.

“Giữ chí”: giữ tâm Bồ-Đề. Chúng ta đã phát tâm Bồ-Đề. Cuộc-hành trình khá lâu, trên đường, không khỏi sinh lòng chán-nản hoặc thiếu kiên-nhẫn. Đó là bị thử-thách. Nếu không tu thì mọi việc thông-suốt. Một khi khởi niệm tu hành thì thử-thách lại tới dồn-dập. Vì thế nên đức Phật nhắc chúng ta cần phải niệm niệm hướng Bồ-đề, chớ không trọng danh lợi.

Bí-mật của thành-công ở biết “thờ Đạo”.

“Thờ 奉” tức là sùng kính. Tôi khuyên đệ-tử nên lạy người xuất-gia. Biết cung-kính là có nhân-cách. Nói sâu hơn, tâm cung-kính giúp kèm-chế bản ngã. Về phương-diện của một người thầy, chính tôi thường không lý tới hạng người cao ngạo vì như Ngài Tuyên Hóa nói: tách trà đã quá đầy rồi!

Làm sao “thờ Đạo”?

1. Có thái-độ cung-kính: học phong-cách và qui-lễ.

2. Biết cúng-dường: với Đại Thừa. Không nên nghĩ Phật Pháp phải cúng-dường cho qui-vị để khuyến-khích qui-vị đến chùa.

3. Nuôi dưỡng: tức là giúp lưu-truyền Phật giáo. Tổ sư Tuyên Hóa đem Chánh Pháp từ Trung Quốc qua Mỹ quốc. Đây chỉ là bước đầu của Chánh Pháp tại xứ này. Chúng ta nên phát tâm nỗ-lực giúp củng cố gốc rễ và phát triển.

4. Tu hành: đây là cách tốt nhất để truyền bá Phật giáo.

5. Đặt lòng tin với Đại Thừa. Càng tu càng cao thì lòng tin lại càng phải thâm sâu hơn.

Thì Đạo kia rất lớn.

Đạo thật không thể nghĩ bàn! Thật là không thể diễn-tả được. Cũng như cái tô phở thơm ngon đó. Không thể nào có đủ chữ để mô tả được hương-vị của nó. Chúng ta cần tu hành mới có thể thiết sự hưởng được! Quả báu thật “*rất lớn*” lao!

Chùa chúng ta chuyên tu Tịnh Độ Đại Thừa. Nhất là mong được vãng sinh trong kiếp này. Nếu không lại bị tiếp-tục luân-hồi thì biết chừng nào mới gặp lại được Tịnh Độ Đại Thừa!

Một số người trong Đại chúng đến tu học là do lòng thâm tin vào Đại Thừa mà cầu Phật Bồ Tát giúp đỡ được vãng sinh. Nhóm khác thì muốn tới học phương-pháp niệm Phật. Chúng ta tụ-hợp với nhau vì

có cùng một sợi dây liên-hệ: lòng thành kính thâm sâu vào Tam Bảo.

Cũng như thầy tôi, cố Hòa Thượng Tuyên Hóa nói: những kẻ có lòng tin sẽ được cứu giúp.

Chương 10: Hỷ Thí Hoạch Phúc
(Hoan Hỷ Bồ Thí Tất Được Phước)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn:** “Đỗ nhân thí đạo, trợ chi hoan hỷ, đắc phúc thậm đại.

Sa-môn vấn viết: “Thử phúc tận hồ?”

Phật ngôn: “Thí như nhất cự chi hỏa, số thiên bách nhân, các dĩ cự lai phân thủ, thực thực, trừ minh; thử cự như cố. Phúc diệc như chi.”

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy:** “Thấy người tu đạo bố thí mà hoan hỷ trợ giúp thì sẽ được phước rất lớn.”

Sa-môn hỏi: “Phước ấy hết chăng?”

Đức Phật đáp: “Ví như lửa của một cây đuốc, dù có vài trăm ngàn người đều mang đuốc đến mỗi lấy lửa để về nấu ăn và xua tối, thì ngọn đuốc kia vẫn y như cũ. Phước báo cũng như thế!”

Lược giảng:

Chương thứ mười giảng về công đức của sự tùy hỷ. Biết tùy hỷ thì mình và người đều được lợi lạc, và phước báo sẽ vô cùng vô tận.

Bồ thí có ba:

1. Tài: cung-cấp chúng-sinh những vật-dụng, thực phẩm để sinh-sống và trừ sự nghèo khó của họ.

2. Pháp: giúp chúng sinh duy-trì huệ mạng.
3. Vô úy: bớt giảm lo sợ của chúng-sinh.

Đức Phật dạy: “Thấy người tu đạo bố thí mà hoan hỷ trợ giúp.

Hạnh bố thí làm chúng sinh thích chúng ta nhưng phải biết sự quan-trọng của việc phát-triển lòng hoan-hỷ giúp người. Hạnh-phúc mà biết san-sẻ thì hạnh-phúc lớn.

Thì sẽ được phước rất lớn.

Bố thí thì tạo nhiều phước. Biết giúp kẻ khác tu bố thí sẽ đem niềm vui cho tất cả và tạo càng nhiều phước hơn nữa.

Sa-môn hỏi: “Phước ấy hết chẵn?”

Có thầy Sa-môn hỏi rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Phước ấy hết chẵn? Ý là người đứng ra bố thí thì được phước, kẻ có lòng tùy hỷ cũng được phước rất lớn; như thế thì phước của người bố thí vẫn còn đó hay là phải chia ra?

Lúc trước có hai người dâng hoa cúng Phật. Một người đích thân dâng Phật. Người kia đưa hoa cho người khác cúng Phật. Khi được hỏi, Di Lặc Bồ Tát nói: tự cúng sẽ đắc Bích Chi Phật, giúp người cúng: sẽ thành Phật.

Đức Phật đáp: “Ví như lửa của một cây đuốc dù có vài trăm ngàn người đều mang đuốc đến mỗi lấy lửa.

Ví như lửa của một cây đuốc, dù có vài trăm ngàn người đến chia nhau mỗi lấy lửa.

ĐỂ VỀ NẤU ĂN VÀ XUA TỐI.

“*Nấu ăn*”: dụ cho giác ngộ. Không thể giác ngộ nếu không bỏ thí.

“*Xua tối*”: tối tượng trưng cho những cản-trở của việc tu hành. Có ba loại:

1. Nghiệp chướng
2. Báo chướng
3. Phiền-não chướng.

Thì ngọn đuốc kia vẫn y như cũ.

Ngọn lửa của cây đuốc chính vẫn sáng nguyên vẹn như lúc ban đầu, tuyệt nhiên không hề bị lu mờ hoặc dập tắt.

Phước báo cũng như thế.

Không khác!

Phật có đệ-tử tên là Ca Chiên Diên 迦旃延. Một ngày kia trên đường đi khát-thực về, gặp một người đàn bà gào thét thống-khổ bên bờ sông. Bà có vẻ muốn nhảy xuống sông tự vận. Ca Chiên Diên ngăn bà lại và nói:

“Bà kia, có chuyện khổ sở gì thế, nói cho tôi nghe được không?”

Người phụ-nữ liếc nhìn ông thầy tu và nói:

“Để làm gì? Ông làm sao có thể giúp tôi được?”

“Đương nhiên là được! Thầy của tôi là Đức Thế-tôn. Ngài thường dạy chúng tôi phải có lòng từ bi và giúp chúng-sinh. Xin bà nói cho tôi biết: tôi hứa sẽ cố-gắng giúp một tay.”

Bà ta do-dự trong chốc lát mới nói:

“Nghèo cùng làm tôi quá khổ. Lúc tôi còn nhỏ thì bị cha mẹ bán làm đầy tớ. Chủ nhân hành hạ tôi mấy chục năm qua. Tôi phải chịu-đựng mắng-nhiếc và đánh đập: không có một tàn-nhẫn nào mà đã không nhận. Nếu sống mà thống khổ như vậy thì thà chết còn hơn!” Nói xong bà ta lại khóc sầm sập.

Ca Chiên Diên dịu-dàng khuyên:

“Được, được! Không sao đâu! Bà nên biết: lý-do bà nghèo cùng là vì kiếp-trước không chịu bố-thí. Bây giờ vẫn còn kịp: trồng phước thì sẽ thoát nghèo cùng.”

Bà già nói:

“Đã làm người xuất-gia mà ông còn phỉnh tôi! Làm sao ông có thể hiểu được cái thống-khổ của tôi? Tôi làm nô-bộc từ lúc nhỏ. Ông khuyên tôi bố-thí. Tôi lấy gì bố-thí bây giờ? Tôi chỉ có cái bình nước đã bể trong bàn tay. Thật ra chính nó cũng thuộc của chủ tôi. Tôi lấy gì mà bố-thí?”

“Nếu mong được sung-sướng và nếu muốn tiền

và phước thì phải biết mua của. Bà cũng nên bán cái nghèo luôn.”

Bà ta tròn mắt hỏi: “Mua, bán cái gì?”

“Mua tài để làm giàu, bán nghèo để ngừng khổ.”

“Làm hạnh bố-thí: ngay cả bình nước bể này thuộc chủ tôi. Tôi cho với gì đây?”

“Đương nhiên là cho được! Đem bình xuống sông mà lấy nước. Đem lại đây và đổ vào bình bát của tôi. Thế là bà mua tài và tôi mua cái nghèo của bà.”

Bà già tuân lời làm theo. Bà ta liền được sinh lên cõi trời Đạo Lợi.

Chương 11: Thí Phạn Chuyển Thắng

(Sự Gia Tăng Công Đức Trong Việc Bố Thí Thức ăn)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: “Phạn ác nhân bách, bất như phạn nhất thiện nhân. Phạn thiện nhân thiên, bất như phạn trì Ngũ-giới giả. Phạn Ngũ-giới giả, vạn bất như phạn nhất Tu-đà-hoàn. Phạn bách vạn Tu-đà-hoàn, bất như phạn nhất Tu-đà-hàm. Phạn thiên vạn Tu-đà-hàm, bất như phạn nhất A-na-hàm. Phạn nhất ức A-na-hàm, bất như phạn nhất A-la-hán. Phạn thập ức A-la-hán, bất như phạn nhất Bích-chi-Phật. Phạn bách ức Bích-chi-Phật, bất như phạn nhất tam thế chư Phật. Phạn thiên ức tam thế chư Phật, bất như phạn nhất Vô Niệm, Vô Trụ, Vô Tu, Vô Chứng chi giả.”**

Dịch Nghĩa: Đức Phật dạy:

“Đãi một trăm người ác ăn, không bằng đãi một người thiện ăn. Đãi một ngàn người thiện ăn, không bằng đãi một người trì Ngũ-giới ăn. Đãi một vạn người trì Ngũ-giới ăn, không bằng cúng đồ ăn cho một vị Tu-đà-hoàn. Cúng đồ ăn cho một trăm vạn vị Tu-đà-hoàn, không bằng cúng đồ ăn cho một vị Tu-đà-hàm. Cúng đồ ăn cho một ngàn vạn vị Tu-đà-hàm, không bằng cúng đồ ăn cho một vị A-na-hàm. Cúng đồ ăn cho một ức vị A-na-hàm, không bằng cúng đồ ăn cho một vị A-

la-hán. Cúng đồ ăn cho ức vị A-la-hán, không bằng cúng đồ ăn cho một bậc Bích-Chi-Phật. Cúng đồ ăn cho một trăm ức bậc Bích-Chi-Phật, không bằng cúng đồ ăn cho một đức Tam Thế Chư Phật. Cúng đồ ăn cho một ngàn ức đức Tam Thế Chư Phật, không bằng cúng đồ ăn cho một đấng Vô Niệm, Vô Trụ, Vô Tu, Vô Chứng.”

Lược giảng:

Chương thứ mười một bàn sự so sánh phước điền hoặc “ảnh hưởng cấp số nhân multiplier effect”.

Có ba loại phước-điền:

1. Bi điền 悲田: vì lòng từ bi mà bố thí cho kẻ bị khổ nạn: các vị nạn là bi điền.

2. Ân điền 恩田: bố-thí cho những ai mà chúng ta mang ơn như cha mẹ, thầy giáo, ân nhân v.v.

3. Kính điền 敬田: cúng-dường cho bề trên như Tam Bảo.

Đức Phật dạy:

“Đãi một trăm người ác ăn, không bằng đãi một người thiện ăn.

“Đãi ăn” tượng-trung cho hạnh bố-thí. Cho người ác có thể chỉ giúp họ tạo thêm ác. Trái lại, cho người lành có thể giúp đem việc thiện cho đời. Ở đây, đức Phật cho chúng ta biết có tỷ-số 100. Xin nhớ rằng mặc dầu bố-thí là tạo công-đức, nhưng có tỷ-số nhân còn tùy cái nghiệp của người thù-nhận sự bố-thí.

Đãi một ngàn người thiện ăn, không bằng đãi một người trì Ngũ-giới ăn.

Ngũ giới là:

1. Không giết
2. Không trộm cắp
3. Không tà dâm
4. Không nói dối và
5. Không dùng chất làm say.

Các vị thọ ngũ giới cũng đã qui-y với Tam Bảo. Hai vòng lớp bảo-vệ đó làm tăng số nhân.

Số nhân tăng gấp mười từ người thiện cho đến người trì Ngũ-giới. Thật ra, nếu giữ được ngũ giới cho hoàn-toàn thanh-tịnh thì sẽ đắc thánh quả.

Đãi một vạn người trì Ngũ-giới ăn, không bằng cúng đồ ăn cho một vị Tu-đà-hoàn.

Đây là thánh vị của Nguyên Thủy vì họ đã khai trí-huệ bằng cách trừ 88 phẩm kiến hoặc. Việc này không phải dễ làm đâu!

Vị Sơ-quả Tu-đà-hoàn được gọi là “nhập lưu” của giòng thánh. Họ có thể tự-nhiên tiến tới các thánh vị một cách dễ dàng hơn chúng ta. Tại sao? Họ khác chúng ta ở chỗ họ biết giòng thánh lưu ở đâu. Vì thế chúng ta có thể tìm họ mà nương-tựa vì họ biết phương-hướng.

Sơ quả La Hán phải cản trở về nhân gian bảy lần mới đắc Tứ quả.

Cúng đồ ăn cho một trăm vạn vị Tu-đà-hoàn, không bằng cúng đồ ăn cho một vị Tu-đà-hàm.

Vị Thánh nhân Nhị-quả Tu-đà-hàm đã phá được sáu phẩm tư-hoặc của Dục-giới.

Nhị-quả Tu-đà-hàm còn được gọi là “nhất lai”: họ phải cần trở về cõi nhân-gian một lần để chứng Tứ quả.

Tỷ số nhân ở đây cho thấy trí-huệ và công-đức của Nhị quả thật rất xa Sơ quả.

Cúng đồ ăn cho một ngàn vạn vị Tu-đà hàm, không bằng cúng đồ ăn cho một vị A-na-hàm.

Vị Thánh nhân Tam-quả A-na-hàm đã đoạn hết tất cả tư-hoặc trong Dục giới. Họ được gọi là “bất lai”. Sau khi chết họ sẽ thăng thiên và sẽ chứng Tứ quả mà không còn phải trở về cõi nhân-gian nữa.

Cúng đồ ăn cho một ức vị A-na-hàm, không bằng cúng đồ ăn cho một vị A-la-hán.

A-la-hán là gọi tắt cho Tứ quả A-la-hán. Trí-huệ của các Ngài thật khó lường vì họ đã đoạn ngã.

Các vị đã hoàn-toàn đoạn kiến và tư hoặc trong Tam giới và liễu sinh-tử. Họ được gọi là “vô học”.

Cúng dường thức ăn cho một trăm triệu vị Thánh nhân đắc Tam-quả A-na-hàm thì công đức không bằng công đức cúng dường cho một bậc A-la-hán.

Cúng đồ ăn cho ức vị A-la-hán, không bằng cúng đồ ăn cho một bậc Bích-Chi-Phật.

A-la-hán còn được gọi là Thanh-Văn: nhờ được nghe thanh âm, tiếng nói của Phật mà ngộ Đạo. Bích-Chi-Phật còn được gọi là Duyên-Giác 緣覺 hay Độc-Giác 獨覺. Duyên-Giác là bậc Thánh nhân nhờ tu Thập Nhị Nhân Duyên trong thời có Phật trụ thế mà được ngộ Đạo. Vào đời không có Phật xuất thế, bậc Thánh nhân nhờ quán tưởng mọi cảnh giới của vạn vật đều là huyền hóa, vô thường mà ngộ Đạo, được gọi là Độc-Giác.

12 nhân duyên là:

1. Vô minh: tình dục khởi lên
2. Hành: làm chuyện tình dục
3. Thức: ghen thai và thức thứ tám đến
4. Danh và sắc: bào thai thành hình
5. Lục nhập: lục căn thành hình
6. Xúc: tiếp với thế-gian bên ngoài
7. Thọ: cảm giác dậy lên từ sự tiếp xúc
8. Ái: cảm giác rất khoái lạc
9. Chấp: không thể bỏ
10. Hữu: trung ấm thân
11. Sinh: thọ sinh
12. Lão tử: già rồi chết.

Cúng dường vật thực cho một tỷ vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Bích-Chi-Phật.

Cúng đồ ăn cho một trăm ức bậc Bích-Chi-Phật, không bằng cúng đồ ăn cho một đức Tam Thế Chư Phật.

Tam Thế Chư Phật tức là những đức Phật trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai. Như Phật Thích Ca phải trải qua a tăng kỳ kiếp mới thành Đạo.

Nên cúng dường cho đức Phật thì công đức lớn hơn công đức cúng dường cho cả mười tỷ vị Bích-Chi-Phật.

Cúng đồ ăn cho một ngàn ức đức Tam Thế Chư Phật, không bằng cúng đồ ăn cho một đấng Vô Niệm, Vô Trụ, Vô Tu, Vô Chứng.

Đây là cảnh-giới của các Thánh nhân Đại Thừa. Cúng dường cho một trăm tỷ đức Tam Thế Chư Phật, thì cũng không bằng cúng dường cho một Thánh giả đã đạt tới cảnh giới không nghĩ, không trụ, không tu, không chứng.

“*Vô niệm*” nghĩa là lục thức ngừng hoạt-động.

“*Vô trụ*” theo Kinh Kim Cang: tâm vô sở trụ; không cần ý-lại vào bất cứ gì.

“*Vô tu*” nghĩa là tu mà không tu.

“*Vô chứng*” nghĩa là không thấy còn gì để chứng. Họ chưa phải là Phật nhưng đã ở trong nhà của Như Lai rồi.

Tại sao tỷ số nhân lại cao hơn của Phật?

Theo tôi nghĩ, có lẽ là vì:

1. Chư Phật đều nổi tiếng khắp mười phương và tam thế. Chúng ta có thể ở cõi Ta Bà mà cúng-dường cho A Di Đà Phật của Tây Phương Cực Lạc mặc dầu

cách xa hơn mười tỷ thế-giới về hướng Tây. Có thể cúng-dường một cách “dễ-dàng” như vậy! Ngược lại, làm sao mà cúng dường cho các vị giác ngộ này? Thật là cực kỳ khó mà tìm ra được họ! Vì thế mà tỷ số cao như vậy. Hơn nữa họ thấy là “không tu” thì làm sao mà xứng đáng để nhận sự cúng-dường của chúng ta?

2. Một lý-do khác là chư Phật thật không cần sự cúng-dường của chúng ta. Các vị thánh-nhân này mới cần để tu thành Đạo.

Có người muốn biết cách tìm các vị này để cúng-dường. Rất nên vì tỷ số cao nhất!

Họ đang tu Chánh Pháp nên thỉnh-thoảng sẽ tới tham-gia và ủng-hộ các Pháp hội. Họ có đến thì cũng khó mà nhận ra được vì họ thường không treo bảng hoặc mang nhãn hiệu. Không thành vấn đề, vì khi quý-vị cúng-dường cho Đại chúng trong những dịp đó tức là gián-tiếp cúng-dường cho họ. Đây là cái mà người Trung-Hoa hiểu. Theo truyền-thống họ thường rất ủng-hộ các pháp hội: thích cúng hương, hoa, thực phẩm, tiền hoặc bỏ công v.v. Nếu làm như thế một cách thường xuyên thì trước sau cũng cúng đúng cho các bậc này!

Một người xuất gia hỏi một vị thiền sư: “Bạch Thầy, làm sao tìm được Đạo?”

Ngài trả lời: “Đạo ngay trước mắt”

“Nếu trước mắt thì tại sao con không thấy?”

“Còn ngã thì không thấy được.”

“Có ngã không thấy được Đạo. Xin mạn phép hỏi Thầy, Ngài có thấy không?”

“Nếu còn ngã và tha thì cả hai đều không thấy

được.”

“Nếu không còn ngã và tha, có thấy được không?”

“Nếu không còn ngã cũng không còn tha thì tại sao lại còn tìm thấy Đạo?”

Cúng dường thì cần phải biết cách.

Chương 12: Cử Nan Khuyển Tu
(Nêu Ra Sự Khó Để Khuyên Tu)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: Nhân hữu nhị thập nan: 1) Bần cùng bổ thí nan; 2) Hào quý học Đạo nan; 3) Khí mạng tất tử nan; 4) Đắc đồ Phật kinh nan; 5) Sanh trị Phật thể nan; 6) Nhẫn sắc, nhẫn dục nan; 7) Kiến hảo bất cầu nan; 8) Bị nhục bất sân nan; 9) Hữu thể bất lâm nan; 10) Xúc sự tâm nan; 11) Quảng học bác cứu nan; 12) Trừ diệt ngã mạn nan; 13) Bất khinh vị học nan; 14) Tâm hành bình đẳng nan; 15) Bất thuyết thị phi nan; 16) Hội Thiện-tri-thức nan; 17) Kiến tánh học Đạo nan; 18) Tùy hóa độ nhân nan; 19) Đỡ cảnh bất động nan; 20) Thiện giải phương tiện nan.**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: Người có hai mươi sự khó: 1) Bần cùng khó bố thí; 2) Hào quý khó học Đạo; 3) Khó bỏ sống chịu chết; 4) Khó được thấy kinh Phật; 5) Khó sanh gặp Phật tại thế; 6) Khó nhẫn sắc, nhẫn dục; 7) Khó thấy tốt không cầu; 8) Khó bị nhục không sân; 9) Khó có thể lực không lạm dụng; 10) Khó gặp việc vô tâm; 11) Khó học rộng và nghiên cứu sâu; 12) Khó dẹp trừ ngã mạn; 13) Khó không khinh người chưa học; 14) Khó hành tâm bình đẳng; 15) Khó không nói thị phi; 16) Khó gặp Thiện-tri-thức; 17) Khó kiến tánh học Đạo; 18) Khó tùy hóa độ người; 19) Khó**

đối cảnh bất động; 20) Khó khéo biết phương tiện.

Lược giảng:

Chương thứ mười hai kê khai ra các loại khó khăn.

Đức Phật dạy: Người có hai mươi sự khó:

Người thường gặp hai mươi sự khó khăn, nghịch cảnh.

1) Bần cùng khó bố thí.

Người giàu có bố thí là chuyện dễ dàng vì của cho thật không đáng là bao. Nhưng kẻ cực-kỳ nghèo tự lo thân còn chưa đủ làm sao có thể nghĩ đến giúp người khác?

2) Hào quý khó học Đạo

“*Hào 豪*” tức là phú hào, nghĩa là giàu có.

“*Quý 貴*” là tôn quý, nghĩa là có địa vị cao, thế lực lớn.

Người giàu sang quyền quý đang hưởng đời sống sung túc và cảm thấy rất thoải mái, rất tự do. Thì làm sao có thể phát tâm bỏ cái sướng, tìm cái nghèo cùng được? Người giàu có thích tự thỏa-thích (self-indulge). Người tu-hành không thích.

Tính tình người giàu có tương phản với cá-tình

người muốn tu hành.

3) Khó bỏ sống chịu chết 棄命必死難.

Không muốn sống nữa, nhất định muốn chết. Ngay cả cái tư-tưởng này đã khó mà nghĩ tới. Có nghĩ đến thì không dám thực-hiện. Biết bao nhiêu người đã cố-gắng rất nhiều lần mà vẫn chưa thành-công. Tại sao? Cái chết thật đáng sợ vì không còn cơ-hội đổi ý nữa!

Tất cả chúng-sinh đều tham sống nên bám vào mạng sống, khó buông thả thân mạng.

4) Khó được thấy kinh Phật.

Cái khó này có nhiều tầng.

Có bao nhiêu người nghe đến Phật pháp? Nghe đến, có bao nhiêu người không phản-đối, từ bỏ (chẳng hạn như vì tôn-giáo đang theo, cảm)? Những ai có tinh-thần cởi-mở, thì tìm được bao nhiêu Kinh sách Đại Thừa ở tiệm sách? Ở thư-viện? Với ngôn ngữ mà có thể đọc được?

Có gặp được là nhờ đã trồng được đại thiện căn vậy!

5) Khó sanh gặp Phật tại thế.

“Gặp Phật” rất có lợi vì sẽ được Ngài giúp: muốn giàu thì được tài sản, muốn tình thì được người yêu v.v.

Nhưng lại cần rất nhiều phước-đức mới được cơ-hội! Nay Phật Thích Ca đã nhập Diệt, còn rất lâu nữa Di Lạc Bồ tát mới hạ sinh thành Phật. Lúc đó thì quý-vị sẽ ở đâu?

Chư Phật chỉ xuất-thế khi nhân-duyên thành-thục. Đó là lúc một nhóm (rất nhiều) chúng-sinh cần được độ. Cái danh sách này rất riêng-biệt, rất khó được lọt vào!

6) Khó nhin sắc, nhin dục.

Sự thu-hút tình-dục giữa nam nữ (“sắc”) là một lực mạnh-mẽ nhất trong vũ-trụ.

Một khi đã hưởng được khoái-lạc tình-dục thì khó mà chống-cự cái hấp-dẫn của nó: “*khó nhin*”.

Hơn nữa, chúng ta đang ở cõi Dục giới. Chúng ta cố-ý sinh tới đây để thỏa mãn cái “*dục*”. Vì vậy suốt ngày thích truy-đuổi các ham muốn!

7) Khó thấy tốt không cầu.

Trông thấy những tốt đẹp thì không khỏi tham cầu. Đây là thói-tính thích tự chịu (self-indulgence). Chúng ta ai ai cũng ngầm thích những gì tao nhã, sang trọng, “*tốt*” đẹp (fine things) mà có thể sắm được.

Một khía cạnh khác là cũng thích so-sánh với người quen (keeping up with the Jones). Thấy người ta có thì chúng ta càng thêm sự mong “*cầu*”.

Ví dụ ở tiểu bang California, nhiều người rất ham

chuyện mua sắm xe hơi mất tiền , hiệu nổi tiếng , kiểu mới ra.

8) Khó bị nhục không sân.

Ai mà bị “nhục” mạ (chửi mắng) mà chẳng tức giận (“sân”)? Nhất khi mình hoàn-toàn oan phải không?

Bị chửi nghĩa là cái ngã bị tấn-công, ai dám làm vậy? Nói mau, tên gì?

Có một công-án rất nổi tiếng.

Một vị tăng đến nhà một vị thợ phú xin cơm. Vị thương-gia lịch-sự và ân-cần mời người thầy vào phòng khách. Bỏ một viên ngọc hồng vô giá trên bàn và đích thân đi vào nhà bếp kiểm đồ ăn để cúng-dường.

Một con ngỗng tình cờ đi ngang, thấy hòn ngọc hồng to, tưởng là thịt nên tới bàn và nuốt viên ngọc.

Ông nhà giàu trở ra với đồ ăn cho vị khát-sĩ, bỗng khám-phá rằng viên ngọc không chân mà đi đâu mất. Ông ta nổi giận và đổ lỗi cho vị thầy tu: “Trong phòng này chỉ có hai người chúng ta với viên ngọc. Ông đã là người xuất-gia mà vẫn còn tham của. Ông nở nào phụ lòng tôn kính của tôi?”

Vị thầy tu chỉ có thể nói: “Tôi không ăn cắp của ông”.

“Vậy ai lấy? Ông thấy ai lấy vậy?”

Vị thầy tu im lặng vì biết nếu khai ra thì con

ngỗng sẽ bị mất mạng.

Vị trợ phú chỉ càng giận thêm, kêu tôi tó vào trói vị khất sĩ và đánh đập, tra-tấn mà bắt khai.

Mặc dầu bị đánh cho đến nát áo, máu đổ và thịt nhừ, vị thầy không hề than van hoặc thốt một lời.

Con ngỗng thấy máu thịt nên lại chạy tới kiếm ăn. Xui thay bị đánh chết.

Thấy vậy, vị thầy mới báo cho biết là viên ngọc trong bụng con ngỗng.

Quý-vị có đủ Đạo hạnh để nhìn nhục không sân mặc dầu bị đánh đập oan uổng?

9) Khó có thể lực không lạm dụng.

Một vị bộ-trưởng người Mỹ nói rằng quyền “*lực*” là một thứ kích-thích tình-dục rất mạnh. Quyền lực lôi cuốn phụ nữ rất mạnh mẽ, phái yếu rất dễ bị chinh phục bởi người có uy quyền.

Có người không đồng ý, nghĩ rằng tôi đang vơ đũa cả nắm. Không có đâu! Khi mà quý-vị có quyền lực thì tự-nhiên sẽ biết “*lạm dụng*”. Tại sao? Nếu còn bản ngã thì chắc chắn sẽ phục-vụ cho nó và sẵn sàng chà đạp kẻ khác.

10) Khó gặp việc vô tâm.

“*Gặp việc*” nghĩa là tiếp-xúc với các bụi-trần (âm-thanh, hương, vị, sắc, xúc v.v.). Ví-dụ, có người nghe âm-thanh như nhạc thì tay chân không khỏi giựt giựt.

Có người ngửi mùi nước hoa thì đầu quay nhìn theo. Có kẻ nếm bánh thì phải ăn cho được. Ai mà không thích nhìn người đẹp? Lại còn muốn nắm tay cho được.

“*Vô tâm*” nghĩa là không chạy theo nó. Trình-độ cao hơn là hoàn-toàn không bị động tâm.

11) Khó học rộng và nghiên cứu sâu.

“*Học rộng* 廣學” tức là học nhiều hiểu rộng; đây là bề ngang.

“*Nghiên cứu sâu* 博究” là nghiên cứu nhiều, tra cứu cặn kẽ; là chiều sâu.

Ngày nay có thể gọi người này là người thời phục hưng (Renaissance man).

Điều này cũng không dễ thực hiện vì phương-pháp của thế-gian dùng để học và tham-cứu. Phạm-phu thường thích nhồi sọ. Tốt hơn là khai huệ thay vì dựa vào trí óc.

12) Khó dẹp trừ ngã mạn.

Sự thật là thế-giới được tạo do cái Đại ngã mạn. Họ nhất quyết chinh-phục thế-giới. Phần lớn mất mạng vì tham vọng đó.

Mọi người đều có tâm “*ngã mạn*”. “*Trừ*” diệt lòng ngã mạn không khác gì bỏ ý-nghĩa cuộc sống.

13) Khó không khinh người chưa học.

Họ thật là còn thô quá!

“*Chưa học*” là còn chưa hiểu biết. Thật ra người có học chưa chắc đã hiểu.

Chúng ta nên nhớ: không được “*khinh*” thường người chưa học Phật Pháp. Nếu khinh thường họ, sẽ không được dạy.

Thay vì khinh, nên kiên nhẫn giúp chúng sinh hiểu thì không phải là thế-giới này hay và thú-vị hơn?

14) Khó hành tâm bình đẳng.

“*Tâm bình đẳng*” là không có sự phân-biệt, có khả-năng nhìn mọi việc là bằng nhau.

Đây rất khó thực-hiện vì chương-trình giáo-dục chú-trọng rèn-luyện cái tâm phân-biệt. Xã-hội lại ưa chuộng và khen thưởng nông-hậu kẻ có tài phân-biệt.

Tâm phân-biệt khởi lên vì chấp tướng nên không thể “*kiến phá phóng hạ*”. Muốn “*hành*” tâm bình đẳng cần có trí-huệ chân thật nên không phải là chuyện dễ làm.

15) Khó không nói thị phi.

Đa số người đời đều thích nói chuyện “*thị phi*”, bàn tán chuyện phải quấy của kẻ khác.

Chùa chúng tôi giảng Kinh trong cuối tuần (cả thứ Bảy lẫn Chúa Nhật) giữa 12:30-14:30 chiều. Đó là ngay sau khi dùng trưa. Rất thường xuyên, tôi thấy một số người ngủ gà ngủ gục trong buổi giảng, nhất

là trong những ngày có Phật tử đem đồ ăn tuyệt ngon đến cúng chùa.

Tôi để ý rằng nếu kể chuyện người ta trong phần đầu của buổi giảng thì có vẻ giúp người nghe bớt buồn ngủ. Thật là khó không bàn chuyện thị phi!

16) Khó gặp Thiện-tri-thức.

“*Thiện-tri-thức*” là bậc thầy của mình. Gặp đã thật khó mà họ chịu dạy chúng ta lại còn khó hơn nữa!

Vì vậy trong Kinh Hoa-Nghiêm, Thiện Tài Bồ Tát lặn lội vạn dặm để tìm Thiện tri thức mà cầu Pháp giác ngộ.

Đời xưa có một vị tỳ-kheo già nghe một nhóm tỳ-kheo trẻ nói về A-la-hán quả nên đến xin học. Các thầy trẻ coi thường nên sai ông thầy già trước hết phải nấu một bữa ăn thật ngon. Ăn xong no nê, họ biểu thầy già tréo chân ngồi thiền. Họ đi đá banh chơi. Họ đá banh trúng đầu thầy già và giảng đó là Sơ quả. Thầy già rất biết ơn, càng gia-tăng tinh-thần tiếp tục ngồi thiền và quán Sơ quả. Không bao lâu thì đắc Sơ quả. Rồi nhóm thầy trẻ liên-tục đá banh trúng đầu mà làm mặt nghiêm-nghị nói là Nhị, Tam và Tứ quả. Ông thầy già nhờ vậy mà đắc Tứ quả.

17) Khó kiến tính học Đạo.

“*Kiến tính*” là giác ngộ. Ví dụ Thiền tông có nhiều pháp môn giúp chúng ta đắc giác ngộ. Họ có

câu: “kiến tính thành Phật”.

Sau khi kiến tính vẫn phải còn “*học Đạo*” để khai “hậu đắc trí”. Phần sau này còn nhiều trở ngại hơn nữa!

18) Khó tùy hóa độ người.

“*Tùy*” là tùy thuận, đi theo giòng mà không trái lương tâm.

“*Hóa*” là biến-hóa: làm bỗng hiện ra (trước không có bây giờ bỗng có). Có ai đã cố hóa một đứa bé ngỗ-nghịch thành ngoan-ngoãn chưa? Chịu cái hư của nó dễ hơn sửa nó nhiều!

“*Độ*” là chở qua; chở qua bể khổ tới bến Niết Bàn. Muốn độ người thì trước hết phải tự độ. Có ai nghĩ là tự độ thật dễ không?

Ngài trí-huệ đệ nhất Xá Lợi Phất có hai đệ-tử: một người trước làm ở nghĩa-địa và người kia là thợ sắt. Ngài dạy cho họ nhưng không tiến-bộ gì cả.

Xá Lợi Phất đến trình đức Thế-tôn. Phật hỏi: “Ông dạy họ ra sao?”

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: “Con truyền pháp môn quán hơi thở cho người cai nghĩa địa, còn người thợ sắt thì đang tu quán bất tịnh (coi chương 24).”

Phật dạy: “Sai rồi! Đổi pháp môn với nhau.”

Xá Lợi Phất tuân lời và không lâu thì hai đệ-tử chúng La-hán quả.

19) Khó đối cảnh bất động.

“*Cảnh*” là ngoại cảnh, những gì giác quan thu nhận. Óc chúng ta tuyệt lệ. Hễ nhận được gì thì lập-tức chuyển “*động*”.

Phật giáo gọi trạng thái đó là “bị cảnh chuyển”.

Nhất là những người có một tí trình-độ. Khi tu luyện, họ sẽ đắc được nhiều cảnh-giới huyền-diệu. Coi chừng nhé! Coi chừng cái tư-tưởng tự-mãn, nó sẽ khởi lên đó! Chụp nó thì sẽ bị lọt đài.

20) Khó khéo biết phương tiện.

“*Phương tiện*” nhiều người tu hành hiểu lầm về phương-tiện. Họ bị hồ-đồ nên viện cứ phương-tiện để làm bậy.

Đức Phật “lừa” một đứa bé. Thấy nó bò tới miệng giếng và sắp rơi xuống, Ngài đưa nắm tay không mà gọi nó: “Em bé lại lấy kẹo”. Vậy mà nó thoát chết. Quý-vị có quyền dùng phương-tiện sau khi có trí-huệ của Phật. Trước đó thì không nên, khoan đã!

Các vị Bồ-tát với trình-độ cao phải tu phương-tiện ba la mật. Nếu chưa có huệ thì không nên viện cứ là phương-tiện mà tạo nghiệp!

Chương 13: Vấn Đạo Túc Mạng

(Hỏi Về Đạo & Túc Mạng)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Sa-môn vấn Phật: Dĩ hà nhân duyên đắc Tri-túc-mạng, hội kỳ chí Đạo?**

Phật ngôn: Tịnh tâm, thủ chí, khả hội chí Đạo. Thí như ma cảnh, cấu khứ minh tồn; đoạn dục, vô cầu, đương đắc Túc-mạng.

Dịch Nghĩa: **Một vị Sa-môn hỏi Phật: Do nhân duyên gì mà được Tri-túc-mạng và hiểu thấu Đạo cao tốt?**

Đức Phật dạy: Tịnh tâm, thủ chí, thì có thể hiểu thấu Đạo cao tốt. Ví như lau gương, chùi hết cấu bẩn thì còn lại vẻ sáng; đoạn dục vô cầu, tất sẽ đắc Túc-mạng.

Lược giảng:

Chương trước nói về các khó-khăn trong việc tu hành. Bây giờ, chúng ta được giảng Tri-túc-mạng có liên-quan mật thiết với hội Đạo (hiểu Đạo một cách thấu suốt)!

Một vị Sa-môn hỏi Phật: Do nhân duyên gì mà được Tri-túc-mạng và hiểu thấu Đạo cao tốt?

“*Nhân*” yếu-tố trực-tiếp, như hạt dưa tạo cây dưa.

“*Duyên*” trợ duyên, phụ duyên trong việc tạo-tác.

“*Tri-túc-mạng*”: biết những kiếp trước luân-hồi đến đâu. Đây là một trong lục thông (1. Thiên nhãn thông 2. Thiên nhĩ thông 3. Túc mạng thông 4. Thần túc thông 5. Tha tâm thông 6. Lưu tận thông).

“*Hiếu thấu Đạo cao tột 會其至道*” Hiếu là giác ngộ hoặc đắc. Cao tột chỉ quả vị tột cao, Phật vị.

Đức Phật dạy: Tĩnh tâm, thủ chí, thì có thể hiểu thấu Đạo cao tột.

Đức Phật trả lời ngược thứ-tự một tí. Muốn đắc Đạo thì phải:

1. “*Tĩnh tâm*”: làm cho tâm mình trở nên thanh tịnh, tức là giữ giới. Giữ giới có hai khía cạnh: a. Ngừng ác b. Làm lành.

2. “*Thủ chí*”: giữ vững chí nguyện; không bỏ cuộc. “*Chí*” là chí-nguyện đắc Bồ-Đề. Càng khó-khăn chừng nào thì càng nhất quyết không chịu thua và bỏ cuộc.

Thì sớm muộn gì cũng sẽ hiểu thấu được Đạo chân chánh.

Ví như lau gương, chùi hết cấu bẩn thì còn lại vẻ sáng.

Như khi lau chùi tấm gương cho sạch bụi bặm thì vẻ sáng của gương hiện ra.

“*Gương*” dụ cho tự-tính.

“*Cấu bản*” tượng-trung cho phiền-não.

Khi “*chùi*” gương hết dơ, thì chỉ còn lại vẻ “*sáng*”: chúng ta đã hồi-phục lại bản huệ.

Đoạn dục vô cầu, tất sẽ đắc Túc-mạng.

Hơn nữa, dứt lòng tham dục, không còn mong cầu, tất sẽ đắc Túc-mạng thông.

“*Đoạn dục*”: bỏ lòng tham-muốn, nhất là lòng dâm-dục.

“*Vô cầu*”: ngừng chạy ra ngoài tìm cầu.

Muốn tu học Đạo thì trước hết là phải dứt bỏ lòng ái dục, đoạn trừ dục niệm. Rồi phải dứt lòng tham cầu, không cầu mong bất cứ cái gì cả.

Không nên tham cầu thân-thông. Trước hết nên phát-huệ, khi có thân-thông sẽ không lạm-dụng nó.

Chương 14: Thịnh Vấn Thiện Đại

(Hỏi Về Tánh Thiện Và Đại)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Sa-môn vấn Phật: Hà giả vi thiện?
Hà giả tối đại?**

**Phật ngôn: Hành Đạo, thủ chân giả thiện. Chí
dữ Đạo hợp giả đại.**

Dịch Nghĩa: **Sa-môn hỏi Phật: Điều gì là thiện?
Điều gì là tối đại?**

**Đức Phật dạy: Hành Đạo và giữ chân là thiện.
Chí và Đạo hợp nhau, là đại.**

Lược giảng:

Thiện chân chính là tu hành. Tối đại là chứng Bồ-
Đề.

**Sa-môn hỏi Phật: Điều gì là thiện? Điều gì là
tối đại?**

Có một thầy Sa-môn thịnh vấn Đức Phật: Việc gì
là tốt nhất? Việc gì là vĩ đại nhất?

Đại có hàm-nghĩa: lớn, nhiều và thù-thắng.
Trong thế-gian pháp chúng ta có tứ đại: thổ, hỏa, kim
và phong.

Hành Đạo và giữ chân là thiện.

Tịnh tâm và giúp người là thiện. Tu học ba vô lậu: giới, định và huệ. Cần phải lọc rửa sạch các cấu bần, giữ tâm tinh-táo để khỏi lỗi lầm.

“*Hành Đạo*”: tu thiện. Đạo là thiện Đạo.

“*Giữ chân*” là thấu hiểu chân lý (áp-dụng cho khắp Pháp giới) và sống theo chân lý.

Chí và Đạo hợp nhau, là đại.

Khi chí nguyện và đường Đạo có thể hợp lại thành một, thì quý vị sẽ chứng được quả vị thánh.

Bước đầu là phải phát tâm Bồ-Đề. Một khi muốn thành Phật thì thử-thách đôn-dập mà tới.

Ví dụ, có một cô người Việt còn trẻ phát tâm xuất-gia tu Đạo. Cô ta không hề có bạn trai mà cũng không tham tiền. Sau khi muốn xuất-gia thì người bạn đồng nghiệp người Mỹ ở hảng, bạn với nhau đã hơn năm năm, bỗng nhiên tỏ tình. Thố lộ cho biết là không thể sống nếu không có cô. Lòng nhiệt thành của ông ta làm cô này không khỏi phải thối chí và hoang-mang.

Nếu chúng ta có thể giữ chí và vượt qua các thử-thách, thì có thể hợp với Đạo. Đó là tối Đại.

Muốn được tối đại thì phải chinh-phục tối địch: bản ngã. Trong lịch-sử nhân-loại, bất cứ ai đạt được kỷ lục về bất cứ lĩnh vực nào thì về sau cũng có người trội hơn, phá kỷ lục của họ như vậy không có gì trường cửu nhưng vẫn có nhiều người bỏ cả đời tập luyện để đeo đuổi danh vọng hảo huyền đó. Trái lại,

ai biết tự chinh-phục sẽ trở thành đại nhân. Đại nhân tối cao là chư Phật. Nếu như quý-vị muốn tột cao, thì không nên chịu vờ lòng với bất cứ quả-vị nào thấp-hơn cả!

Chương 15: Thành Vấn Lực Minh

(Hỏi Về Sức Mạnh & Sáng)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Sa-môn vấn Phật: Hà giả đa lực? Hà giả tối minh?**

Phật ngôn: Nhẫn nhục đa lực, bất hoại ác cố, kiêm gia an kiện. Nhẫn giả vô ác, tất vi nhân tôn. Tâm cầu diệt tận, tịnh vô hà uế, thị vi tối minh. Vị hữu thiên địa, đái ư kim nhật, thập phương sở hữu, vô hữu bất kiến, vô hữu bất tri, vô hữu bất văn. Đắc Nhất-thiết Trí, khả vị minh hỷ.

Dịch Nghĩa: **Sa-môn hỏi Phật: Cái gì thật mạnh? Cái gì sáng nhất?**

Đức Phật dạy: Nhẫn nhục thật mạnh, vì không chứa ác, lại được thêm an kiện. Kẻ nhẫn nhục không ác, tất được người tôn kính. Tâm cầu diệt hết, sạch không vết dơ, đó là sáng nhất. Từ khi chưa có trời đất cho đến ngày nay, bao nhiêu sự vật trong mười phương, không có gì là chẳng thấy, không có gì là chẳng biết, không có gì là chẳng nghe. Được Nhất-thiết Trí có thể gọi là sáng vậy.

Lược giảng:

Chương này nói rằng nhẫn nhục là mạnh nhất và trí-huệ là sáng nhất.

Sa-môn hỏi Phật: Cái gì thật mạnh? Cái gì sáng nhất?

Một thầy Sa-môn hỏi Đức Phật: Cái gì mạnh mẽ nhất; cái gì sáng nhất.

“*Mạnh*”: sức lực có thể giúp chúng ta thắng thế. Có sáu loại mạnh:

1. Sức mạnh của nước mắt con nít.
2. Sức mạnh của cái hận người đàn bà.
3. Sức mạnh của cái nhẫn người Bà la môn.
4. Sức mạnh của cái kiêu ngạo của ông vua.
5. Sức mạnh của tinh-tấn của La-hán
6. Sức mạnh của lòng từ bi của đức Phật.

“*Thật mạnh 多力*” nghĩa là mình có thể động người ta mà họ không thể động mình.

Đức Phật dạy: Nhẫn nhục thật mạnh.

“*Nhẫn nhục*”: là có thể chịu-đựng hoàn-cảnh không như ý mà tâm không sân hận hoặc động.

Có ba loại nhẫn:

1. Nại oán hại nhẫn 耐怨害忍: dẫu bị mắng, đánh đập, chỉ-trích, phi-báng, hãm-hại v.v. vẫn có thể chịu-đựng được. Đây còn được gọi là sinh nhẫn 生忍: nhẫn nhục đối với chúng-sinh.

2. An thọ khổ nhẫn 安受苦忍. Thí-dụ có thể nhẫn chịu nóng, lạnh, đói, khát, nịnh v.v. Cũng còn gọi là pháp nhẫn 法忍.

3. Đế sát pháp nhẫn 諦察法忍. Chúng ta nghiên-cứu và thấu-hiểu chân lý nên có thể “kiến phá

phóng hạ”. Cũng còn gọi là Đệ nhất nghĩa nhẫn 第一義忍: có thể nhẫn được bất cứ điều gì vì đã hiểu chân lý.

Vì không chứa ác, lại được thêm an kiện.

Người có thể nhẫn nhục không nổi giận và đổ lỗi người khác. Nên “*không chứa ác*”: dẫu có bị hành hạ, ngược đãi hoặc bị oan đến đâu, họ cũng không hề căm hờn. Họ không bao giờ làm gì ác để trả đũa.

Nếu có được tự chủ như vậy, thì “*được thêm an kiện*”. “An” là bình-an, an-toàn. “Kiện” là tráng-khiêm.

Nếu không chứa lòng ác, thì từ từ sẽ được thoải-mái thêm với chúng-sinh và chúng-sinh cũng thành dễ-chịu hơn với chúng ta. Vậy thì ở đâu cũng an-lạc.

An lạc ở chỗ không có sự giằng co, đấu tranh.

Lại còn, thêm “kiện”: mạnh thêm vì hai lý-do:

1. Thiếu nhẫn-nhục là chứng tỏ tính tình còn yếu điểm (lack of character). Càng kiên-nhẫn chỉ nhờ càng đã chinh-phục nhiều yếu-điểm tính-tình. Cổ-nhân ví như là nung vàng. Kiên nhẫn ví như dùng lửa ở nhiệt-độ cao để luyện vàng ròng.

2. Nổi giận rất tổn sức-lực. Người kiên-nhẫn không phí sức làm chuyện ác nên sung-sức hơn.

Theo tôi, sức mạnh là khả-năng chịu sự đánh-đập. Người mạnh có thể chịu đòn. Kẻ yếu không thể chịu đựng nổi.

Càng bị đánh thì càng mạnh thêm: quý-vị càng

dễ-dàng chịu đựng hơn.

Kẻ nhẫn nhục không ác, tất được người tôn kính.

Nhẫn nhục là một đức tính. Vì thế “*tất được người tôn kính*”. Chẳng hạn, quỷ thần không phục sức mạnh và thần-thông. Họ chỉ kính-trọng kẻ có đạo đức. Nên theo gương của Dê Su: đưa má bên kia (turn the other cheek). Như thế sẽ được tôn-kính.

Sức mạnh chân thật biểu-hiện ra ở nhẫn-nhục. Nhẫn-nhục giúp diệt-trừ cấu-nhuế và đặc trí vô ngại.

Nếu quý vị không làm điều ác thì nhất định quý vị sẽ được mọi người kính trọng.

Tâm cấu diệt hết, sạch không vết dơ, đó là sáng nhất.

“*Tâm cấu diệt hết*”: khi cấu bản trong tâm diệt hết các thói ích kỷ, tham, sân, si thì tâm không còn dơ bản.

“*Sạch không vết dơ 淨無瑕穢*”: bấy giờ tâm trí sẽ sạch không còn vết dơ như ngọc không có một chút tỳ vết. Chỉ độc nhất tâm thanh tịnh tồn tại.

“*Đó là sáng nhất*”: sau khi tẩy trừ mọi hắc ám trong tâm, thì đó là sáng suốt nhất, có trí huệ nhất. Ánh sáng trí-huệ hiện-tiền.

Cái trạng-thái không có cấu nhuế trong tâm ra sao?

Tâm cuối cùng thành không: **từ khi chưa có trời đất cho đến ngày nay**, trước khi thế-giới chúng ta được thành-tựu và chúng ta sinh vào đó (thời-gian), **bao nhiêu sự vật trong mười phương, không có gì là chẳng thấy, không có gì là chẳng biết, không có gì là chẳng nghe**, cái không này bành trướng ra (không-gian), cho đến các chốn mà giác quan chúng ta không nhận thức được.

Được Nhất-thiết Trí có thể gọi là sáng vậy.

“Nhất-thiết Trí” là trí-huệ của bậc thánh. Họ chứng chân không. Cái huệ đó cực sáng.

Chương 16: Xả ái Đắc Đạo

(Bỏ ái Dục Tất Đắc Đạo)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn:** Nhân hoài ái dục, bất kiến Đạo giả; thí như trùng thủy trí thủ giáo chi, chúng nhân cộng lâm, vô hữu đồ kỳ ảnh giả. Nhân dĩ ái dục giao thố, tâm trung trọc hưng, cố bất kiến Đạo. Nhữ đẳng Sa-môn đương xả ái dục; ái dục cấu tận, Đạo khả kiến hỷ.

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy:** Người chứa ái dục chẳng thấy được Đạo, ví như nước đã lóng lại lấy tay khuấy, khiến những người đến xem đều không thấy được bóng của họ. Người lỡ thân cận ái dục, cấu trọc trong tâm khởi, nên không thấy được Đạo. Sa-môn các ông phải xả ái dục, cấu bản ái dục hết sạch thì có thể thấy được Đạo!

Lược giảng:

Chương trước bàn về mạnh và sáng, hai yếu-tố cần-thiết đem đến sự thành-công. Còn cần gì nữa? Trong chương này, đức Phật tiết lộ rằng tâm chúng ta vốn như nước lóng trong. Chúng ta không thể thấy được tự tính vì tâm thủy bị ái dục khuấy động. Chúng ta cần phải bỏ bớt hành-lý để tiến-hành mau chóng hơn.

Đức Phật dạy: Người chứa ái dục chẳng thấy

được Đạo.

Người đời nay nghe Pháp này thì thật khó mà chấp-nhận. Vì người hiện-đại chuộng ái-tình. Họ làm sao mà chịu tin ái tình làm chúng ta hồ-đồ. Đó bao gồm cả yêu đức Chúa Trời, Vishnu và ngay cả Phật!

“*Chứa*” tức là chấp-chứa, chuộng hoặc nuôi-dưỡng. Người thế-gian chấp-nhận tình-dục là chuyện thông-thường, là thành-phần quan-trọng của hạnh-phúc.

Họ không thể “thấy được Đạo”: không có nhu-cầu mong liễu khổ.

Ví như nước đã lóng lại lấy tay khuấy, khiến những người đến xem đều không thấy được bóng của họ.

Tâm thủy bị ái-dục khuấy lên thì mất trong lóng, không còn thấy được cái phản ảnh rõ ràng.

Chính chúng ta tự cho phép bị khuấy đây!

Người lỡ thân cận ái dục, cầu trước trong tâm khởi, nên không thấy được Đạo.

Ái dục là sự vương mắc. Nếu không có ái dục thì tâm được tịnh và sẽ mau thấy được Đạo.

Sa-môn các ông phải xả ái dục, cầu bản ái dục hết sạch thì có thể thấy được Đạo!

Mục đích của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni là dứt bỏ ái

tình và tham dục (của cải). Bỏ được thì mới có thể đắc Đạo và chứng thánh quả.

Xả bỏ ái dục, vì biết là sinh khởi từ vô-minh. Đoạn vô minh thì chứng Chân Không. Lìa xa chấp-trước Không và ái dục sẽ chứng Diệu Hữu. Tránh chấp vào Chân Không và Diệu Hữu sẽ chứng Trung Đạo.

Chương 17: Minh Lai Âm Tạ
(Ánh Sáng Đến, Bóng Tối Tan)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: Phù kiến Đạo giả, thí như trì cự nhập minh thất trung; kỳ minh tức diệt, nhi minh độc tồn. Học Đạo kiến đế, vô minh tức diệt, nhi minh thường tồn hỷ.**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: Người thấy được Đạo ví như kẻ cầm đuốc đi vào phòng tối, bóng tối lập tức tan biến, chỉ còn lại ánh sáng. Học Đạo mà thấy được chân lý thì vô minh liền dứt, ánh sáng sẽ thường còn.**

Lược giảng:

Vô minh, cũng như bóng tối vốn không có thể tách. Chỉ cần ánh sáng đến thì tối tăm sẽ biến mất.

Tu hành không khó như quý-vị tưởng. Chỉ cần biết soi sáng thì vô-minh sẽ tiêu tan.

Đức Phật dạy: Người thấy được Đạo ví như kẻ cầm đuốc đi vào phòng tối, bóng tối lập tức tan biến, chỉ còn lại ánh sáng.

Thấy được Đạo chẳng khác cầm bó đuốc mà đi vào một căn phòng tối tăm, khiến cho bóng tối lập tức tan biến, chỉ còn lại ánh sáng.

Bỏ đuốc tượng trưng cho trí huệ. Trí huệ phá tan được vô-minh.

Tâm không còn đen tối nữa: không còn cần thấy phải che dấu lỗi lầm nữa!

“*Lập tức*” dụ cho đốn ngộ. Căn phòng u tối cả ngàn năm, chỉ cần đem ngọn đuốc vào lập-tức phòng sáng lên.

Một khía cạnh khác là chúng ta nên dung chấp tất cả (all embracing). Kẻ cực tàn ác cũng có thể biến đổi trong chốc lát. Người Hoa có câu: “Bể khổ vô bờ, chuyên đầu quay lại là đến bến giải-thoát”. Biết cải-thiện thì tức-tốc liễu khổ đạt lạc.

Học Đạo mà thấy được chân lý thì vô minh liền dứt, ánh sáng sẽ thường còn.

Thấy được Chân lý thì vô minh bị trục xuất mãi mãi.

“*Chân lý*” là gì? Tự tính vốn không.

Lúc đó, “*vô minh*” tan mất và chỉ còn có “*ánh sáng*” trường tồn. Không bao giờ bị vô minh che đậy lại nữa!

Chương 18: Niệm Đẳng Bản Không (Ý Niệm Và Mọi Thứ Vốn Là Không)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: Ngô Pháp, niệm vô niệm niệm, hành vô hành hành, ngôn vô ngôn ngôn, tu vô tu tu. Hội giả cận nhĩ, mê giả viễn hồ. Ngôn ngữ đạo đoạn, phi vật sở câu, sai chi hào ly, thất chi tu du.**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: Pháp của Ta là niệm vô niệm niệm; hành vô hành hành; ngôn vô ngôn ngôn; tu vô tu tu. Kẻ biết thì gần, người mê thì xa; đường ngôn ngữ đoạn, chẳng bị vật ràng buộc; sai đi một ly ắt mất trong khoảnh khắc.**

Lược giảng:

Tu Phật Pháp là để vượt qua nhị nguyên trong tư-tưởng, hành-động và ngôn-ngữ.

Đức Phật dạy: Pháp của Ta là niệm vô niệm niệm.

Giữ chánh niệm mà không chấp vào chánh niệm. Giữ được chánh niệm không phải là chuyện dễ. Chúng ta được dạy là phải giữ chánh niệm trong lúc ăn, lúc đi, lúc nói, lúc nằm v.v. Lúc làm được như vậy thì không khỏi chấp vào cái thành công đó, cái tài

đó. Vì vậy, chúng tôi chú-trọng trồng nhân để gỡ cái loại chấp-trước đó ngay từ lúc ban đầu.

Ở trình-độ cao hơn, thì “*niệm vô niệm niệm* 念無念念” có nghĩa là cái “niệm” (tu-tưởng) thiết là không phải niệm: “vô niệm”. Lúc đó lục thức hoàn-toàn ngưng hoạt-động (nên không thể còn gọi là niệm như thông-thường).

Đức Phật dạy rằng: Giáo pháp của Ta, về mặt ý nghĩ thì cần phải không có một ý nghĩ nào cả, ngay cả cái ý nghĩ 'không nghĩ' cũng chẳng tồn tại nữa. Do đó, Pháp của Ta được gọi là 'nghĩ, nghĩ mà không nghĩ' vậy.

Hành vô hành hành.

Làm, làm mà không làm. Thú thật với quý-vị, cái việc “làm mà thiết không làm” làm tôi rất bối rối trong quá khứ, nhất là lúc đọc loại lý-luận này trong Kinh Kim Cang.

Tới trình-độ này, dầu làm nhưng không có sự chấp trước. Coi làm như không làm vậy.

Ngôn vô ngôn ngôn 言無言言.

Là nói, nói mà không nói. Không còn chấp trước vào ngôn ngữ, văn tự. Lại nữa, phải từ bỏ luôn cả những tư tưởng và ý niệm về sự không chấp trước vào ngôn từ.

Ngôn ngữ văn tự chỉ là phương-tiện mà đáng giác-ngộ phải dùng để dạy cho chúng-sinh. Cái mà

họ muốn giảng thiết không thể diễn-tả được với ngôn ngữ!

Tu vô tu tu.

Tu, tu mà không tu. Khi tu cao rồi thì phải biết chặt tất cả các chấp trước vào tu hành; thậm chí 'không tu' thật ra là tu.

Mọi chấp trước đều trở thành 'không', và ngay cả cái 'không' ấy cũng phải làm cho thành không luôn!

Đối với họ, sống là tu. Đối với phàm-phu như chúng ta, tu không phải là sống vì tu quá khổ!

Kẻ biết thì gần.

Nếu thấu hiểu được đạo lý này, tức là đang ở rất gần với Đạo. Không bao lâu nữa sẽ thành Đạo.

Người mê thì xa.

Nếu chưa hiểu rõ và vẫn còn mê muội về Đạo lý này, thì còn cách Đạo rất xa.

Đường ngôn ngữ đoạn.

Đường ngôn ngữ dứt hết. Có nói cũng không diễn đạt bằng lời được, mà có nghĩ cũng chẳng đúc kết thành ý đặng! Tức là không thể dùng lời nói để diễn tả sự kỳ diệu này; nên Thiền tông nói rằng:

Ngôn ngữ đạo đoạn,

Tâm hành xứ diệt.

(Đứt đường ngôn ngữ,

Diệt chốn tâm hành.)

Hết thấy mọi thứ đều không còn.

Chẳng bị vật ràng buộc.

Đến cảnh giới này, không còn chấp-trước vào ngoại vật, thì làm sao mà còn bị ràng buộc bởi sự vật nữa?

Sai đi một ly ắt mất trong khoảnh khắc.

Bước đầu mà sai một ly thì cuối cùng xa mục-tiêu cả dặm! Ví dụ, nếu quý-vị theo thói thể-tục mà tu hành, mong muốn danh vọng, của cải (chùa chiền) thì chắc chắn sẽ bị lạc đường. Những người này thật đáng thương! Đến đại dương mà chỉ đem cái muỗng lấy chút xíu nước đem về!

Chương 19: Chân Giả Tinh Quán

(Quán Xét Cả Thật Lẫn Giả)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: Quán thiên địa, niệm phi thường; quán thế giới, niệm phi thường; quán linh giác, tức Bồ-đề; như thị tri thức, đắc Đạo tột hỷ.**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: Quán trời đất, niệm chẳng phải thường; quán thế giới, niệm chẳng phải thường; quán linh-giác tức là Bồ-đề; tri giác được như thế, đắc Đạo rất chóng vậy.**

Lược giảng:

Trong chương này, chúng ta nên quán tưởng đạo lý nhất thiết duy tâm tạo (tất cả đều do tâm). Gạt bỏ mọi sự giả dối, chỉ giữ gìn chân thật. Không nên chấp-trước vào ngoại vật vì nó bất thường.

Đức Phật dạy: Quán trời đất, niệm chẳng phải thường.

“Trời” ở trên chúng ta, “đất” ở dưới nâng đỡ chúng ta, con người ở giữa. Chúng ta sống dưới thiên chi và tồn tại nhờ đất khoan-hồng. Nhưng cả hai đều vô “thường”: phải chuyển qua những thời-kỳ sinh-diệt: thành , trụ, hoại , không.

“Quán”: nghĩa là dùng tư huệ mà quán sát.

“Niệm”: nghĩa là không được quên, mặc dầu chỉ trong chốc lát.

Cái sống của nhân loại bị kẹp giữa hai cái vô thường.

Quán thế giới, niệm chẳng phải thường.

Quán “*Thế giới*” sẽ thấy chỉ là vô “*thường*”.

Mùa thay đổi, biển sâu thành ruộng, thung-lũng đẽ ra núi cao, v.v. Quốc-gia thành-lập rồi cũng tiêu-diệt. Văn-hóa không khỏi lưu vong.

Cái gì có tướng đều vô thường: nó luôn luôn biến-chuyển cho đến khi tan-biến.

Vô thường có hai hàm ý:

1. Biến hoại 變壞: luôn luôn biến đổi và bại hoại.
2. Đoạn diệt 斷滅: sẽ kết thúc và tiêu diệt.

Quán linh-giác tức là Bồ-đề.

Quán tướng cái linh tánh giác ngộ. Linh minh giác tánh của chính mình là tánh Bồ-đề.

Đó là cái bản tính của chúng ta. Nó sáng và trường-cửu, cái mà chúng ta quên và không biết có nó.

“*Bồ-đề*” là liễu sinh tử.

Tri giác được như thế, đắc Đạo rất chóng vậy.

Hiểu được như thế thời đắc Đạo rất chóng vạy. Quán cho đến như thế, thì sẽ đắc Đạo rất nhanh.

“*Tri*”: ở trong biết được.

“*Giác*”: ở ngoài nhận ra được.

Vì quý vị hiểu được đạo lý này nên quý vị sẽ đắc đạo. Nếu không lãnh hội được đạo lý này thì chẳng thể nào đắc Đạo được!

Đây là pháp mà các vị Bích Chi Phật chuyên tu. Họ rút lui vào trong non cao vực thẳm mà tu. Họ quán-sát sự thay đổi của bốn mùa. Thấy lá đổi màu lúc mùa thu, rụng khi lạnh đến và mọc lại lúc xuân tới. Họ từ từ ngộ được sự vô-thường của tạo-hóa: tất cả đều luân-chuyển qua vòng sinh-tử. Thế mà họ đắc giác ngộ.

Chương 20: Suy Ngã Bồn Không
(Suy Ra Cái "Ta" Vốn Là Không)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: Đương niệm thân trung tứ đại, các tự hữu danh, đô vô ngã giả; ngã ký đô vô, kỳ như huyễn nhĩ.**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: Nên niệm tứ đại trong thân, mỗi thứ tự nó có tên, tất cả đều không có 'ngã'. Cái 'ngã' đã không có thì đó chỉ như huyễn mà thôi.**

Lược giảng:

Chương thứ hai mươi dạy chúng ta nên quán tứ đại là giả để thấy thân người chỉ như huyễn như hóa, giả tạm, không thật.

Đức Phật dạy: Nên niệm tứ đại trong thân.

Thân thể của chúng ta do bốn yếu tố là đất (xương, thịt, tóc), nước (máu, chất tiết ra), lửa (hơi nóng), và gió (hơi thở) kết hợp với nhau mà thành hình.

Tứ đại: khắp Pháp Giới, với đủ các hình thức và số-lượng.

Mỗi thứ tự nó có tên, tất cả đều không có 'ngã'.

Mỗi yếu tố đều có tên riêng nhưng không có cái nào là 'ta' hoặc 'tôi' cả.

Cái tôi chỉ là một quan-niệm, danh-từ . Không sao tìm được trong tứ Đại. Thật ra cái tôi mà chúng ta quen gọi đó không thật sự ở trong thân.

Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, con gái của Ma Đăng Già mê Ngài A Nan. Cô theo-đuổi cho tới gặp Đức Phật và thú-thật là không thể nào sống được nếu không có A Nan. Đức Phật hỏi cô yêu gì ở nơi Thầy. Cô nói: cô thích lỗ tai, mũi, miệng v.v. Đức Phật nói là Ngài cần tâm của A Nan. Vậy thì cắt bớt các bộ-phận mà chia cho cô. Cô không chịu nói rằng không được nếu chỉ có bộ-phận thôi.

Nghe có quen thuộc không?

Cái 'ngã' đã không có thì đó chỉ như huyễn mà thôi.

Vì không có cái tôi nên xác thân này giống như một thứ ảo ảnh chứ không thật.

Có hết sức nuông chiều cho nó ăn, mặc, đấm bóp v.v... Khi húng thì cái thân vẫn đình công và không chịu hợp-tác. Chúng ta nên tử-tế với thân nhưng không cần phải quá chấp nó vì nó chỉ là một ảo tưởng. Cái đẹp không tồn tại lâu dài chút nào. Trái lại, cái thiện thì trường cửu. Ngay cả tình-dục thật tạm bợ và bốc-đồng.

Chương 21: Danh Thanh Táng Bồn

(Danh Vọng Hại Người)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: Nhân tùy tình dục, cầu u thanh danh; thanh danh hiển trước, thân dĩ cố hỷ. Tham thế thường danh, nhi bất học Đạo, uổng công lao hình. Thí như thiêu hương, tuy nhân văn hương, hương chi tận hỷ, nguy thân chi hỏa, nhi tại kỳ hậu.**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: Người theo tình dục mà truy cầu thanh danh, khi thanh danh vẻ vang thì thân đã chết rồi! Tham thế thường danh mà chẳng học Đạo, thì chỉ uổng công mệt xác. Ví như đốt hương, tuy người được ngửi mùi hương nhưng khi hương kia cháy hết, thì thứ lửa hại thân liền theo sau.**

Lược giảng:

Tu theo chương trước thì không chấp vào thân tứ đại. Như vậy thân tâm linh thì sao? Người đời tham danh, thật chẳng những không được lợi ích gì cả mà còn có hại nữa.

Đức Phật dạy: Người theo tình dục mà truy cầu thanh danh.

Những người chạy theo tình cảm và dục vọng của riêng họ mà truy cầu thanh danh. Danh là một trong ngũ dục.

“*Thanh danh* 聲名”: tiếng tăm được vang nghe khắp nơi.

Có câu:

“Báo tử lưu bì, nhân tử lưu danh 豹死留皮，人死留名

(Con báo chết thì bỏ lại cái da, người chết thì lưu lại cái danh)” .

Khổng Tử cũng nói:

“Quân tử tật mặc thế nhi danh bất xưng 君子疾沒世而名不稱焉. (Người quân tử bệnh mà chết nhưng danh tiếng không được lưu truyền hậu thế.)”

Đại nhân sống một cuộc đời đức độ và rất lo âu là sau khi họ chết thì dân chúng sẽ không còn kính trọng và xưng tán họ.

Những người xuất chúng của thời-đại nay dường như có hai đời. Cuộc đời đầu tiên là dùng để làm giàu. Sau khi đạt mục-tiêu, họ thường coi-trọng đời sau: cái danh.

“*Truy cầu*”: nghĩa là hành-động bị thúc-đẩy bằng tình dục.

Thế nhưng, khi thanh danh về vang thì thân đã chết rồi!

Đến khi công thành danh toại, thì thân đã mòn và không còn xa cái chết. Muốn được danh thường phải cần trả giá rất cao của xương máu và hy-sinh cá-nhân.

Đó là do transmission delay: sự trì-hoãn trong sự lưu-truyền.

Cho nên, danh lợi chẳng có ý nghĩa gì cả!

Những tài năng về hội họa , âm nhạc ... cống hiến cả cuộc đời cho nghệ thuật , mong được nổi tiếng. Ngoại trừ một thiểu số, đa số đều chết cực kỳ nghèo khổ, rất lâu trước khi tài họ được công-nhận và tán thán!

Tham thế thường danh mà chẳng học Đạo, thì chỉ uổng công mệt xác.

Những kẻ đam mê danh vọng của thế tục và không chịu tu tập để thành Đạo quả, thì chỉ uổng phí sức và khổ nhọc thân xác mà thôi. Có lẽ một phần vì không còn thì-giờ hoặc sức-lực; phần khác là vì Đạo và danh hoàn toàn tương-phản.

Họ mù quáng đeo-đuổi một cái tạm-bợ và hư-ảo.

Gần đây, tôi gặp lại một người bà con. Đã không liên-lạc gần cả mười năm. Bây giờ thì rất giàu có và nhiều thế-lực. Bà ta bị stroke ba năm trước, may mà hoàn-toàn hồi-phục. Nay mới hiểu rằng tiền và danh không đáng để chết hoặc thành phé-nhân.

Người thường thì cầu danh, quân tử chân chính thì không cần cầu.

Ví như đốt hương, tuy người được ngửi mùi hương nhưng khi hương kia cháy hết, thì thứ lửa hại thân liền theo sau.

Ví như đốt một mẩu hương. Hương có mùi thơm, dụ cho danh.

Hương dầu thơm, nhưng sau khi hương cháy hết, thì đóm than hồng còn ngậm cháy trong tro và có thể đem lại hỏa hoạn.

Sau khi được nổi tiếng, thì thường bám chấp vào cái trạng-thái phớn-phơ (euphoria). Cái chấp-trước này sẽ đem lại khổ não và tai hại. Cũng như bà tài tử màn ảnh trong phim “Đại Lộ Hoàng hôn Sunset Boulevard”, vì quá chấp vào cái huy-hoàng của sự ưa thích của quần chúng nên chỉ còn sống được trong quá khứ. Cuối cùng bà ta, trong cơn cuồng loạn, giết người tình trẻ tuổi (vì dám bỏ bà theo cô bồ trẻ).

Tại sao người đời cứ đeo đuổi những thứ có hại cho họ?

Nhất là người xuất-gia, nên cẩn-thận và né xa danh vọng. Vì vậy một trong lục đại tông chỉ của Ngài Tuyên Hóa là không truy cầu.

Chương 22: Tài Sắc Chiêu Khổ

(Tiền Của Và Sắc Dục Mang Lại Đau Khổ)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: Tài sắc ư nhân, nhân chi bất xả, tử như đao nhận hữu mật, bất túc nhất san chi mỹ, tiểu nhi thí chi, tắc hữu cát thiệt chi hoạn.**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: Đối với tài sắc, người không bỏ được; ví như lưỡi dao có mật, chẳng đủ cho một bữa ăn ngon, đứa bé liếm lấy ắt mắc cái họa đứt lưỡi.**

Lược giảng:

Người đời rất ham thích tài sắc. Họ giống như đứa trẻ thích mật nên không ngần-ngại liếm mật trên lưỡi dao bén. Tài và sắc cũng vậy, tuy ngon nhưng có thể đem đại họa.

Đức Phật dạy: Đối với tài sắc, người không bỏ được.

Thế gian này có hai thứ đam mê: tiền của và sắc dục. Cặp này tượng trưng cho sự tự chiều (self-indulgence): càng nhiều càng tốt.

Tài cho chúng ta cái cảm-tưởng an-ninh. Nó cũng đem lại cái quyền lực trên người khác.

Sắc là chuyện tình dục. Nó thật là một loại
nghiện cực kỳ mạnh.

Vì vậy, đức Phật nói: đối với tài sắc, phạm phu
“*không bỏ được*”.

Tiếp theo, đức Phật dùng mật để dụ cho tài sắc.

**Ví như lưỡi dao có mật, chẳng đủ cho một bữa
ăn ngon, đũa bé liếm lấy ắt mắc cái họa đứt lưỡi.**

Con người thật là như con nít! Chúng ta biết rõ
ràng những cái tham muốn này hại nhiều hơn lợi,
nhưng vẫn đòi như thường!

Khi bị lòng tham tài sắc điều khiển, con người
không khác gì một “*đũa bé*”. Người thường thì có lý-
trí, nay bỗng nhiên như ấu nhi. Tại sao gọi là con nít?
Là vì một khi muốn gì thì không còn lý-trí nữa!

Ví muốn một chút mật dính trên lưỡi dao, chẳng
đủ no nê, mà sẵn sàng liếm, không màng cái họa đứt
lưỡi.

Người ta thường nói: sắc đẹp không thể mê-hoặc,
chỉ có con người mới tự mê. Ai làm chủ: chúng ta hay
cái ham muốn?

Nói sâu hơn.

Lòng tình-dục làm người nóng, tâm tối và khiến
chúng ta mất tự-chủ. Trong lịch-sử nhân-loại, biết bao
nhiều anh-hùng và nhân tài đã từng bị cái ham-muốn
này làm thân bại danh liệt.

Tài thì sao?

Nó thường đem lại cái tự ty làm trời “god complex”: chúng ta có quyền làm như ý, nhất là nếu không bị bắt quả tang. Thật là xấu xa!

Những người làm giàu bằng cách ăn cướp hay lừa gạt kẻ khác, bên ngoài thì có vẻ thành-công, thật ra cuộc sống của họ thật thiếu hạnh-phúc. Họ sống trong sự lo-sợ (bị khám-phá hoặc bị kiện tụng). Lại còn bị lòng hổ thẹn, mặc cảm tội lỗi (guilty conscience) hoặc bị những quỷ thần mà họ đã hại đến đời mạng và dày vò. Mong quý-vị đừng dấn vào đường này!

Hơn nữa, đức Phật nhắc rằng rất “khó bỏ”. Nước bị mất, anh hùng bị đọa vì không biết đối-phó với sự cám-dỗ.

Nếu như hỏi người theo Cơ-Đốc giáo. Phần lớn đều thú-nhận rằng khi phải chọn giữa thiên thần trên vai trái và sa tăng bên vai phải, rất nhiều lần họ theo quỷ.

Ngay người Phật tử cũng không hay gì hơn. Chúng ta cũng phải tranh-đấu với nội ma. Mỗi lần thua bọn nó thì trong cái thất bại có cái vui vui và thích thú!

Làm sao bây giờ?

Cách duy nhất là biết xả bỏ và không nên có hành-động của đứa con nít. Ngày nào còn giữ giới thì ngày ấy còn cơ-hội tiếp-tục phấn-đấu. Hãy chúc nhau thêm nghị-lực và nhiều may-mắn!

Chương 23: Thê Tử Thâm Ngục
(Gia Đình Còn Tệ Hơn Lao Ngục)

Kinh văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: Nhân hệ ư thê tử, xá trách, thậm ư lao ngục. Lao ngục hữu tán thích chi kỳ, thê tử vô viễn ly chi niệm. Tình ái ư sắc, khởi đạn khu trì. Tuy hữu hổ khẩu chi hoạn, tâm tồn cam phục. Đầu nê tự nịch, cố viết phạm phu. Thấu đắc thử môn, xuất trần La-hán.**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: Người bị vợ con và nhà cửa ràng buộc còn hơn cả lao ngục. Lao ngục còn có thời kỳ phóng thích, vợ con lại không một niệm xa lìa; há chẳng sợ tình ái và sắc lôi cuốn? Dầu có cái họa sa nơi miệng hùm, lòng cũng cam chịu. Vì tự đắm nơi bùn nên gọi là phạm phu; vượt qua được cửa này là bậc La-hán xuất trần.**

Lược giảng:

Một thứ thức tỉnh khác (wake-up call): gia-đình không khác gì nhà tù.

Đức Phật dạy: Người bị vợ con và nhà cửa ràng buộc còn hơn cả lao ngục.

Đàn ông rất chấp vào “*vợ con*”, không khác gì bị họ “*ràng buộc*”: như bị cột lại.

“*Nhà cửa*”: chỉ về nhà, cung-điện (trời ở), chỗ ở. Đây là chỗ để nghỉ ngơi, ở, cất của cải và có được sự an-toàn. Nó tượng-trung cho sự gắn bó với tổ-tiên và họ hàng. Có người thì coi trọng đất đai mồ mả.

Đó là trong Dục giới.

Tứ dục (bốn tham muốn của chúng sanh trong cõi Dục-giới từ loài ở nơi đất (địa cư), loài ở hư không, cho đến chư thiên sáu cảnh Lục-dục):

1) Tình dục (lòng ham tình). Chúng sanh trong cõi Dục-giới, phần nhiều đối với nhan sắc mỹ miều < phụ nữ > hoặc diện mạo tuấn tú khôi ngô < nam giới > thường khởi lòng ham muốn.

2) Sắc dục (lòng muốn sắc đẹp). Chúng sanh trong cõi Dục-giới, phần nhiều đối với cảnh tình ái cái sắc mềm mại, xinh đẹp của trai gái, khởi lòng ham muốn.

3) Thực dục (lòng muốn ăn). Chúng sanh trong cõi Dục-giới, phần nhiều đối với món ăn ngon, khởi lòng ham muốn.

4) Dâm dục (lòng muốn dâm). Chúng sanh trong cõi Dục-giới, phần nhiều đối với chỗ đụng chạm nhiễm trước trong đám trai gái, khởi lòng ham muốn.

Sắc giới thì lấy thiên lạc làm gia-đình và tứ thiên làm nhà. Vô sắc giới lại coi định là gia-đình và tứ không xứ làm nhà. Ngay A-la-hán coi giải-thoát lạc là gia-đình và Niết Bàn hữu dư là nhà.

Chấp-trước như vậy “*còn hơn cả lao ngục*”. Tại sao?

Lao ngục còn có thời kỳ phóng thích, vợ con lại không một niệm xa lìa.

Ít nhất, chúng ta đều biết là tù ngục không phải là chỗ tốt nên biết tránh. Hơn nữa ở tù thì cũng có lúc mãn hạn và được ra tù, song những kẻ có gia đình thì chẳng muốn xa rời vợ con. Có người nói với tôi chỗ trong nhà mà ông ta thích nhất là phòng tắm: thích la cà, ngồi trong đó để được một chút yên thân. Nhưng giống như các người đàn ông khác, ông ta không bao giờ nghĩ đến “*xa lìa*” vợ con.

Há chẳng sợ tình ái và sắc lôi cuốn?

Ở nhà vì thích tình cảm, ái tình và nữ sắc. Ban đầu chỉ mới cảm mến nhau, dần dà thì yêu đương hay mê hoặc. Thiếu thì không còn muốn sống nữa. Ngày đêm mơ mộng và ao ước.

Người có trí-huệ thì khôn hơn một chút. Họ biết “*sợ tình ái và sắc*” và biết tránh xa.

Dẫu có cái họa sa nơi miệng hùm, lòng cũng cam chịu.

Nguy hiểm chẳng khác nào bị rơi vào hang cọp, nhưng họ lại sẵn sàng cam chịu.

Chắc có lẽ vì ba cái gông nguy hiểm < nhà , vợ và con > quá hấp dẫn nên họ chịu đầu hàng và làm nô-lệ.

Vì tự đắm nơi bùn nên gọi là phạm phu.

Bởi họ tự dẫn thân vào chốn “*bùn*” lầy, cam tâm tự đày đọa chính mình, nên còn là hạng “*phàm phu*”. Biết là dở mà vẫn ham thích rồi cuối cùng tự hãm hại!

Vượt qua được cửa này là bậc La-hán xuất trần.

“Vượt qua” những trở ngại trên đề tiến vào cửa Không, tượng trưng cho thông-đạt chân lý.

“*Cửa*”: cửa ái tình dục, tình ái, sắc đẹp, gia đình và nhà cửa.

Chúng ta phải chọn: bị ràng buộc hay thông qua; thông qua đến trí-huệ, ánh-sáng và giải-thoát; ràng buộc tại mê-muội, tối tăm và gò bó.

Người tại-gia thường coi việc xuất-gia như tự gò bó và chịu khổ. Thật ra, đó là con đường nhẹ hơn về hướng giải-thoát “*xuất trần*” và đặc diệu lạc của “*bậc La-hán*”.

Chương 24: Sắc Dục Chương Đạo
(Sắc Dục Chương Ngại Đường Đạo)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn:** ái dục mạc thậm ư sắc. Sắc chi vi dục, kỳ đại vô ngoai. Lại hữu nhất hỷ, nhược sử nhị đồng, phổ thiên chi nhân, vô năng vi Đạo giả hỷ.

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy:** Các thứ ái dục, không gì bằng sắc dục. Sắc dục lớn đến không gì ở ngoài. May thay, nó chỉ có một. Nếu có hai thứ như thế thì khắp thiên hạ không ai có thể tu Đạo được cả!

Lược giảng:

Chương này chứa một câu rất nổi tiếng: trong tất cả các thứ tình dục, không có sự ràng buộc nào mạnh bằng ái dục. Nếu có thêm một loại thứ hai như vậy thì không ai có thể tu thành Đạo. Người tu hành cần phải cảnh tỉnh!

Đức Phật dạy: Các thứ ái dục, không gì bằng sắc dục.

“Ái dục” là ái tình và dục vọng.

Ái dục gồm thích:

1. Nữ sắc 女色: hình dáng và nét đẹp.
2. Tài bảo 財寶: chúng ta tham muốn của cải, tiền bạc và đồ chơi.
3. Thanh danh 聲名: tiếng tăm và danh vọng.
4. Ẩm thực 飲食: đồ ăn uống.
5. Thù miên 睡眠: ngủ nghỉ.
6. Gia trái 家宅: nhà cửa.
7. Điền viên 田園: điền là chỗ trồng trọt làm ra lợi tức; viên là chỗ đến dạo chơi.
8. Y phục 衣服: áo quần là một loại tự chịu riêng tư.
9. Quyến thuộc 眷屬: họ là người thân (chúng ta rất gò bó với họ) và người lệ-thuộc (rất gò bó với chúng ta).

“Sắc dục” tức là tâm dâm dục.

Trong tất cả, không có gì đáng ngại bằng nữ sắc.

Tâm dâm dục có thể phân ra:

1. Nhan sắc 顏色: chắc vì vậy mà các phụ-nữ chăm-sóc tóc và móng tay. Họ chú-trọng áo-quần và dày dềp.
2. Hình dung 形容: dùng phấn son và tập thể-dục.
3. Oai nghi 威儀: người Việt Nam có câu: “cái nét đánh chết cái đẹp”.
4. Ngữ ngôn 語言: người đàn ông Nhật có vẻ thích đàn bà nói với giọng trong và cao.
5. Tế hoạt 細滑: mịn màng và trơn tru.
6. Nhân tướng 人相: mỗi xã-hội có tiêu-chuẩn đẹp riêng-biệt. Vài bộ-lạc Phi châu chuộng người đàn bà mặt dài và cổ dài.

Sắc dục lớn đến không gì ở ngoài.

Lòng ham thích sắc đẹp chẳng có gì lớn mạnh hơn.

Có người nghĩ rằng có những thứ đam mê khác mạnh hơn, như nghiện ma túy.

Không đâu!

Cái nghiện được công-nhận là nguy-hiểm nên loài người đề cao cảnh giác và chế ra nhiều loại thuốc ngừa trị. Ngược lại, ái dục lại bị coi thường.

Vả lại, cái nghiện ma túy chỉ hại một đời. Còn nghiện sắc thì hại muôn đời và làm chúng ta lộn luân-hồi.

Nếu có hai thứ như thế thì khắp thiên hạ không ai có thể tu Đạo được cả!

Giả sử có thêm một thứ nữa cũng lợi hại như thế, chắc chắn không ai tu Đạo được!

Ngay trước khi đức Phật sắp thành Đạo, Ngài đã ở trình-độ tốt cao, thế mà vẫn bị ma vương thử thách lòng dâm dục. Cái này được đề cập trong chương 26.

King Lăng Nghiêm nói:

“Dâm tâm bất trừ, trần bất khả xuất 婬心不除，塵不可出 (Tâm dâm dục không chịu trừ, thì khó mà thoát bụi trần)”.

Đức Phật dạy pháp quán bất tịnh để trị lòng dâm dục:

1. Thanh ú 青瘀: sau khi chết, tử thi đổi màu

xanh vì máu đọng.

2. Lạn 爛: mục nát.
3. Trướng 脹: phồng lên.
4. Nùng huyết 膿血: máu mủ chảy ra.
5. Trùng thư 蟲蛆: vòi ăn tử-thi.
6. Hoại 壞: gia mục nát.
7. Tán 散: chỉ còn xương, tóc và gân.
8. Thiêu 燒: thân bị đốt thành tro.
9. Bạch cốt 白骨: chỉ còn lại một đống xương.

Quán theo pháp bất tịnh này thì sẽ dần dần bớt
dâm dục và trừ khử được luôn.

Chương 25: Dục Hỏa Thiêu Thân

(Lửa Dục Đốt Người)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: ái dục chi nhân, du như chấp cự, nghịch phong nhi hành, tất hữu thiêu thủ chi hoạn.**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: Người ham mê ái dục ví như kẻ cầm đuốc đi ngược gió, tất sẽ mắc phải nạn cháy tay.**

Lược giảng:

Chương thứ hai mươi lăm giải thích vì sao chúng ta cần phải xa lánh ái dục.

Đức Phật dạy: Người ham mê ái dục ví như kẻ cầm đuốc đi ngược gió.

Người đam mê ái dục chẳng khác nào kẻ cầm bó đuốc đi ngược chiều gió. Bên ngoài, ái dục rất hấp dẫn và lợi-ích, nhưng thân-cận nó thì thật hiểm nghèo.

Tất sẽ mắc phải nạn cháy tay.

Không khỏi bị cháy bỏng tay. Tốt hơn là biết niệm Phật và cầu vãng sinh. Vì thế mà đức Phật

thành-lập ra Tăng đoàn để giúp chúng ta giữ khoảng cách với ái dục. Phải tránh xa ái dục cho đến khi không còn bị nó làm hồ-đồ, mê hoặc.

Đời xưa bên Ấn-Độ có một vị tu Đạo Bà la môn trên núi cả hơn ba mươi năm. Vì tu hành gặt gao nên có nhiều thần-thông.

Đức vua nghe đến tiếng nên tôn làm thầy và thường hay thỉnh về cung để cúng-dường và nghe pháp.

Một hôm, nhà vua bận đi công tác nên bảo cô công chúa thay mặt tiếp thầy.

Theo đúng lời hẹn, ông tu sĩ cởi mây đến cung và bước xuống. Cô công chúa lập tức sụp lạy. Theo truyền thống Ấn-Độ, cô mở hai tay ra và người tu-sĩ bước vào tay để nhận sự cung-kính.

Khi chân ông đụng vào bàn tay mềm mại của cô công chúa, mũi lại thoáng ngửi mùi hương hoa của thân công chúa, tâm ông ta bị động và lòng dâm dục khởi lên.

Tức khắc, ông ta mất hết thần-thông và phải đi bộ về núi sau khi nhận cúng-dường. Ông ta bèn trốn đi xa và không bao giờ dám đến cung nữa.

Cho đến khi đắc được trí-huệ chân thật, chúng ta nên tránh xa các cám-dỗ.

Chương 26: Thiên Ma Nhiễu Phật

(Thiên Ma Quấy Nhiễu Phật)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Thiên-thần hiển ngọc-nữ ư Phật, dục hoại Phật ý.**

Phật ngôn: Cách nang chúng uest, nhĩ lai hà vi? Khứ! Ngô bất dụng.

Thiên-thần dũ kính, nhân vấn Đạo ý. Phật vi giải thuyết, tức đắc Tu-đà-hoàn quả.

Dịch Nghĩa: **Thiên-thần hiển ngọc-nữ cho Phật, muốn hoại ý chí của Ngài. Đức Phật nói: Những túi da ô uest, các ngươi đến đây làm gì? Đi ngay! Ta chẳng dùng đâu.**

Thiên-thần càng thêm kính và nhân đó hỏi về Đạo ý. Phật giảng nói cho, Thiên-thần liền đắc quả Tu-đà-hoàn.

Lược giảng:

Cái thử-thách cuối cùng của đức Phật là về tình-dục.

Thiên-thần hiển ngọc-nữ cho Phật, muốn hoại ý chí của Ngài.

“*Thiên-thần*” là Ma-vương Ba Tuần 波旬, ở tầng trời thứ sáu của Dục giới.

Ngay trước khi đức Phật thành Đạo, Ma vương đem binh đến tấn-công mà bị Phật đánh bại. Rồi Ma vương phái ba người con gái “ngọc nữ”: họ đẹp mê-hồn vì hoàn-hảo như ngọc. Tướng mạo của cả ba ngọc-nữ này mỹ lệ đến độ chón nhân gian và cõi trời cũng không ai sánh bằng.

Ma-vương muốn làm cho Phật khởi ý niệm dâm dục, và phá hủy ý chí tu Đạo của Ngài.

Đức Phật nói: Những túi da ô ứế, các nguời đến đây làm gì?

Thân thể con người chẳng qua chỉ là một cái túi da 革囊 đựng toàn những thứ ô ứế, dơ bẩn. Lớp da bao bọc bên ngoài cơ thể chúng ta ví như một cái túi lớn làm bằng da skin bag.

Cũng như cắm hoa vào bình. Trông thì khá đẹp, nhưng đến gần thì mới thấy nước trong bình hôi hám.

Chữ tiếng Hoa “Cách 革” còn có nghĩa là bỏ đi.

Đi ngay! Ta chẳng dùng đâu.

Các nguời hãy mau rời khỏi nơi này, Ta chẳng cần đến các nguời!

Ngọc-nữ đến Phật, đức Phật liền quán tưởng: Khi các nguời già cả, trên mặt các nguời sẽ có không biết bao nhiêu là nếp nhăn; chẳng đẹp mắt chút nào, tóc lại bạc da nhăn nheo. Đức Phật vừa quán tưởng như thế, thì tướng mạo các ma-nữ bỗng nhiên biến đổi theo đúng như sự quán tưởng của Ngài. Các ma-nữ

đâm ra xấu hổ. Phật đuổi họ đi.

Bên ngoài thì đẹp mà bên trong lại thật bầy nhầy.
Có gì hấp-dẫn đâu?

Đó là phương-diện của Phật. Chúng ta làm sao để
đương đầu với cám-dỗ?

Bí-mật ở chữ “*dùng*”: nghĩa là chúng ta cho nó có
giá-trị, coi-trọng nó và thích-chuộng nó. Chúng ta bị
mờ mắt và quên xét tính-thể của nó.

Nếu chúng ta biết quán-sát thì không còn bị mê-
hoặc và tâm sẽ không bị động.

Thiên-thần càng thêm kính và nhân đó hỏi về Đạo ý.

Thấy vậy, Ma vương sinh lòng kính nể, nghĩ rằng
đức Phật quả thật siêu phàm, nhất là có vẻ không
tham tình dục như mình. “*Và nhân đó hỏi Phật về ý
Đạo*”: thỉnh cầu Phật thuyết pháp.

Phật giảng nói cho, Thiên-thần liền đắc quả Tu-đà-hoàn.

Phật giảng xong, Ma vương liền đắc được quả
Tu-đà-hoàn, Sơ quả La-Hán.

Quý-vị thấy không? Được đức Phật thuyết pháp
cho thật đỡ tốn thì-giờ tu hành.

Hơn nữa, chương này chứng-minh rằng tệ bại như
Ma vương cũng còn có thể độ được.

Chương 27: Vô Trước Đắc Đạo
(Không Chấp Trước Tất Đắc Đạo)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn:** Phù vi Đạo giả, du mộc tại thủy, tầm lưu nhi hành, bất xúc lưỡng ngạn, bất vi nhân thủ, bất vi quỷ thần sở giá, bất vi hồi lưu sở trú, diệc bất hủ bại; ngô bảo thử mộc, quyết định nhập hải. Học Đạo chi nhân, bất vi tình dục sở hoặc, bất vi chúng tà sở nhiễu, tinh tấn vô vi; ngô bảo thử nhân, tất đắc Đạo hỷ.

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy:** Người hành Đạo ví như khúc gỗ dưới nước, theo dòng mà trôi. Nếu nó chẳng tấp vào hai bên bờ, chẳng bị người ta vớt lấy, chẳng bị quỷ thần ngăn trở, chẳng bị nước xoáy giữ lại, cũng chẳng bị mục nát, Ta cam đoan rằng khúc gỗ này nhất định sẽ ra đến biển. Người học Đạo nếu chẳng bị tình dục làm mê hoặc, chẳng bị các thứ tà quỷ nhiễu, lại tinh tấn tu pháp Vô-vi; Ta cam đoan rằng người này tất sẽ đắc Đạo.

Lược giảng:

Chương hai mươi bảy cho tỷ dụ để giải thích vì sao người học Đạo cần phải tránh xa mọi thứ có thể gây chướng ngại.

Đức Phật dạy: Người hành Đạo ví như khúc gỗ dưới nước, theo dòng mà trôi.

Tu là tập cách “*theo dòng mà trôi*”, thuận theo hoàn-cảnh mà tiến hành.

Nếu nó chẳng tấp vào hai bên bờ.

“*Hai bên bờ*” của tình cảm và dục vọng. Một bờ của tình cảm và dục vọng là hai loại là kiến tư tình dục (tình cảm và dục vọng tạo vì kiến và tư hoặc). Bờ kia là vô minh dục (tình cảm và dục vọng dấy khởi từ vô minh).

Kiến tư tình dục tức là sự chấp trước sanh tử. Vô minh tình dục là sự chấp trước Niết-bàn.

Chẳng bị người ta vớt lấy.

Dụ cho kẻ bị kẹt trong lưới tà kiến: họ không hiểu luật nhân quả nên bị lọt đài.

“*Vớt lấy*” để dùng đeo đuổi thế sự.

Chẳng bị quỷ thần ngăn trở.

Qui thuộc âm giới, chuyên môn phá-hoại. Thần thuộc dương gian, thích dùng thần-thông mà cạnh tranh với chúng ta. Thần tích-tụ phước-đức những đời trước, qui thì không.

“Ngăn trở”: dụ cho bị che phủ bởi kiến tư hoặc.

Chẳng bị nước xoáy giữ lại.

“*Nước xoáy*” làm xoay quanh, ám chỉ sự lười

biếng. Hoặc nếu có tinh tấn lại thiếu sự hướng-dẫn nên không tiến-bộ.

Nước xoáy làm cho chúng ta cảm thấy đang đi, nhưng chỉ xoay vòng tròn. Đây là bản tính của sự luân-hồi: kiếp này thăng thiên, kiếp sau đọa súc sanh: hoàn-toàn thiếu tự-chủ.

Cũng chẳng bị mục nát.

Nếu bị thấm ướt mà không mục: có đủ phước để hành-trình.

Gỗ mục tượng-trung cho người phạm giới, thiếu lòng tin Phật Pháp hoặc phi-báng Tam Bảo. Họ như gỗ bị mục nên không thể khắc dùng được.

Đối với người có trình-độ, không mục tượng trung có thể thâm-nhập pháp Vô vi.

Ta cam đoan rằng khúc gỗ này nhất định sẽ ra đến biển.

“*Biển*” biểu-tượng cho Phật tính mà chúng ta muốn hồi-phục lại. Bao lâu nay đã lưu-lạc, nay có thể trở về nhà tổ-tiên, nhập vào Chân Như.

Người học Đạo nếu chẳng bị tình dục làm mê hoặc, chẳng bị các thứ tà quỷ nhiễu, lại tinh tấn tu pháp Vô-vi; Ta cam đoan rằng người này tất sẽ đắc Đạo.

Chỉ cần đề ý như lời dạy, thì Phật cam-đoan

chúng ta sẽ đắc Bồ-đề.

Tóm lại, chúng ta nên:

1. Đề phòng việc tình dục. Nó chỉ làm chúng ta tối tâm.
2. Không chứa chấp tà kiến vì sẽ làm trật đường rầy.
3. Tinh-tấn tu hành, nhất là chú-tâm trồng phước vô-lậu với pháp Vô-vi.

Nếu như vậy thì đức Phật cam-đoan chúng ta “*tất sẽ đắc Đạo*”: sẽ chứng thánh vị.

Chương 28: ý Mã Mạc Túng
(Đừng Theo Con Ngựa ý Niệm)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: Thận vật tín nữ ý, nữ ý bất khả tín. Thận vật dữ sắc hội, sắc hội tức họa sanh. Đắc A-la-hán dĩ, nữ khả tín nữ ý.**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: Phải thận trọng, chớ tin ý ông; ý của ông không thể tin được. Phải thận trọng, chớ gần gũi sắc; gần gũi sắc tất sanh họa. Chứng được A-la-hán rồi mới có thể tin được ý ông.**

Lược giảng:

Trong chương thứ hai mươi tám này, tâm cũng giống như con ngựa hoang khó điều phục. Hơn nữa, nên xa lánh sắc. Sau cùng, không nên tin tâm trừ phi sau khi đắc A-la-hán.

Đức Phật dạy: Phải thận trọng, chớ tin ý ông. Ví dụ, tâm khéo-léo đến độ có thể nêu ra cả trăm lý-do để yêu người. Nhưng ngay sau khi bị cự tình thì cũng bàn ra một cách rất dễ-dàng.

Nói về tài chịu chuộng hay thuyết phục, ít ai khéo bằng thâm tâm.

Phật lại nhấn mạnh:

Ý của ông không thể tin được.

Phải thận trọng, chớ tin ý ông. Tâm ý của quý vị thì không đáng tin cậy, không thể tin nhiệm được. Không nên tin lý-luận của nó.

Phải thận trọng, chớ gần gũi sắc; gần gũi sắc tất sanh họa.

Và nhớ phải hết sức cẩn thận, đừng bao giờ mê đắm mỹ sắc. Nếu thân-cận với sắc ắt sẽ gặp họa.

Có một người đang hấp-hối trên giường. Bà vợ khóc-lóc mà hỏi: “Làm sao thiếp sống nếu thiếu tình thương của chàng! Vã lại, thằng con chúng ta, ai lo cho nó đây?” Ông ta khổ-não quá mà chết và sinh làm con bọ ở trong mũi của vợ. Bà vợ đang đau đớn và khóc ròng. Lúc đó có vị A-la-hán đến giúp. Con bọ chồng cũ bò ra. Bà vợ thấy được và dơ chân tính dẫm chết. Ngài La-hán ngăn lại, bảo bà ta đó là hiện thân của chồng. Bà vợ hỏi: Chồng tôi là Phật tử, lại giữ ngũ giới, làm sao lại bị đọa? Ngài A-la-hán giảng: đáng lý ra được thăng thiên nếu không bị ái tình làm hồ-đồ. Ngài giảng pháp cho con bọ. Khi con bọ xong kiếp thì được sinh lên trời.

Chuyện tình-dục làm chúng ta yếu sức. Có nhiều quá thì mau già. Hưởng thụ tình-dục phải trả giá cao như vậy.

Vậy thì chúng ta nên sống như người xuất-gia hay sao? Không cần, người xuất-gia chưa chắc thoát được chuyện tình-dục. Ai ai cũng cần biết rõ nguy-hiểm ở đâu mà tự quyết-định.

Chúng được A-la-hán rồi mới có thể tin được ý ông.

Vị Tứ quả A-la-hán đã đoạn các kiến và tư hoặc của Tam thế, nên đã khai huệ. Có thể bắt đầu tin được: Ngài đã diệt ngã nên không còn bị nó kèm-chế nữa.

Bàn về việc tu hành, Mạnh tử nói:

“Học vấn chi Đạo vô tha, cầu kì phóng tâm nhi dĩ
學問之道無他，求其放心而已 (Học Đạo không ngoài cầu cách giải-thoát cái tâm)”.

“Giải thoát” cũng như người chăn trâu. Ông ta “thả” trâu, cho bọn nó tùy hí rong chơi. Mặc dầu, không có người canh, trâu vẫn tự trở về chuồng. Giống như vậy, tâm của vị La-hán đã được giải-thoát và đắc tự-chủ.

Chương 29: Chánh Quán Địch Sắc

(Quán Tưởng Chân Chánh Thắng Được Sắc Dục)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: Thận vật thị nữ sắc, diệc mạc công ngôn ngữ. Nhược dữ ngữ giả, chánh tâm tư niệm: 'Ngã vị Sa-môn, xử u trực thể, đương như liên hoa, bất vị nê ô.'** Tưởng kỳ lão giả như mẫu, trưởng giả như tử, thiếu giả như muội, trĩ giả như tử, sanh độ thoát tâm, tức diệt ác niệm.

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: Hãy thận trọng, đừng nhìn nữ sắc, cũng đừng nói năng với họ. Nếu phải nói chuyện với họ, hãy chánh tâm tư niệm: 'Ta là bậc Sa-môn sống ở đời ô trực, phải như hoa sen chẳng bị bùn làm ô ứ.'** Tưởng người già như mẹ, người lớn như chị, kẻ nhỏ như em, đứa bé như con; rồi sanh lòng độ thoát thì mới diệt được ác niệm.

Lược giảng:

Trong chương thứ hai mươi chín đức Phật bàn về những cách ngăn ngừa chuyện tình-dục. Phải biết dùng pháp quán để đối trị lòng tham ái và tham dục.

Đức Phật dạy: Hãy thận trọng, đừng nhìn nữ sắc, cũng đừng nói năng với họ.

Lúc tôi còn làm sa di ở chùa Vạn Phật, nam nữ tuyệt không thân cận nhau và không nói chuyện riêng tư với nhau.

Nếu không nhìn phụ-nữ thì khỏi muốn nói chuyện với họ.

Nếu phải nói chuyện với họ thì đừng nhìn họ.

Người Tây phương có vẻ khó-chịu về điểm này. Người tu-sĩ ít khi nhìn thẳng vào mắt người đối-tượng khi nói chuyện. Họ thường thích nhìn nghiêng nghiêng thôi.

Có lần tôi đứng nói chuyện với một đệ-tử người Mỹ. Theo thói quen, tôi chỉ nhìn vai trái của cô. Cô ta từ từ xích qua phía trái để nhìn thẳng được vào mắt tôi. Tôi lại chuyển nhìn qua vai phải của cô. Cô ta lại xích qua phía tay phải. Thầy trò nói chuyện với nhau, mà xoay qua xoay lại giống như đang nhảy đầm!

Nếu phải nói chuyện với họ, hãy chánh tâm tư niệm:

Nếu phải nói chuyện với họ thì phải biết: giữ thái-độ chính đáng (tâm chính) và có tư-tưởng đàng-hoàng (không nên vọng tưởng).

'Ta là bậc Sa-môn sống ở đời ô trược, phải như hoa sen chẳng bị bùn làm ô ướ.'

Đừng quên chúng ta là người xuất-gia. Chúng ta chọn xa-lánh cuộc đời "ô trược".

Cõi Ta bà này là cõi ngũ trược (năm thứ đơ), có năm loại: Kiếp trược (kỳ kiếp), Kiến trược (thấy), Phiền não trược (mê dục), Chúng sanh trược, Mạng trược (mạng sống).

Người giỏi thì không bị hoàn-cảnh chế-ngự và tạo ảnh-hưởng xấu.

Khi tiếp-xúc với người, nên cẩn-thận và không để “*bị bùn làm ô ướ*”.

Tưởng người già như mẹ.

Nam thì nên xem những phụ nữ cao niên như mẹ, và nữ thì nên xem những người đàn ông già cả như cha.

Người lớn như chị, kẻ nhỏ như em.

Khi người nam gặp những người nữ trạc tuổi mình hoặc hơn mình một vài tuổi thì hãy xem họ như chị. Nếu nhỏ tuổi thua mình thì xem như em gái.

Không nên cười nhe răng, tâm luôn luôn giữ chánh niệm.

Đứa bé như con.

Nếu là trẻ con thì xem như con cái của mình.

Không nên đụng chạm hoặc quá thân thuộc. Hơn nữa, người xuất-gia cũng không được đụng ngay cả súc-vật (như vuốt chó, bông mèo).

Rồi sanh lòng độ thoát.

Và nên phát tâm cứu độ họ. Thay vì vọng-tưởng (tư lợi), phát tâm giúp họ (lợi tha).

Thì mới diệt được ác niệm.

Khi vọng tưởng khởi lên thì phải lập-tức dập-tắt nó. Ngưng cái tuột, không cho tuột thêm.

“*Ác niệm*” là gì? Đó là tư-tưởng dâm-dật.

Cố-gắng giữ chính-niệm và không được chạy theo vọng-tưởng.

Tất cả vọng-tưởng đã khởi thì sẽ tự diệt nếu không được tiếp-tế nhiên-liệu. Tiếp-tế nó tức là chụp và chạy theo vọng-tưởng, chỉ làm nó tăng-trưởng và cháy lan ra thôi.

Ai cũng biết việc này. Quan-trọng là biết giữ chính niệm.

Chương 30: Dục Hỏa Viễn Ly

(Lánh Xa Lửa Dục)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: Phù vi Đạo giả, như bị can thảo, hỏa lai tu tỵ. Đạo nhân kiến dục, tất đương viễn chi.**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: Người hành Đạo cũng giống như cỏ khô, lửa đến phải tránh. Người tu Đạo thấy sự dục lạc tất phải tránh xa.**

Lược giảng:

Chương thứ ba mươi khuyên người tu hành nên xa lánh lửa dục, để khỏi bị thiêu thân.

Đức Phật dạy: Người hành Đạo cũng giống như cỏ khô, lửa đến phải tránh.

“Cỏ khô” dụ cho lục dục tương ưng lục căn.

Lục trần ví như “lửa”.

Vì lục căn tiếp-xúc với lục trần nên lục dục phát sinh khởi.

“Tình” là ông chủ của thị phi.

Thất tình là:

1. Hi (喜)

2. Nộ (怒)
3. Ưu (憂)
4. Tư (思)
5. Bi (悲)
6. Khủng (恐)
7. Kinh (驚)

Lục dục chỉ sáu loại tham-dục:

1. Sắc dục (色欲)
2. Hình mạo dục (形貌欲)
3. Oai nghi dục (威儀欲)
4. Ngôn ngữ âm thanh dục (言語音聲欲)
5. Mịn trơn dục (細滑欲)
6. Nhân tướng dục (人相欲)

Nếu dung-túng những tình-dục thì coi chừng bị đốt cháy.

Người tu Đạo thấy sự dục lạc tất phải tránh xa.

Cho nên, “*sự dục lạc*” như lửa đến, phải biết tránh xa.

Nói cách khác: dục lạc hại việc tu hành.

Tu là để tịnh tâm. Người đời thường bị sóng dục giao-động, nên thiếu sáng-suốt.

Thời Đường có thiền sư tên là Đạo Lâm 道林. Ngài ở trên cây nên được danh là Điểu khóa thiền sư 鳥窠禪師 (tổ chim thiền sư).

Quan thủ-tướng nghe danh đến thỉnh giáo. Thiền

sư đang nằm treo ngược trên cành cây.

Quan nói: “chỗ ở của thầy có vẻ hơi nguy-hiểm!”

Thiền-sư đáp: “Đại quan còn bị nguy-hiểm hơn bản tăng”.

Quan hỏi: “Đệ-tử đang ở thấp, tại sao lại ngại nghèo hơn?”

Thiền sư đáp: “Cỏ khô và lửa gần nhau như vậy, thường chạy theo tình-dục, ngài không nghĩ là nguy-hiểm sao?”

Khi đạt tới Sơ thiền, chúng ta không còn ưu-tư về đồ ăn, sắc dục và ngủ nghỉ mà hưởng thiền lạc. Đây là cơ-hội đầu-tiên chúng ta thể-hội được cái sướng trong sự thoát-ly Dục giới. Mặc dầu thiền tông không coi Sơ thiền là thiền định nhưng đó là một sự kiện quan trọng trong việc tu hành. Một khi đạt được sơ thiền, người tu sẽ có rất nhiều cơ-hội thăng-tiến.

Trừ phi ngã và cảnh đều không, tốt hơn hết nên tu hạnh viễn ly: lánh xa lửa dục!

Chương 31: Tâm Tịch Dục Trừ
(Tâm Vắng Lặng, Dục Vọng Dứt)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: Hữu nhân hoạn tâm bất chỉ, dục tự đoạn âm. Phật vị chi viết: 'Nhược đoạn kỳ âm, bất như đoạn tâm. Tâm như Công-tào, Công-tào nhược chỉ, tùng giả đô tức. Tà tâm bất chỉ, đoạn âm hà ích?' Phật vi thuyết kệ:**

Dục sanh ư nhữ ý,

ý dĩ tư tưởng sanh.

Nhị tâm các tịch tịnh,

Phi sắc diệt phi hành.

Phật ngôn: Thử kệ thị Ca-Điếp Phật thuyết.

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: Có người không ngừng được lòng tâm dục, muốn tự đoạn âm. Phật bèn bảo rằng: 'Đoạn âm không bằng đoạn tâm. Tâm như vị xếp; nếu xếp nghỉ, thì kẻ tòng sự đều nghỉ. Tà tâm chẳng dứt, đoạn âm ích gì?'**

Đức Phật vì đó mới nói bài kệ:

Dục sanh từ ý ông,

ý do tư tưởng sanh.

Cả hai tâm tịch tịnh,

Phi sắc cũng phi hành.

Đức Phật dạy: Bài kệ này là do Đức Phật Ca-Điếp nói.

Lược giảng:

Chương thứ ba mươi một nêu ra: việc đoạn trừ dục vọng bắt đầu từ tự tâm. Dục vọng vốn sanh từ ý; ý thì do tư tưởng mà có. Truy-đuổi ra nguồn gốc của tư-tưởng thì sẽ khám-phá ra nơi mà tâm tĩnh.

Đức Phật dạy: Có người không ngừng được lòng dâm dục, muốn tự đoạn âm.

Có nhà sư điên tiết vì lòng dâm dục không ngừng khởi lên. Bèn quyết-định muốn cắt bỏ nam căn!

Phật bèn bảo rằng: 'Đoạn âm không bằng đoạn tâm.

Như vậy thì đỡ đau đớn hơn là cắt thân. Tốt nhất là nên giải-quyết ở nguồn-cội.

Vấn-đề ở tâm chứ thật không phải ở thân!

Tâm như vại xếp; nếu xếp nghỉ, thì kẻ tòng sự đều nghỉ.

Tâm ví như ông xếp cầm đầu các công nhân. Xếp mà thôi làm, thì những thuộc hạ cũng đều ngừng cả.

Xếp mà cho phép thì người dưới quyền tha-hồ!

Tà tâm chẳng dứt, đoạn âm ích gì?

Cắt thân mà không cắt tâm thì tâm vẫn không ngừng tác quái.

Dầu không còn nam căn, vọng-tưởng vẫn không ngừng.

Đức Phật vì đó mới nói bài kệ:

Dục sanh từ ý ông,

ý do tư tưởng sanh.

Cả hai tâm tịch tĩnh,

Phi sắc cũng phi hành.

“*Kệ 偈*” là thơ; mỗi câu có thể gồm bốn, năm, sáu hoặc bảy chữ; hoặc có vần hoặc không vần. Bốn câu thơ hợp thành một kệ.

“*Dục sanh từ ý ông,*”

“*Ý 意*” chỉ đệ lục thức, thường được gọi là óc. Cái óc này được gắn nhãn hiệu ở chương trước là “không thể tin được”.

“*ý do tư tưởng sanh*”

“*Tư-tưởng 思想*” sinh ý.

Theo Duy thức học, tư-tưởng gồm hai yếu-tố: tư 思 và tưởng 想. Tưởng 想 là sự nhận-thức của các trần mà lục căn đem vào. Tư 思 là quyết-định (là cái gì).

“*Cả hai tâm tịch tĩnh,*”

Cả hai khía cạnh của tâm: tư và tưởng đều ngừng (vắng lặng 寂靜).

“*Phi sắc cũng phi hành.*”

Các hành vi dục niệm đều không còn. Không còn bị sắc dục làm mê hoặc.

Đức Phật dạy: Bài kệ này là do Đức Phật Ca-Diếp nói.

“*Phật Ca-Diếp*” là vị Phật thứ sáu của bảy vị Phật đã xuất-hiện trong Hiền Kiếp. Ngài đến trước Phật Thích Ca. “Ca-Diếp” nghĩa là “ẩm quang 飲光”: ánh sáng của Ngài sáng như có thể uống mất ánh sáng mặt trời và mặt trăng.

Quan-trọng là phải biết dụng tâm. Luận tạng nói: “Khi tâm động, vạn sự sinh; khi tâm diệt, vạn sự diệt”.

Câu chuyện có thật. Lúc đức Thế-tôn ở Vườn Cô-Độc, có một vị tỳ-kheo thành-tâm muốn tu hành. Tính tình thầy rất bông-bộ và lòng dâm-dục rất nặng. Nghe dạy rằng cần phải đoạn tâm dâm dục nhưng thấy bản thân cứ bị dâm dục dày xéo, ông ta mượn dao tính cắt nam căn. Đức Phật đến giảng pháp cho thầy. Thầy hiểu, bỏ ý-định và sau này đắc A-la-Hán.

Khi vọng tưởng khởi, quý-vị không được chạy theo. Mỗi lần đuổi theo là lót thêm đường để nó càng tung-hoành thêm lần sau. Nếu biết không chạy theo thì đang lắng tâm. Mong quý-vị ghi nhớ!

Chương 32: Ngã Không Bố Diệt
(Không Còn Cái Ngã Thì Hết Sợ Hãi)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: Nhân tòng ái dục sanh ưu, tòng ưu sanh bố. Nhược ly ưu ái, hà ưu hà bố ?**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: Người vì ái dục mà sanh lo, vì lo mà sanh sợ. Nếu lìa ái thì còn gì để lo, còn gì để sợ?**

Lược giảng:

Chương thứ ba mươi hai được trích ra từ Kinh Đại Niết Bàn, phẩm Thánh hạnh. Chúng ta lo sợ vì có ái dục. Nếu cắt đứt được ái dục thì sẽ không còn lo sợ nữa.

Đức Phật dạy: Người vì ái dục mà sanh lo, vì lo mà sanh sợ.

Khi theo đuổi ái dục, thì không khỏi lo âu. Lo âu lại sinh ra sự sợ hãi. Tại sao? Lo là một loại khổ. Khổ đem lại sợ.

Như người mới mua xe đẹp.

Xe mới đem lại thỏa-mãn và hãnh-diện. Chúng ta không khỏi khởi tâm thích-thú khi người láng giềng nhìn xe với con mắt thèm-thuồng.

Rồi, quý-vị lại cảm thấy lo xe bị móp khi đậu trong parking lot.

Nếu lia ái thì còn gì để lo, còn gì để sợ?

Nếu cắt đứt hoặc chuyển hóa được ái dục, thì có gì khiến quý vị phải nơm nớp, phập phồng nữa đâu? Chịu buông bỏ là hết lo sợ!

Con người có bảy loại lo âu 七種憂慮:

1. Thân lực 身力: lo có chu-đáo chưa? Thân còn sức không?
2. Thọ mạng 壽命: muốn sống lâu dài
3. Tật bệnh 疾病: bệnh bất kỳ, tức tức tới, làm đau khổ
4. Tội ác 罪惡: làm chúng yếu về tinh-thần và tâm-linh.
5. Ương họa 殃禍: tạo tổn hại
6. Biệt ly 別離: xa cách người thương
7. Tử vong 死亡: đi mà không trở lại được.

Có năm loại sợ 五種恐怖:

1. Bất hoạt 不活: không sống, chắc là đứng hàng đầu về sự lo sợ.
2. Ác danh 惡名: ai mà không sợ bị chê bai và từ bỏ?
3. Đại chúng oai đức 大眾威德:
4. Tử vong 死亡.
5. Đọa ác Đạo 墮惡道: rớt rồi thì khó thoát, khổ thì trường kiếp.

Không tử nói:

“Trí giả bất hoặc, nhân giả bất ưu, dũng giả bất cự
智者不惑，仁者不憂，勇者不懼 (người có trí-huệ không hồ-đồ, người nhân ái không lo âu, người dũng cảm không biết sợ)”.

Chương 33: Trí Minh Phá Ma

(Trí Huệ Và Sự Sáng Suốt Phá Tan Chúng Ma)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: Phù vi Đạo giả, thí như nhất nhân dữ vạn nhân chiến. Quả khải xuất môn, ý hoặc khiếp nhược, hoặc bán lộ nhi thôi, hoặc cách đấu nhi tử, hoặc đắc thắng nhi hoàn. Sa-môn học Đạo, ung đương kiên trì kỳ tâm, tinh tấn dũng nhuệ, bất úy tiền cảnh, phá diệt chúng ma, nhi đắc Đạo-quả.**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: Người hành Đạo ví như một người chiến đấu với muôn người; mang giáp ra cửa, hoặc có ý khiếp nhược, hoặc nửa đường rồi lui, hoặc chống đấu đến chết, hoặc đắc thắng mà về.**

Bậc Sa-môn học Đạo phải giữ lòng bền vững, tinh tấn và dũng mãnh, chẳng sợ cảnh trước, phá diệt bọn ma, chứng được Đạo-quả.

Lược giảng:

Trong chương thứ ba mươi ba, chúng ta học được thêm một lý-do tại sao cho vô-úy là một trong tam bổ-thí.

Người tu hành nên dùng tam vô-lậu học là Giới, Định, Huệ và nhất tâm tinh-tấn tu hành.

Đức Phật dạy: Người hành Đạo ví như một người chiến đấu với muôn người;

Tu hành là như lấy một chọi 100,000. “*Muôn người*” dụ cho vô-lượng kiến hoặc và tư hoặc.

Trong việc tu hành, ai cũng phải đơn thương độc mã mà ra trận. Không thể nào chạy và núp được. Trước sau cũng phải cố-gắng vượt qua cơn thử-thách.

Rất may là như lính, người tu Đạo cũng được huấn-luyện và trợ-giúp.

Mang giáp ra cửa.

“*Mang giáp*”: thời xưa dùng áo giáp để bảo-vệ thân-thể.

Nếu có thể thọ trì giới luật thanh tịnh, thì chẳng khác nào người chiến sĩ được trang bị áo giáp và nón sắt. Càng giữ giới gắt gao thì sự bảo vệ càng mạnh hơn. Đây chính đi ngược lại quan-niệm thông-thường về giới-luật: bên ngoài có vẻ rất gò-bó nhưng thật ra có năng-hiệu bảo-vệ chúng ta.

“*Ra cửa*” dụ cho dẫn vào chỗ xa lạ. Chinh-phục đất mới không khác gì tâm được thêm tự-chủ.

Hoặc có ý khiếp nhược.

Người ấy khiếp sợ. Đây là tại vì thiếu giới lực 戒力.

Người này cần nhiều sự ủng-hộ hơn!

Hoặc nửa đường rồi lui.

Nửa đường mà bỏ cuộc.

Đó là vì thiếu lòng tin. Lòng tin được với tinh-tấn. Vì tinh-tấn tu mà được nhiều cảm-ứng, làm tăng-trưởng lòng tin.

Không thối lui tượng trưng cho Định lực 定力.

Hoặc chống đầu đến chết.

Có thể khi tu hành mà bị thất bại.

“*Chết*” nghĩa là bỏ cuộc, không dám tu nữa.

Hoặc đắc thắng mà về.

Thắng là nhờ đủ huệ-lực 慧力, nên đắc quả.

Không có gì nhất định. Đôi khi giặc quá mạnh nên chúng ta bị đả bại. Đôi khi thiếu kiên-tâm mà tiếp-tục phân-đấu, thì có thể chiến-thắng. Trở về trong vinh-quang lẫm-liệt.

Bậc Sa-môn học Đạo phải giữ lòng bền vững, tinh tấn và dũng mãnh

“*Sa-môn*” là người xuất-gia. Họ đang đấu-tranh cho huệ mạng.

“*Giữ lòng bền vững*” trước đây kinh gọi là giữ chí, mặc dầu khó-khăn đến đâu cũng không sờn lòng.

“*Tinh tấn 精進*” tinh là không loạn xạ; tấn là không lùi. Vậy nghĩa là nhất tâm tiến tới.

“*Dũng 勇*” là không nhút nhát hoặc sợ. Đời xưa,

có những đại tướng khôn ngoan, họ đốt thuyền sau khi vượt biển nên các binh-sĩ chỉ còn tiến không thể thối nữa. Dũng cảm là không có một tư-tưởng rút lui.

“*Duệ 銳*” có hàm ý sắc bén, có thể cắt qua chướng-ngại.

Muốn thắng thì phải có chí khí, phải sẵn-sàng trả giá rất đắt. Thật cần có trí-huệ để dồn quân đúng chỗ.

Chẳng sợ cảnh trước.

Lòng phải biết hoan-nghinh chướng ngại và không biết sợ.

Một ông trọc-phú nói: “Người ta thấy khó-khăn, còn tôi lại thấy cơ-hội”.

Phá diệt bọn ma.

Đánh bại đủ loại ma:

1. Thiên ma: trụ ở tầng trời thứ sáu của Dục giới. Họ có đại thần-thông và rất ác. Họ nhất định muốn hãm-hại chúng ta.

2. Tử ma: đem cái chết lại.

3. Phiền-não ma: chuyên tạo phiền-não như tham, sân, si, điên.v.v.

4. Âm ma: chuyên tấn-công người có trình-độ cao. Nên cẩn-thận!

Chúng ta cần tu bổ-thí vô úy để tích-tụ phước vô úy. Trong tương-lai thì có thể dùng phước đó mà tu. Nếu không bỏ cuộc vì sợ thì sẽ chứng Bồ-Đề.

Chúng được Đạo-quả.

Như A-la-hán, Bồ tát v.v.

Đức Phật đã bại ma quân mà thành Đạo nên được gọi là Đại (Anh) Hùng 大雄.

Chương 34: Xử Trung Đắc Đạo

(Giữ Trung Dung Tất Đắc Đạo)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Sa-môn dạ tụng Ca-Điếp Phật Di-Giáo Kinh, kỳ thanh bi khẩn, tư hồi dục thối.**

Phật vấn chi viết: Nhữ tích tại gia, tăng vi hà nghiệp? Đối viết: Ái đàn cầm.

Phật ngôn: Huyền hoãn như hà? Đối viết: Bất minh hỷ.

Huyền cấp như hà? Đối viết: Thanh tuyệt hỷ.

Cấp hoãn đắc trung như hà? Đối viết: Chư âm phổ hỷ.

Phật ngôn: Sa-môn học Đạo diệc nhiên. Tâm nhược điều thích, Đạo khả đắc hỷ. Ư Đạo nhược bạo, bạo tức thân bì; kỳ thân nhược bì, ý tức sanh não; ý nhược sanh não, hành tức thối hỷ; kỳ thành ký thối, tội tất gia hỷ. Dẫn thanh tịnh an lạc, Đạo bất thất hỷ.

Dịch Nghĩa: **Sa-môn ban đêm tụng kinh Di-Giáo của Phật Ca-Điếp, giọng nghe có vẻ buồn khẩn, hồi hận muốn thối.**

Đức Phật hỏi thầy: Trước kia, ông ở nhà từng làm nghề gì?

Đáp rằng: Thưa, con thích gảy đàn cầm.

Phật hỏi: Dây đàn chùng thì sao? Đáp rằng: Thưa, thì không rền vang được.

Dây đàn căng thì sao? Đáp rằng: Thưa, thì âm thanh đứt đoạn.

Chùng, căng vừa chùng thì sao? Đáp rằng: Thưa, thì âm thanh phổ khắp.

Đức Phật dạy: Bậc Sa-môn học Đạo cũng thế. Tâm, nếu giữ chùng mực thì Đạo có thể đắc. Đối với Đạo, nếu hấp tấp thì thân mỗi mệ; thân nếu mỗi mệ thì ý liền sanh phiền não; ý nếu sanh phiền não thì hành liền thối; hành đã thối thì tội tất thêm. Chỉ có thanh tịnh, an lạc thì Đạo mới không mất vậy!

Lược giảng:

Tu Đạo không thể quá lộ: cần biết điều phục thân và tâm một cách khéo léo; không nên quá hoãn hoặc quá căng. Đừng ham chóng thành đạt cũng không nên quá chậm.

Khổng Tử nói: tiến tới càng nhanh, thì thối lui càng chóng 其進銳者其退速!

Sa-môn ban đêm tụng kinh Di-Giáo của Phật Ca-Điếp.

Tu-sĩ thường tụng kinh buổi tối.

Lúc trước, sa-môn dùng cơm trước Ngọ, buổi chiều nghe Pháp, buổi tối đọc tụng kinh điển (前半

夜讀誦經典), trung gia nghi ngoi (中夜養息) và hậu gia tu thiên (後夜修禪定).

Khi Phật Ca-Điếp xuất-thế, Phật Thích Ca đang làm Hộ Minh Bồ Tát 護明菩薩. Mặc dầu Pháp của Phật Ca-Điếp đã biến mất trong cõi Ta Bà này, Phật Thích Ca vẫn có thể biết và đem lại trong thời-đại nay.

Cũng như Đức Phật Ca-Điếp, trước khi nhập Diệt, Đức Phật Thích Ca cũng lưu lại “Di giáo”.

Giọng nghe có vẻ buồn khấn, hỏi hận muốn thôi.

Thầy cảm thấy rất hổ thẹn và ân hận vì tư-tưởng muốn bỏ cuộc nặng trĩu trong tâm. Thầy muốn hoàn-tục.

Đức Phật hỏi thầy: Trước kia, ông ở nhà từng làm nghề gì?

Đáp rằng: Thưa, con thích gảy đàn cầm.

Đức Phật biết ý nên đến khuyên thầy, hỏi: Trước khi xuất-gia, ông ở nhà từng làm nghề gì? Thầy đáp: Thưa, con thích gảy đàn cầm.

Phật hỏi: Dây đàn chùng thì sao? Đáp rằng: Thưa, thì không rền vang được.

Dây đàn buộc lỏng, bị chùng, thì gảy không ra tiếng âm nhạc.

Dây đàn căng thì sao? Đáp rằng: Thưa, thì âm thanh đứt đoạn.

Dây đàn căng thì tiếng nhạc không thể vang.

Chùng, căng vừa chùng thì sao? Đáp rằng: Thưa, thì âm thanh phổ khắp.

Chùng, căng vừa chùng thì tiếng nhạc sẽ rền vang khắp nơi, nghe rất hay!

Đức Phật dạy: Bậc Sa-môn học Đạo cũng thế. Tâm, nếu giữ chừng mực thì Đạo có thể đắc.

Cũng như thế, bậc sa-môn mà biết tu chừng-mực tất sẽ đắc Đạo.

Đối với Đạo, nếu hấp tấp thì thân mỗi mệt; thân nếu mỗi mệt thì ý liền sanh phiền não.

Nếu nôn nóng, hấp tấp thì thân bị mỗi mệt và sinh phiền-não.

Tôi gặp một vị thầy trẻ đang chữa bệnh tại văn-phòng bác-sĩ. Mỗi ngày thầy lạy Phật hơn cả ngàn lạy. Như thế là hơi quá đáng, nhất là vì chưa biết phương-pháp lạy Phật. Nên cần trị bệnh!

Thân nếu mỗi mệt thì ý liền sanh phiền não.

Tu hành trở thành quá khổ sở, không còn lạc thú

nữa.

Cái khổ của sự bỏ cuộc là làm cho họ hay đổ lỗi. Thất bại là vì không biết cách tu, lại trách thầy hoặc bạn!

Hành đã thối thì tội tất thêm.

Thối lui đương nhiên sẽ tạo thêm tội.

Tại sao?

Người xuất-gia giữ nhiều giới và ở trong môi-trường thanh-tịnh hơn người tại-gia. Vì thế mà tu-sĩ ít tạo nghiệp hơn.

Chỉ có thanh tịnh, an lạc thì Đạo mới không mất vậy!

Giữ giới cho “*thanh tịnh*”, tu-luyện cho tâm được “*an lạc*”, sẽ chứng được Đạo!

Đây là để cảnh-tỉnh người mới vào tu. Không nên cực-đoan: tránh quá gấp (thiếu kiên-nhẫn) và cũng không nên quá chậm (thích lười biếng). Không quá nhanh cũng không quá chậm thì sẽ không mất Đạo.

Pháp sư Diệu Khâm 妙欽 nói:

“Xuất-gia một năm: Phật ở trước mắt 出家一年，佛在眼前；

Xuất-gia hai năm; Phật tại lưng trời 出家兩年，佛在半天；

Xuất-gia ba năm; Phật quy Tây thiên 出家三

年，佛歸西天”。

Sa-môn mới tu thì rất hăng-hái như đức Phật đang cùng tu. Sau hai năm thì mới thấy là không phải dễ và bắt đầu thôi chí: cách Phật còn xa (như trên trời). Sau ba năm thì càng thêm vỡ mộng: cũng như đức Phật đã đi về Tây Phương Cực Lạc rồi (cách xa cõi này cả mười tỷ thế-giới!).

Sau khi nghe Phật thuyết pháp, vị tỳ-kheo không hoàn-tục và tiếp-tục tu. Cuối cùng thầy đắc A-la-hán. Chuyện này trích từ Tạng A-Hàm.

Chương 35: Cấu Tịnh Minh Tồn

(Tẩy Sạch Cấu Bản, Chỉ Còn Vẻ Sáng)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: Như nhân đoàn thiết, khứ chỉ thành khí, khí tức tinh hảo; học Đạo chỉ nhân, khứ tâm cấu nhiễm, hành tức thanh tịnh hỷ.**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: Như người luyện sắt loại bỏ chất cặn rồi làm thành đồ dùng thì đồ dùng được tinh hảo; người học Đạo từ bỏ tâm cấu nhiễm thì hạnh liền thanh tịnh vậy.**

Lược giảng:

Đây là chương thứ ba mươi lăm. Ý-nghĩa là vẻ sáng và cấu nhuộm không thể cùng tồn-tại.

Đức Phật dạy: Như người luyện sắt loại bỏ chất cặn rồi làm thành đồ dùng thì đồ dùng được tinh hảo.

Đồ dùng tinh hảo cần vật-liệu tốt. Muốn có vật-liệu tốt thì có thể dùng lửa cao-độ để thiêu-đốt chất cặn.

Cũng như lúc tu thiền mà biết theo phương-pháp xếp bằng. Cái đau chân và đau lưng cũng như lửa cao-độ, sẽ biến chân quý-vị thành vật-liệu cao-cấp.

Người học Đạo từ bỏ tâm cầu nhiễm.

Bước đầu của tam vô-lậu học là tu giới. Trong thời mạt Pháp này, ít ai hiểu sự quan-trọng của giới, vì thế mà bị thiếu căn-bản và việc tu-hành nhiều bấp-bênh.

Cầu nhiễm trong tâm tạo chướng ngại cho việc tu-hành. Nếu tâm không được thanh-tĩnh thì quý-vị không phải là một pháp khí tốt. Vậy không nên trách thầy không dạy: nghe qua tai này thì chạy tuột ra tai kia.

Tôi có một người bạn tu theo Đạo giáo. Ông ta rất có tài. Như số lớn người Á-Đông, ông cũng tin Phật giáo. Bữa nọ ông đến nhà chơi thì hoa sau vườn đang trở rất đẹp. Khi nghe nói có một hoa màu quái lạ thì ông ta lập tức chú-tâm vào nó và hoàn-toàn không để-ý đến các hoa đẹp khác. Mặc dầu đã đọc nhiều kinh sách Phật giáo và được thân-cận nhiều cao-tăng, ông ta có rất nhiều tà-kiến và rất ngạo. Chuyên môn méo mó xuyên tạc các giáo-lý theo các tà-kiến!

Thì hạnh liền thanh tịnh vậy.

Trước phải đổ sạch rác (garbage dumping) mới có thể bắt đầu làm đầy pháp khí.

Nếu trình-độ còn thấp thì chưa sao. Nhưng càng tiến-bộ thì phải cần bỏ các tà-kiến và tư-tưởng sai-lầm.

Vì vậy mà tôi coi trọng phẩm-chất hơn số-lượng (quality over quantity). Lúc nghiên-cứu kinh-điển thì

rất bảo-thủ: chỉ nghiên-cứu lời thánh-nhân và tổ-su
thay vì theo vị có danh-tiếng.

Đắc được Đạo vì biết thanh-tịnh tự tâm.

Chương 36: Triển Chuyển Hoạch Thắng

(Sự Chuyển Đổi Thù Thắng)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: Nhân ly ác đạo, đắc vi nhân nan; ký đắc vi nhân, khứ nữ tức nam nan; ký đắc vi nam, lục căn hoàn cụ nan; lục căn ký cụ, sanh trung quốc nan; ký sanh trung quốc, trực Phật thể nan; ký trực Phật thể, ngộ Đạo giả nan; ký đắc ngộ Đạo, hưng tín tâm nan; ký hưng tín tâm, phát Bồ-đề tâm nan; ký phát Bồ-đề tâm, vô tu vô chứng nan.**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: 1) Người lìa ác đạo, được làm người là khó; 2) đã được làm người, bỏ thân nữ được thân nam là khó; 3) đã được thân nam, sáu căn đầy đủ là khó; 4) sáu căn đã đủ, được sanh ở trung quốc là khó; 5) đã sanh ở trung quốc, gặp Phật tại thế là khó; 6) đã gặp Phật tại thế, lại được gặp Đạo là khó; 7) đã được gặp Đạo, lại sanh lòng tin là khó; 8) đã sanh lòng tin, lại phát tâm Bồ-đề là khó; 9) đã phát tâm Bồ-đề, mà đến vô tu, vô chứng là khó.**

Lược giảng:

Chương thứ ba mươi sáu nêu chín sự khó khăn, sau thì nặng hơn trước. Tu Đạo thật nhiều trắc-trở!

Bốn sự khó đầu là quả báo thế-gian: chủ nợ đời

trước tìm đến đời. Năm khó cuối là quả báo xuất-thế.

Đức Phật dạy:

1) Người lia ác đạo, được làm người là khó.

Tam ác đạo (ba đường ác) là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Thoát khỏi ba đường ác và được sanh làm người là điều không phải dễ!

Một khi bị đọa ác đạo thì phải chịu cực thống-khổ lâu không xiết. Sau khi chết “tự-động” tái sinh lại trong cõi đó cả vạn trăm triệu đại kiếp. Rất lâu mới có thể sinh vào lại cõi người.

Có một ví-dụ cho sự khó-khăn của được thân người. Khó như “mù qui phù mộc, con rùa mù trôi lên mặt biển qua lỗ ván 盲龜浮木”. Con rùa này chỉ trôi lên mặt biển một lần mỗi trăm năm. Nó lại mù mà có thể ngóc đầu qua cái lỗ nhỏ của tấm ván đang nổi trên mặt biển. Việc này còn khó hơn trúng số độc đắc nhiều!

2) Đã được làm người, bỏ thân nữ được thân nam là khó.

Được làm người là khó, nhưng được làm người nam (thay vì người nữ) thì lại càng khó hơn nữa!

Ở Mỹ quốc, người phụ-nữ có nhiều lợi hơn, nhưng tại các quốc-gia khác, phần lớn đàn-bà đều bị lệ-thuộc vào phái nam.

Kinh Niết Bàn nêu ra mười bất lợi của người đàn-

bà:

1. Lúc sinh, cha mẹ không bằng lòng 父母不喜.
2. Trông nom không gì thú-vị 視無滋味.
3. Tâm thường lo sợ 心常畏人.
4. Lo gả chồng 父母憂嫁.
5. Sẽ bỏ cha mẹ đi 父母生離.
6. Sợ vui buồn của chồng 畏夫喜怒.
7. Sinh sản khó-khăn 懷產甚難.
8. Phải bị chặn giữ lúc nhỏ 少為父母管束.
9. Bị chồng cấm chế 中為夫婿禁制.
10. Già thì sợ con cháu la 老為兒孫所訶.

Người quân tử:

1. Thân-cận thiện tri thức.
2. Học Chính Pháp.
3. Quán giáo-lý.
4. Theo Pháp mà tu.

Bất kỳ nam hay nữ, ai cũng có Phật tính. Phật và Bồ Tát hoàn-toàn không trọng nam khinh nữ. Nếu thấy được Phật tính thì là nam dầu mang thân nữ.

3) Đã được thân nam, sáu căn đầy đủ là khó;

Tuy nhiên, làm người mà có được sáu căn đầy đủ lại không phải dễ.

Sáu căn tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Đầy đủ lục căn thì thuận-tiện cho việc tu hành hơn. Thí như mắt không thấy thì khó đọc kinh hoặc tự đi chùa.

Những chúng sinh từ tam ác đồ đến nhân gian thường bị lục căn không đầy đủ.

4) Sáu căn đã đủ, được sanh ở trung quốc là khó.

“*Trung quốc*” tượng-trung cho nơi có đầy đủ phương-tiện.

Ở Trung-Hoa, dân chúng sinh sống tại bốn miền gần ranh giới chung quanh quốc gia bị coi thường và gán cho cái tên là Nam man, Bắc mạch (Bắc dịch), Đông di, Tây nhung. Người ở phương nam thì được gọi là “man tử (kẻ dã man, thô lỗ)”, ở phương bắc thì được gọi là “mạch (mọi)”, ở phương đông thì được gọi là “di nhân”, ở phương tây thì được gọi là “nhung nhân (rợ)”. Đó là theo sự phân chia trong nước Trung-Hoa, và những khu vực ấy bị xem là vùng “biên địa hạ tiện”. Muốn được sanh vùng trung quốc gia thì cần nhiều phước hơn.

Nghĩa rộng “trung quốc” là nơi có thể gặp Phật giáo.

5) Đã sanh ở trung quốc, gặp Phật tại thế là khó.

Đã được sanh ra ngay tại trung quốc, mà lại còn được lúc có Phật xuất thế là chuyện không phải dễ. Thời đó cuộc sống thoải-mái và sung-túc hơn bây giờ nhiều. Phật đến đâu thì nước phồn-thịnh thêm.

Hơn nữa, kẻ có căn-cơ tu hành mà được Phật hướng-dẫn thì rất chóng thành Đạo.

Đời nay, chúng ta bị sinh vào Phật hậu thế. Đây là một trong bát nạn.

6) Đã gặp Phật tại thế, lại được gặp Đạo là khó.

Ngay lúc Đức Phật ở thành Kỳ vệ, nhận sự cúng-dường của các vua. Ở thủ-đô này, một phần ba dân chúng gặp được Ngài, một phần ba dân chúng chỉ nghe danh Ngài và một phần ba dân chúng không nghe được đến tên Ngài.

7) Đã được gặp Đạo, lại sanh lòng tin là khó.

Mặc dù đã gặp và học được Phật Pháp, đã thấu suốt được các pháp môn tu Đạo rồi, mà nếu có thể khởi lòng tin nữa thì không phải dễ.

Nếu gặp được Đạo, nhưng không tu hành, và không có lòng tin thì cũng chẳng khác gì chưa bao giờ gặp vậy.

Tại sao cần phát tín tâm? Thiếu lòng tin không khác biết nhai mà không chịu nuốt.

Có hai loại người khó khởi tín tâm:

1. Có tà kiến.
2. Thông minh và có biện tài.

8) Đã sanh lòng tin, lại phát tâm Bồ-đề là khó.

Sanh khởi tín tâm là khó, nhưng rồi muốn phát tâm Bồ-đề lại càng khó hơn!

“*Phát tâm Bồ-Đề*” là nguyện thành Phật. Như các vị La-hán: họ nghĩ là đắc vị là quá đủ nên Bồ Tát Đạo thì còn quá mơ-hồ!

Bốn việc khó tin:

1. Chân Như là nguồn gốc của các pháp.
2. Đức Phật có vô lượng công-đức.

3. Phật Pháp có đại lợi-ích.
4. Có thể tin tăng đoàn.

9) Đã phát tâm Bồ-đề, mà đến vô tu, vô chứng là khó.

Phát tâm Bồ-đề rồi tu đến cảnh giới không còn gì để tu, không còn gì để chứng thì lại càng khó khăn hơn nhiều!

Tâm Bồ-đề (Khởi tín luận) gồm ba:

1. Trực tâm
2. Thâm tâm
3. Đại bi tâm

Bốn đại nguyện của Bồ-đề:

1. Chúng sinh vô biên thề nguyện độ.
2. Phiền-não vô-tận thề nguyện đoạn.
3. Pháp môn vô lượng thề nguyện học
4. Phật Đạo vô thượng thề nguyện chứng.

“*Vô tu vô chứng*” tức là giác ngộ: đã tu xong rồi, đã thông-đạt chân lý.

Lúc đó họ vẫn tu nhưng không còn coi đó là tu nữa: sống là tu. Phạm phu chúng ta thì cần tu để mà sống.

Và họ cũng không còn thấy có gì, luôn cả Phật vị, để cần chứng nữa.

Chương 37: Niệm Giới Cận Đạo
(Nhớ Nghĩ Đến Giới Là Gần Với Đạo)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: Phật tử ly ngô số thiên lý, ức niệm ngô giới, tất đắc Đạo quả. Tại ngô tả hữu, tuy thường kiến ngô, bất thuận ngô giới, chung bất đắc Đạo.**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: Phật tử ở cách Ta vài ngàn dặm mà ý niệm đến Giới của Ta, tất sẽ đắc Đạo quả; còn ở ngay bên phải bên trái Ta, tuy thường thấy Ta, nhưng chẳng y theo Giới của Ta, thì rất cuộc sẽ không đắc được Đạo.**

Lược giảng:

Chương thứ ba mươi bảy này cho thấy rằng thân ta tuy xa Phật nhưng trong tâm luôn luôn tưởng niệm Ngài thì không khác gì ở bên cạnh Ngài. Giữ giới là thật sự tin Phật.

Đức Phật dạy: Phật tử ở cách Ta vài ngàn dặm mà ý niệm đến Giới của Ta, tất sẽ đắc Đạo quả.

Những đệ tử của Phật mà ở cách Ngài rất xa đi nữa, nếu có thể luôn luôn ghi nhớ, không bao giờ quên nghĩ đến giới luật, và hành trì đúng theo giới luật, thì họ nhất định sẽ chứng được quả-vị trong việc

tu Đạo.

Còn ở ngay bên phải bên trái Ta, tuy thường thấy Ta, nhưng chẳng y theo Giới của Ta, thì rốt cuộc sẽ không đắc được Đạo.

Ở ngay bên cạnh thầy thì càng phải tu theo giới. Mặc dù họ luôn luôn gặp Phật mà không chịu gia-công tu hành thì không thể nào chứng được Đạo.

Giới Tạng có câu chuyện rất nổi tiếng.

Thuở trước, có hai thầy Tỳ-khưu ở nước Ba-la-nại (Varanasi) muốn đến nước Xá-vệ (Shravasti) để bái kiến Đức Phật: đường đi bộ rất khó khăn và xa xôi. Qua sa-mạc, họ sắp chết khát thì bỗng thấy đằng trước có một chút nước đọng trong một cái sọ người! Một thầy Tỳ-khưu liền chụp lấy cái sọ và bung lên uống, rồi đưa cho thầy kia. Thầy Tỳ-khưu này vì thấy đó là nước đọng trong sọ người có rất nhiều lăng quăng nên từ chối, không uống.

Thầy Tỳ-khưu thứ nhì bị chết khát thầy Tỳ-khưu kia thì sống sót và được diện-kiến đức Phật mà tường-thuật câu chuyện. Thầy than rằng người bạn đồng tu quá cứng cáp nên bị chết khát trong sa-mạc mà không gặp được Phật.

Đức Phật quả mắng ông thầy Tỳ-khưu, nói là ông ta phạm luật. Thầy kia không chịu uống nước qua nhiên bị chết khát dọc đường. Nhưng lập-tức được sanh lên cõi trời Đạo-Lợi và đã đến bái kiến Đức Phật và được Phật thuyết pháp cho nghe. Bấy giờ, thầy đắc được Tịnh Pháp Nhân và chứng được quả-vị. Ai ngờ

ông kia tìm ra đường tắt trước!

Phật dạy: “Không được phóng-dật. Giữ lục căn. Dầu cách ta muôn dặm nhưng ta luôn luôn ý-niệm người: không khác gì bên cạnh ta.”

King Lăng Nghiêm nói: “Giữ tâm là giới. Giới thanh-tịnh sinh định. Từ định phát huệ.”

Tôi không coi trọng đông-độ-tử. Người quy-y với Tam Bảo, thọ ngũ giới và thường phạm giới là không phải Phật tử chân chính. Ngược lại, người chưa quy-y Tam Bảo mà giữ tam nghiệp (thân, khẩu và ý) thanh-tịnh mới thật là Phật tử. Tu hành thì không nên chấp nhãn hiệu.

Chương 38: Sinh Tức Hữu Diệt

(Có Sinh Tất Có Diệt)

Kinh Văn:

Hán Văn:

Phật vấn Sa-môn: Nhân mạng tại kỷ gian?

Đôi viết: Số nhật gian.

Phật ngôn: Tử vị tri Đạo.

Phục vấn nhất Sa-môn: Nhân mạng tại kỷ gian?

Đôi viết: Phạn thực gian.

Phật ngôn: Tử vị tri Đạo.

Phục vấn nhất Sa-môn: Nhân mạng tại kỷ gian?

Đôi viết: Hô hấp gian.

Phật ngôn: Thiện tai! Tử tri Đạo hỷ.

Dịch Nghĩa:

Đức Phật hỏi Sa-môn: Mạng người được bao lâu?

Đáp rằng: Thưa, trong khoảng vài ngày.

Đức Phật dạy: Ông chưa hiểu Đạo!

Lại hỏi một vị Sa-môn khác: Mạng người được bao lâu?

Đáp rằng: Thưa, trong khoảng một bữa ăn.

Đức Phật dạy: Ông chưa hiểu Đạo.

Lại hỏi một vị Sa-môn khác: Mạng người được bao lâu?

Đáp rằng: Thưa, trong khoảng một hơi thở.

Đức Phật dạy: Lành thay! Ông đã hiểu Đạo rồi vậy!

Lược giảng:

Đời người ngắn ngủi. Vô thường bất ngờ và chóng đến.

Đức Phật hỏi Sa-môn: Mạng người được bao lâu?

Đáp rằng: Thưa, trong khoảng vài ngày.

Đức Phật dạy: Ông chưa hiểu Đạo!

Chẳng ai biết tánh mạng con người có thể kéo dài trong bao nhiêu lâu.

“*Vài ngày*”: vị thầy hiểu mạng sống không lâu dài.

Mạng sống bắt đầu khi đệ bát thức đến, và đoạn khi nó lìa.

Đức Phật có một vị hoàng tử bà con rất ham vui. Ngài phái một vị tỳ-khưu đến báo cho hoàng tử là phải theo Phật xuất-gia vì chỉ còn một tuần nữa là chết, người bà con trả lời: “Nói với Phật là tôi rất cảm ơn Ngài thông-tin cho biết. Tôi sẽ y chỉ phụng hành: làm theo lời Ngài dạy”. Quý-vị nghĩ vị này làm gì? Ông ta tiếp-tục vui-chơi thêm sáu ngày nữa mới

chịu đến xuất-gia với Phật. Nhờ tu một ngày mà thăng thiên thay vì bị đọa.

Lại hỏi một vị Sa-môn khác: Mạng người được bao lâu?

Đáp rằng: Thưa, trong khoảng một bữa ăn.

Đức Phật dạy: Ông chưa hiểu Đạo.

Đức Phật lại hỏi một vị Sa-môn khác. Thầy bạch với Phật: Thưa trong khoảng một bữa ăn. Đức Phật nói với thầy ấy: Ông chưa hiểu Đạo.

Nói bóng là các lạc-thú (như thực-phẩm) của cuộc đời thật ngắn ngủi.

Lại hỏi một vị Sa-môn khác: Mạng người được bao lâu?

Đáp rằng: Thưa, trong khoảng một hơi thở.

Đức Phật dạy: Lành thay! Ông đã hiểu Đạo rồi vậy!

Có ba người bạn già gặp nhau.

Ông già sáu mươi tuổi nói: “tôi rất mừng chúng ta còn gặp nhau. Không biết sang năm có gặp được nhau không (ai sẽ còn sống)?”

Ông già bảy mươi lập-tức nói: “Tôi thì không dám nghĩ xa như vậy! Tới tuổi tôi thì đêm lên giường thì không biết ngày sau có thức dậy được không!”

Ông cụ tám mươi than: “Các ông thiệt tình! Đối

với tôi, khi thở ra thì không biết còn sống để thở vô không!”

“*Một hơi thở*”: mạng sống chúng ta chỉ treo nơi từng hơi thở!

Đức Phật nói với vị Sa-môn ấy: Ông đã thấu rõ được Đạo rồi!

Khổng tử nói: “Sáng nghe Đạo tới chết cùng cam 朝聞道，夕死可矣”. Sáng nghe được chân lý rồi tới chết cũng được. Vậy ý-nghĩa của cuộc đời mình là gì?

Người Hoa có câu: “Túy sinh mộng tử 醉生夢死”. Tới đây thì không biết làm gì, chết thì tất cả khác gì một giấc mơ!

Chương 39: Giáo Hối Vô Sai
(Sự Dạy Bảo Vốn Không Phân Biệt)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: Học Phật Đạo giả, Phật sở ngôn thuyết, giai ưng tín thuận. Thí như thực mật, trung biên giai điềm, ngô Kinh điềm nhi.**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: Người học Đạo Phật, đối với những lời Phật nói đều phải nên tín thuận. Ví như ăn mật, trong ngoài đều ngọt; kinh điển của Ta cũng vậy.**

Lược giảng:

Chương thứ ba mươi chín dạy rằng chúng ta nên tin tưởng và thọ trì tất cả kinh Phật, không nên phân biệt Đại-thừa hay Tiểu-thừa, đốn (mau) hay tiệm (chậm), hoặc so đo bộ kinh nào quan trọng và bộ kinh nào không quan trọng.

Đức Phật dạy: Người học Đạo Phật, đối với những lời Phật nói đều phải nên tín thuận.

Tất cả quý vị, những người học tập Đạo Phật, đều phải tin tưởng và thuận theo các kinh điển, giáo pháp do Đức Phật thuyết giảng mà hành trì, chớ nên có tâm phân biệt.

Bốn giáo-lý: Quyền, Thật, Đốn và Tiệm.

Tạng giáo: sinh tử của chân ngã không (Không quán 空觀; La-hán và Bích chi Phật); Thông giáo: vô sinh của chân ngã không (Không quán 空觀; vô sinh Tam Thừa quả vị); Biệt giáo: vô lượng pháp đều không (giả quán 假觀; tam hiền và Địa Bồ tát); Viên giáo: Trung Đạo (Đệ Nhất Đệ 第一諦; vô tác quá vị của Tín vị, Đẳng giác v.v.).

“*Tín*”: không nghi.

“*Thuận*”: không trái lại.

Phật Thích Ca đem Phật Pháp đến cõi Ta Bà để giúp chúng ta. Quý-vị nên tin như thế!

Thông-thường, chúng ta không hiểu những điều Ngài dạy. Đó là chuyện dĩ-nhiên: thiện tri thức dám nói những điều mà chúng ta khó tin và khó chấp-nhận. Người có phước khi nghe những lời đó thì phát lòng tin vì linh-tính cho phép.

Khi tin thì phải theo lời Phật dạy mà làm. Thế mới thật sự thấy lời của đức Phật chân chính và có lợi cho chúng-sinh.

Theo tôi biết, chưa có một vị A-la-hán, Bích chi Phật hoặc Bồ tát nào than-phiền là lời Phật không đúng cả!

Ví như ăn mật, trong ngoài đều ngọt; kinh điển của Ta cũng vậy.

“*Ngoài*”: dụ cho Quyền giáo của Nhị Thừa.

Đừng quên là năm vị đệ-tử đầu tiên của Phật là ngoại Đạo. Quyền giáo “*ngọt*” không thể diễn-tả.

“*Trong*” dụ cho Thật giáo cho chư vị Bồ tát. Họ phát-giác rằng tu Bồ Tát thừa còn huyền diệu hơn nữa! Họ mới thấy rằng Nhị Thừa chỉ như hóa thành, nếu biết tiếp-tục thì được nhiều hơn nữa.

Kinh điển Phật thuyết giảng đều là “vi Thực thí Quyền, khai Quyền hiển Thực; vì Thực-giáo mà ban bố Quyền-giáo và lập ra Quyền-giáo để làm hiển lộ Thực-giáo”. Dùng các giáo pháp để độ chúng sanh, khiến tất cả chóng thành Phật Đạo!

Chương 40: Hành Đạo Tại Tâm
(Tâm Phải Thực Hành Theo Đạo)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: Sa-môn hành Đạo, vô như ma ngu, thân tuy hành Đạo, tâm Đạo bất hành. Tâm Đạo nhược hành, hà dụng hành Đạo?**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: Bậc Sa-môn hành Đạo đừng như con trâu kéo xay, thân tuy hành Đạo nhưng tâm lại chẳng hành Đạo. Tâm Đạo nếu hành, thì cần gì hành Đạo?**

Lược giảng:

Chương thứ bốn mươi nói rằng tu Đạo là ở tâm chứ không phải ở hình thức.

Đức Phật dạy: Bậc Sa-môn hành Đạo đừng như con trâu kéo xay.

“*Con trâu kéo bàn xay*” là bị bắt làm. Ai bắt chúng ta tu?

Một số người Tây phương coi-thường xuất-gia, nghĩ họ là ăn-bám vào xã-hội. Tư-tưởng này không đúng.

Chúng tôi làm nên tích sự gì?

Chúng tôi mang cái thiện cho thế-giới. Chúng tôi

tu cái từ bi để giúp đời.

Càng lớn tuổi càng thấy sự cần-thiết của cuộc sống tâm-linh. Tôn-giáo có thể đem lại ý-nghĩa cho cuộc đời.

Mong quý-vị đừng đợi cho đến khi thân tàn ma dại vì phải xả thân mưu sinh hoặc chinh-phục thế-giới mới muốn tìm hiểu tại sao chúng ta đến thế-giới này.

Thân tuy hành Đạo nhưng tâm lại chẳng hành Đạo.

Tuy rằng bên ngoài thì tu hành: lạy Phật, tụng Kinh, trì Chú, nhưng bên trong thì tâm không chú ý đến những công hạnh ấy.

Có những người chỉ xuất-gia bên ngoài thôi còn tâm thì còn tại gia. Họ mặc áo cà sa nhưng suốt ngày chỉ lo chuyện thế-sự.

Họ là ai?

Những vị theo đuổi danh vọng và tiền của.

Tâm Đạo nếu hành, thì cần gì hành Đạo?

Nếu có thể đạt được cảnh-giới luôn luôn tưởng-niệm Đạo là xong rồi. Không còn vọng tưởng nữa, đắc Đạo rồi, không còn cần tu nữa!

Ấn-Độ giáo chú-trọng lễ-nghi và hình-thức.

Đạo không ở ngoại vật như lễ nghi, sách, chùa, tượng v.v. Đạo ở ngay trong tâm.

Chương 41: Trục Tâm Xuất Dục
(Ngay Thăng Dứt Trừ Dục Vọng)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: Phù vi Đạo giả, như ngu phụ trọng, hành thâm nê trung. Bì cực, bất cảm tả hữu cố thị. Xuất ly ứ nê, nãi khả tô tức. Sa-môn đương quán, tình dục thậm ư ứ nê, trục tâm niệm Đạo, khả miễn khổ hỷ.**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: Người hành Đạo ví như con trâu kéo nặng đi trong bùn sâu. Trâu cực mệt, chẳng dám nhìn phải ngó trái; ra khỏi chỗ bùn lầy rồi mới được hoãn nghỉ. Bậc Sa-môn phải quán tình dục còn hơn cả bùn lầy. Phải trục tâm niệm Đạo thì mới có thể thoát khổ.**

Lược giảng:

Trong chương thứ bốn mươi một này, Đức Phật dạy chúng ta nên nuôi dưỡng trục tâm và giữ thanh-tịnh.

Đức Phật dạy: Người hành Đạo ví như con trâu kéo nặng đi trong bùn sâu.

Tu cũng như cày trong bùn.

“*Trâu*” dụ cho người tu hành, cần phải nghe theo lời của thiện tri thức.

“*Kéo nặng*”: dụ cho những việc khó làm:

1. Phiền-não (làm chúng ta nặng trĩu cho đến khi liểu sinh tử).

2. Chúng sinh (phát nguyện độ tất cả).

3. Giáo lý (nguyên học và hiểu).

“*Bùn sâu*”: dụ cho biên sinh tử.

Trâu cực mệt, chẳng dám nhìn phải ngó trái.

“*Cực mệt*”: vô cùng mệt mỏi vì phải cố-gắng hết sức.

“*Chẳng dám nhìn phải ngó trái*”: bị độc-thúc nên không dám lơ-là.

Người tu hành thành-công là nhờ hiểu sự cấp-bách. Đây là đại sự. Như bên thiên tông dạy là nên treo chữ “tử” trên mắt.

Ra khỏi chỗ bùn lầy rồi mới được hoãn nghĩ.

Chỉ đến khi đã lội qua khỏi vũng bùn, trâu mới dám thong thả hoặc nghĩ.

Phải biết giải quyết xong việc sinh tử rồi mới có thể bớt cấp-bách.

Bậc Sa-môn phải quán tình dục còn hơn cả bùn lầy. Phải trực tâm niệm Đạo thì mới có thể thoát khổ.

“*Tình dục*” nguy hại và rất đáng sợ hơn bùn lầy nhiều!

Cho nên, “*phải trực tâm niệm Đạo*”, phải nhất

tâm tu hành thì mới có thể thoát được sự khổ.

“*Khổ*” có hai loại:

1. Đoạn phần sinh tử khổ: chúng ta sinh ra cái thân rồi chết.

2. Dị phần sinh tử khổ: tâm biến chuyển không ngừng.

Tại sao đức Phật nêu ra cái sợ? Có sợ mới chịu đổi!

Có một vị lớn tuổi cưới vợ trẻ. Ông ta khéo biết sợ vợ: nhất thiết đều biết làm theo ý vợ.

Ngày kia, nhà vua của nước láng giềng đem quân qua nước nhỏ hơn của ông già mà chinh-phục.

Ông già bèn dâng quân bảo vệ tổ-quốc.

Trước khi lâm trận, cô vợ trẻ đưa cho một thúng cơm để mà ăn. Cô ta dặn là nếu làm mất thúng cơm thì khỏi về lại nhà.

Ông lão tuân lời vợ, đặt thúng cơm trên đầu và cưỡi ngựa ra trận.

Phe bên ông già thua liểng-xiêng vì giặc địch quá mạnh. Hàng ngũ tả tơi khắp chiến trường.

Ông già chạy và bị lạc, thấy chỗ quân đóng trại của địch mà tưởng lầm phe mình nên thốc ngựa chạy về.

Quân địch hoàn-toàn ngạc nhiên, không ngờ có người dám tấn-công. Họ cố-gắng chụp giựt lấy thúng cơm trên đầu ông lính già. Họ chỉ làm ông ta chống-cự mãnh-liệt hơn vì sợ mất thúng cơm.

Bạn trong quân phe ông già đang tản mác ở đời xung quanh, trông thấy ông già phấn-đấu nên cũng thôi kèn tấn-công trại địch.

Kết quả là quân địch bị đại bại mà chạy về nước.

Ông già thắng trận và có thể trở về nhà với vợ.

Bài học là đôi khi sợ vợ cũng tốt.

Chương 42: Đạt Thế Như Huyền
(Hiếu Được Cõi Đời Là Hư Huyền)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: Ngô thị Vương Hậu chi vị như quá khích trần; thị kim ngọc chi bảo như ngõa lịch; thị hoàn tổ chi phục như tề bạch; thị đại thiên giới như nhất ha tử; thị A-nậu trì thủy như đồ túc du.**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: Ta xem ngôi vị Vương, hầu như bụi qua khe hở; xem vàng ngọc quý báu như gói gạch vỡ; xem y phục bằng tơ lụa như vải thô; xem đại thiên thế giới như một hạt ha; xem nước hồ A-nậu như dầu thoa chân.**

Lược giảng:

Chương cuối cùng giúp chúng sinh phá pháp chấp.

Đức Phật dạy: Ta xem ngôi vị Vương, Hầu như bụi qua khe hở.

“*Bụi qua khe hở*”: rất nhiều, rất nhỏ và phải cần ánh sáng mặt trời chiếu mới thấy được. Dụ cho những thứ không đáng để ý.

“*Vương*” là Quốc-vương, tức là vua của một nước.

“*Hầu*”: chư hầu, là vua của nước nhỏ (nước chư hầu). So với Hoàng-đế thì ngôi vị Chư-hầu có kém thua một chút.

Đức Phật xem các địa vị Quốc-vương và Chư-hầu này đều như bụi bặm trong lỗ hổng vậy. Ở chúng chẳng có giá trị gì cả, và cũng chẳng có gì đáng để chấp trước, bất quá chỉ là những hạt bụi trong khe hở mà thôi!

Địa vị quyền thế chẳng có ý-nghĩa gì đối với Phật.

Xem vàng ngọc quý báu như gói gạch vỡ.

Đối với Ngài, các thứ châu báu chẳng qua chỉ là các mảnh vỡ của thứ gói lợp nhà!

Ở Tây Phương Cực Lạc, đất toàn bằng vàng. Nó có giá-trị như đất ở cõi Ta Bà này.

Người thật sự giàu thì không coi trọng vàng bạc.

Xem y phục bằng tơ lụa như vải thô.

“*Y phục*” may “*bằng tơ lụa*”: dụ cho thứ đẹp và sang nhất.

Sang và mịn hay thô và rẻ, đối với đức Phật không khác gì nhau.

Xem đại thiên thể giới như một hạt ha.

Đức Phật coi cả tam thiên đại thiên thể giới chỉ lớn bằng một hạt ha mà thôi!

Ngài không chấp vào to hoặc nhỏ.

Xem nước hồ A-nậu như dầu thoa chân.

Nước trong hồ A-nậu (Anavatapa) vốn rất nhiều, Song Đức Phật thấy nó chỉ bằng lượng dầu ít ỏi đủ để thoa chân chứ không phải là nhiều lắm.

Không còn chấp nhiều ít.

Với kẻ có trình-độ hơn:

Kinh Văn:

Hán Văn: Thị phương tiện môn như hóa bảo tỳ; thị Vô-thượng Thừa như mộng kim bạch; thị Phật Đạo như nhãn tiền hoa; thị Thiên Định như Tu-di trụ; thị Niết-bàn như trú tịch ngụ; thị đảo chánh như lục long vũ; thị bình đẳng như Nhất-chân địa; thị hưng hóa như tứ thời mộc.

Dịch Nghĩa: Xem môn phương tiện như đồng châu báu hóa hiện; xem Vô-thượng Thừa như giấc mộng vàng lụa; xem Phật Đạo như hoa trước mắt; xem Thiên Định như trụ Tu-di; xem Niết-bàn như ngày đêm đều thức; xem sự đảo và chánh như sáu con rồng múa lượn; xem sự bình đẳng như Nhất-chân địa; xem sự hưng hóa như cây cối bốn mùa.

Lược giảng:

Xem môn phương tiện như đồng châu báu hóa hiện.

“*Báu*”: như thất báu - vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não. Như khi Bồ-tát Di-Lặc thành

Phật, mặt đất của chúng ta sẽ biến thành lưu ly.

“Môn phương tiện” tức là Pháp-môn Tam-Thừa do chư Phật đặt ra, bao gồm các pháp môn phương tiện của Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát. Nếu tu hành theo các pháp môn này thì sẽ chứng được quả-vị, được thành Phật.

Người đời thì chuộng cách làm giàu.

Người tu hành thì chuộng pháp môn tu hành để chóng thành-tựu. Người thì chủ-trương tu Thiền, kẻ thì tin Mật tông, một số thâm tin Tịnh độ.

Đối với Phật, tất cả pháp môn đều là phương-tiện, như biến hóa: tất cả đều quý như nhau.

Xem Vô-thượng Thừa như giắc mộng vàng lụa.

Vô-thượng Thừa vốn là chân thật, và cũng là thứ đạo lý sẵn có trong tự tánh của chúng sanh. Bởi nói:

“Viên mãn Bồ-đề, quy vô sở đắc.”

Một khi Bồ-đề đã viên mãn, sự giác ngộ đã trọn vẹn, thì cái gì cũng không còn nữa. Do đó, Đức Phật coi Vô-thượng Thừa chẳng khác gì vàng bạc, lụa là trong giấc chiêm bao. Những vàng bạc trong mộng thì đều là giả, là hư huyễn cả.

Không nên chấp vào bất cứ Thừa nào.

Xem Phật Đạo như hoa trước mắt.

“*Hoa trước mắt*” là huyễn hình, không lâu dài.

“*Phật Đạo*” được dạy để độ chúng sinh. Nếu không có chúng sinh thì đâu có gì đáng nói.

Không nên chấp vào “*Đạo*”.

Xem Thiên Định như trụ Tu-di.

Núi “*Tu-di*” vươn cao trên mặt biển cả và không sóng gió nào có thể lay chuyển được nó.

Người tu “*Thiên Định*” có được thứ định lực “bất động” như núi Tu-di vậy.

Núi Tu-di to lớn trong thế-giới chúng ta, nhưng chả gì ghê-gớm đối với đức Phật.

Không nên chấp vào định lực vì cũng như Tu di, nó không trường cửu.

Xem Niết-bàn như ngày đêm đều thức.

Đức Phật xem pháp môn Niết-bàn giống như cả ban ngày lẫn ban đêm đều thức, tỉnh táo, không hề ngủ vậy.

Đây là để cảnh-tỉnh bên Nhị-Thừa: không nên chấp vào Niết Bàn.

Xem sự đảo và chánh như sáu con rồng múa lượn.

Đối với Đức Phật, sự điên đảo và chánh đáng chẳng khác gì sáu con rồng múa lượn một cách hỗn loạn. Chính và tà không còn phân biệt được.

“*Sáu con rồng*”: tượng-trung cho lục-căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) liền chạy theo các cảnh giới của Lục-trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

Đức Phật không chấp chính hoặc tà.

Xem sự bình đẳng như Nhất-chân địa.

“*Nhất-chân địa*” chỉ có một chỗ chân thật. Đó là Chân Như.

“*Bình đẳng*”: ai cũng như nhau, không còn cao thấp, giàu sang, lớn bé v.v.

Tâm muốn thật sự bình-đẳng thì phải trụ ở Chân Như.

Đức Phật không còn chấp tướng.

Xem sự hưng hóa như cây cối bốn mùa.

Đức Phật xem sự hưng thịnh Phật Pháp giống như cây cối trong bốn mùa vậy. Mùa xuân thì cây cối đâm chồi. Mùa hạ thì cây phát triển, lớn lên. Mùa thu thì lá rụng. Mùa đông thì cây trơ cành trụi lá. Sự hưng thịnh của Phật Pháp cũng có chu kỳ, thời điểm của nó.

“*Xem*”: dùng Phật nhãn mà nhìn.

Nếu có ai thắc mắc thành Phật sẽ ra sao. Đức Phật nói rất rõ-ràng: không còn chấp trước vào bất cứ gì.

Chuyện về vị hòa thượng bị vãi: thủ-tướng đến gặp Ngài để thỉnh giáo. Thủ-tướng hỏi: “Pháp nào tốt cao?”

Hòa Thượng lập-tức bỏ bao vải xuống (tất cả của cải Ngài có).

“Vậy có gì cao hơn nữa không?” thủ-tướng hỏi thêm.

Hòa Thượng nắm bị vải lên và bỏ đi quách.

Cái hiểu cao nhất là không có gì ở trong đó. Không còn bất cứ tướng gì cả.

Tôi xin kết thúc bộ kinh này bằng cách nhắc lại những pháp môn chương này đã bàn tới:

Không quán 空觀:

1. Danh
2. Tài
3. Thực và y phục
4. Thế-giới
5. Núi sông (giang sơn).

Tục quán 假觀:

1. Phương-tiện
2. Đại Thừa
3. Phật Đạo
4. Định
5. Niết Bàn

Trung quán 中觀:

1. Điên đảo và chính
2. Bình đẳng
3. Giáo hưng thịnh.

Hết chương 42 trọn bộ